



PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGÔ THỊ HƯỜNG - NGUYỄN DUY KHUÊ - NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

Mĩ thuật

6

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGÔ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY KHUÊ – NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

Mĩ thuật



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



LỜI NÓI ĐẦU

Mĩ thuật 6 – Sách giáo viên thuộc bộ sách Cánh Diều là tài liệu dùng cho giáo viên và các nhà quản lí trong việc thực hiện dạy học môn Mỹ thuật theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Cuốn sách bao gồm ba phần:

Phần 1: Nội dung cơ bản trong Chương trình môn Mỹ thuật lớp 6

Giáo viên có thể nắm bắt và phân tích những đóng góp của môn Mỹ thuật với việc hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh dựa trên ma trận mạch nội dung của sách giáo khoa Mỹ thuật 6 thuộc bộ sách Cánh Diều.

Phần 2: Gợi ý phương pháp, kĩ thuật dạy học và kiểm tra, đánh giá

Cung cấp cho các thầy giáo, cô giáo cách tiếp cận việc kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Phần 3: Hướng dẫn tổ chức dạy học theo sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 6

Đây là nội dung có ý nghĩa thực tế nhất đối với giáo viên, được biên soạn theo hướng cụ thể hoá các bài dạy trong sách giáo khoa Mỹ thuật 6, cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi có trong sách giáo khoa và hướng dẫn thêm quy trình thực hành để giáo viên lựa chọn cho bài dạy phong phú hơn. Bố cục các bài thiết kế tương tự mẫu giáo án dành cho giáo viên thông qua các hoạt động dạy – học và một số giáo án minh hoạ theo quy định hiện hành.

Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi nhiều thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được những góp ý quý báu từ các chuyên gia, quý thầy giáo, cô giáo... để nội dung cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

PHẦN 1
NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHƯƠNG TRÌNH
MÔN MĨ THUẬT LỚP 6

I. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu chương trình môn Mĩ thuật¹

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Mĩ thuật giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mĩ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mĩ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2. Mục tiêu cấp trung học cơ sở

Môn Mĩ thuật giúp HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật ở cấp tiểu học, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mĩ của thời đại, làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học, có ý thức định hướng nghề nghiệp sau khi kết thúc cấp học.

Với cấp học này, nhìn chung, các môn học bắt đầu trở về hình dạng cơ bản của lĩnh vực ngành nghề và phân tách ra thành các mảng kiến thức riêng biệt. Sự hỗ trợ qua lại giữa mĩ thuật với các môn học khác là rất rõ ràng. Ví dụ, hình ảnh trực quan và phân tích màu sắc tạo cơ hội cho HS liên tưởng đến ngôn ngữ hay hình 3D giúp việc học hình học trong toán hoặc công nghệ với quy trình thực hiện hình vẽ,...

¹ Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất cấp trung học sơ sở

2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất cấp trung học cơ sở trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018

Trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018, phần mục tiêu chung đã ghi: “Chương trình môn Mỹ thuật giúp HS hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mỹ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mỹ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo”. Đồng thời tại mục (IV; 1) viết: “Chương trình môn Mỹ thuật góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung với các mức độ cụ thể được quy định cho từng cấp học trong Chương trình tổng thể.”

2.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đóng góp của môn Mỹ thuật trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh

Chương trình môn Mỹ thuật được thực hiện thông qua hoạt động thực hành, trải nghiệm, sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. Đồng thời quá trình dạy – học kết hợp giữa các hoạt động thảo luận, tìm hiểu, khám phá giá trị thẩm mỹ ở các sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật trong mối liên quan giữa các chủ đề, sự tương tác giữa nghệ thuật với văn hoá xã hội, qua đó góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Cụ thể hoá Chương trình tổng thể 2018 nên Chương trình môn Mỹ thuật cũng phải đảm bảo đóng góp vào việc hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các phẩm chất này được hình thành nhờ vào các mục tiêu cụ thể của bài học, đặc biệt là các thông điệp từ chủ đề dạy học (DH) và quá trình nhận thức đánh giá của HS thông qua các chủ đề. Trên thực tế, nhờ vào khả năng truyền tải thông điệp hình ảnh có tốc độ nhanh và dễ nhớ nên sự đóng góp về nhận thức cho HS cũng dễ hình thành hơn không chỉ ở cấp tiểu học mà ở mọi cấp học, nhất là hình thành các năng lực nhận thức và thực hành. Dường như các yêu cầu cần đạt cho mục đích bồi dưỡng phẩm chất cho HS của môn Mỹ thuật rất rõ ràng nhưng rất dễ bị mờ nhạt nếu thực hiện không tốt

các chủ đề DH. Trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018, các thành phần năng lực và mạch nội dung DH được chi tiết hoá trong bảng về năng lực đặc thù đã chứa đựng nội hàm của các yêu cầu và không có mức độ cụ thể hoá riêng nội dung đang bàn ở đây. Nhưng có thể hiểu kết quả của quá trình DH mà chương trình chứa đựng là một sự tổng hợp các kinh nghiệm về giáo dục nghệ thuật của một số nước có yếu tố phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Như đã nói, phẩm chất của người Việt Nam vốn đã được xác định rõ ràng trước đây và hiện hữu ngay từ năm điều Bác Hồ dạy – được coi như tư tưởng giáo dục của đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, việc xác định mục tiêu phẩm chất trách nhiệm như đã nói, là một cách nhấn mạnh giá trị cá nhân đối với cộng đồng như chìa khoá của giá trị xã hội ngày nay.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực cấp trung học sơ sở

3.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn Mỹ thuật trong việc hình thành, phát triển năng lực cho học sinh

Trong Chương trình tổng thể năm 2018, các năng lực được chỉ ra cụ thể như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Môn Mỹ thuật có những ưu thế nhất định trong việc góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung. Những năng lực chung này không những được hình thành, phát triển thông qua nội dung giáo dục mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức DH với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong các hoạt động thực hành tạo sản phẩm mỹ thuật và thảo luận, tìm hiểu giá trị của các sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật, cũng như tiếp cận khám phá các yếu tố thẩm mỹ cơ bản trong đời sống. Từ các vấn đề nêu trên, có thể xác định cụ thể môn Mỹ thuật góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung thông qua các biểu hiện chủ yếu sau đây:

3.1.1. Năng lực tự chủ và tự học

Trong học mỹ thuật, mức độ tự chủ luôn đậm nét trong mọi hoạt động học. HS hoàn thành sản phẩm của mình theo quy trình sáng tạo của cá nhân là chủ yếu. Mỗi sản phẩm/bài học đều bắt đầu từ ý tưởng riêng và cơ bản kết thúc theo mong muốn cá nhân. Hoạt động thực hành và thảo luận là hành trình HS được khám phá, thể hiện bản thân và phát triển nhận thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực học tập và trải nghiệm trạng thái cảm xúc tự thân qua thực tiễn. Quá trình tự học cũng là đặc trưng bắt buộc vì chính HS mới là người đưa ra quyết định giải thích thông điệp của sản phẩm trong trường hợp cần làm sáng tỏ nội dung.

3.1.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

DH Mỹ thuật có một đặc điểm quan trọng là quá trình tự học, tự nhận thức trong khi học cùng bạn. Cho dù các ý tưởng và hành động đều mang tính cá nhân, nếu HS học môn Mỹ thuật theo hướng cá nhân cũng sẽ không có kết quả cao. Khi có sự chia sẻ, nhận xét và thảo luận giữa tập thể, nhóm học tập, sẽ hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác. Trong Chương trình tổng thể năm 2018, hình thức DH được xác định là thông qua hoạt động DH kết hợp lồng ghép thực hành và thảo luận nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, nêu và phản hồi ý kiến, nhận xét về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của cá nhân hay bạn và của các nghệ sĩ, họa sĩ nên có nhiều ưu thế hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

3.1.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Bản chất của nghệ thuật nói chung, mỹ thuật nói riêng là sáng tạo. Bất cứ sự sao chép, lặp lại nào đều không được coi là tác phẩm nghệ thuật. Từ góc độ vật chất, sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật là độc nhất. Riêng tranh khắc có nhiều bản nhưng từng bản là độc lập và được đánh số thứ tự. Từ góc độ tinh thần là tạo ra một giá trị tinh thần, những thông điệp cho người xem và người thưởng thức. Trong quá trình sáng tạo và thưởng thức cả người tạo ra và người hưởng thụ đều phải sáng tạo cho riêng mình nên nhiều khi một tác phẩm được giải nghĩa theo nhiều ý khác nhau.

Với môn Mỹ thuật, vấn đề sáng tạo là đặc trưng quan trọng nhất và là biểu hiện đáng lưu ý nhất khi đánh giá kết quả trong quá trình học. Quá trình tạo ra sản phẩm, thực hành bài tập chính là quá trình giải quyết, hình tượng hoá các ý tưởng trong đầu lên sản phẩm qua các ngôn ngữ tạo hình. Sự sáng tạo ở đây không chỉ là ý tưởng hay phát minh sáng kiến mà còn xuất hiện trong hầu hết các hoạt động. Ví dụ khi lựa chọn ngôn ngữ hình trong diễn tả, HS luôn trải nghiệm và đúc kết được sự xuất hiện của nó trên sản phẩm và quyết định sửa chữa, điều chỉnh nó theo hiểu biết của cá nhân. Thông điệp của hình trên bức tranh thường không phải là phiên bản duy nhất mà liên tục được sáng tạo thêm. Quá trình như vậy giúp HS luôn phải tư duy và lựa chọn phương cách thực hiện để hoạt động sáng tạo liên tục. Một hình ảnh được vẽ lên mặt giấy vốn đã là một sáng tạo hình ảnh không lặp lại.

3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật lớp 6

3.2.1. Quy định cho cấp trung học cơ sở trong Chương trình môn Mỹ thuật

Với ba nhóm năng lực được chỉ ra trong Chương trình môn Mỹ thuật, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên (GV) sẽ thấy có sáu năng lực tách biệt nhau được hệ thống lại qua bảng dưới đây:

QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MỸ

Quan sát thẩm mỹ

- Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống.
- Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ.
- Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật.

Nhận thức thẩm mỹ

- Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ.
- Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống.
- Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo.

SÁNG TẠO VÀ ỨNG DỤNG THẨM MỸ

Sáng tạo thẩm mỹ

- Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ.
- Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ.
- Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo.
- Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.

Ứng dụng thẩm mỹ

- Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo.
- Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập.
- Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THẨM MỸ

Phân tích thẩm mỹ

- Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ.
- Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật.
- Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

Đánh giá thẩm mỹ

- Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình.
- Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

3.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật lớp 6

Với riêng lớp 6, Chương trình môn Mỹ thuật quy định cụ thể qua mạch Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng gồm:

a. Phần Mỹ thuật tạo hình chiếm tỉ lệ 50 % số tiết trong 35 tiết

Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:

- Xác định được nội dung chủ đề.
- Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc.
- Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.
- Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.

Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:

– Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.

– Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.

– Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo.

– Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.

Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:

– Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.

– Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.

– Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mỹ thuật.

– Hiểu được mối liên hệ giữa Mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.

b. Phần Mỹ thuật ứng dụng chiếm khoảng 40 % của 35 tiết

Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:

– Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm.

– Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.

– Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

– Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm.

Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:

– Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm.

– Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới.

– Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm.

– Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm.

Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:

- Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập.
- Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá.
- Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.
- Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.

3.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật và việc hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật cho học sinh

Năng lực mỹ thuật (thẩm mỹ) được xác định từ các yêu cầu cần đạt rất cụ thể. Nội dung dưới đây được trích trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018, xác định các biểu hiện của năng lực mỹ thuật:

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
<i>Biết</i>	Nhận biết được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, đặc điểm,...), đọc được tên (màu sắc, tác giả, sản phẩm, tác phẩm, trường phái,...), liệt kê được (đồ dùng, công cụ, vật liệu, ngành nghề,...), nêu được (yếu tố đặc trưng, ý tưởng, giải pháp,...), xác định được (chủ đề, mục đích, đối tượng,...),...
<i>Hiểu</i>	Trình bày được (cảm nhận, sự liên hệ, quan điểm,...), biểu đạt được (cảm xúc, ý tưởng, nội dung,...), giới thiệu được (tác giả, sản phẩm, tác phẩm,...), tóm tắt được (giá trị nghệ thuật, cuộc đời, sự nghiệp,...), giải thích được (sắp xếp bố cục, tính phổ biến, địa điểm,...), phân tích được (vẻ đẹp, mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng, nhu cầu xã hội,...), phân loại được (thể loại, hình thức), phân biệt được (tranh vẽ, tranh in, một số chất liệu,...), đánh giá được (sản phẩm, hoạt động thực hành, thảo luận, mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng,...), nhận định được (giá trị thẩm mỹ, tiến trình phát triển, sự tác động của internet),...
<i>Vận dụng</i>	Mô phỏng được (đối tượng thẩm mỹ), phác thảo được (ý tưởng), lựa chọn được (công cụ, vật liệu, chất liệu, hình thức thực hành, vị trí trưng bày,...), sử dụng được (vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thực hiện được (thao tác, các bước thực hành, phác thảo,...), vận dụng được (yếu tố tạo hình, nguyên lí tạo hình, yếu tố văn hoá nghệ thuật, nhịp điệu của hoa văn,...), phối hợp được (kỹ năng, vật liệu, công cụ, phương tiện,...), thể hiện được (ý tưởng, đặc trưng, cấu trúc, mục đích,...), tạo được (sản phẩm, sự hài hoà, hoà sắc,...).

Ba nhóm năng lực trong chương trình môn học là biểu hiện của các mức độ năng lực dựa theo thang năng lực của Bloom. Thực chất các năng lực này được chia nhỏ thành sáu năng lực thành phần ứng với thang đo năng lực nhận thức của người học với sáu cấp độ. Điều này giúp GV có thể đặt ra yêu cầu cần đạt ngay trong từng bài dạy, từng chủ đề dạy học. Mỗi kế hoạch DH/giáo án cụ thể của bài hay chủ đề dạy học đều dễ dàng bám theo khung năng lực thành phần mà chương trình đề ra. Từng bài dạy, tùy theo chủ đề sẽ được xây dựng theo khung của chương trình môn học để giải quyết yêu cầu mà SGK đưa ra. Các tác giả quan niệm, SGK là một gợi ý chứ không nên coi nó là pháp lệnh.

Dưới đây là các yêu cầu cần đạt của năng lực mỹ thuật trong chương trình:

3.3.1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ

Quan sát là cách để HS khám phá, tìm hiểu, thu nhận thông tin và gọi lên sự tò mò về những gì các em nhìn thấy/quan sát xung quanh. Quá trình quan sát đối tượng theo gợi ý và định hướng phương pháp sẽ phát triển nhận thức giác quan và cảm nhận thẩm mỹ, thúc đẩy HS phát hiện và hình thành ý tưởng ban đầu cho thực hành, sáng tạo. Quan sát giúp thị giác được phát triển và hình thành quy luật nhận thức cho con người. Trong quan sát và nhận thức thẩm mỹ, HS cần đạt được các yêu cầu chủ yếu sau:

- Nhận biết được vẻ đẹp của đối tượng quan sát cũng như trong đời sống, cảm nhận được vẻ đẹp tạo hình của đối tượng thẩm mỹ;
- Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của đối tượng quan sát;
- Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật;
- Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm trong đời sống;
- Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành, sáng tạo.

3.3.2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ

Quá trình sáng tạo là để tạo ra cái mới trên sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật hoặc tự mình phát hiện ra cái mới của đối tượng quan sát. Đây là một yêu cầu trọng yếu của hoạt động học và thực hành mỹ thuật. Ứng dụng là sử dụng cái mới đó trong đời sống thực tiễn, đây là một khả năng quan trọng hơn hay thực dụng hơn, cũng là quá trình tiêu thụ sản phẩm sáng tạo. Hai nội dung này được xếp một cặp như là một cách không đề cao quá về sáng tạo ra cái mới mà không biết hoặc không sử dụng được. Chỉ khi sản phẩm mang cái mới được ứng dụng vào cuộc sống thực tiễn thì mới đạt được năng lực theo nghĩa đen của từ này.

Hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ là cơ hội để HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ, tư duy tưởng tượng của bản thân thông qua thực hành tạo ra hình ảnh về đối tượng thẩm mỹ. Hay nói cách khác, hoạt động này là cách để các em thể hiện bản thân, giao tiếp với người khác, tiếp nhận sự biểu đạt của người khác; đồng thời, thể hiện nhận thức thẩm mỹ và thử nghiệm ý tưởng, đổi mới sáng tạo trong thực hành, sáng tạo. Theo đó, trong hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, HS cần đạt được các yêu cầu chủ yếu sau:

- Có được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ trong quá trình học tập;
- Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo để thể hiện ý tưởng đã có;
- Vận dụng được yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo;
- Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ, thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo;
- Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập;
- Sử dụng được sản phẩm sáng tạo của bản thân hoặc của người khác để phục vụ cho học tập và đời sống.

3.3.3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ

Hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mỹ thực chất là cách giúp HS bước đầu thực hành lí luận mỹ thuật ở mức độ đơn giản và tăng dần theo cấp lớp. Quá trình này giải thích cách ngôn ngữ mỹ thuật được dùng và hiệu quả nghệ thuật, hiệu quả thẩm mỹ mà nó mang lại. HS theo đó giới thiệu, thảo luận, chia sẻ cảm nhận, trình bày ý kiến, quan điểm về sản phẩm, tác phẩm và những gì nhìn thấy, cũng như kinh nghiệm thực hành. Kết quả của quá trình phân tích và đánh giá thẩm mỹ sẽ giúp các em đi từ hiểu biết đến tôn trọng và tự hào về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật và biết tự đánh giá quá trình học tập.

Trong phân tích và đánh giá thẩm mỹ, HS cần phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ, biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật; Quá trình phân tích phải mô tả, phân tích được các ngôn ngữ tạo hình đã được sử dụng, từng yếu tố, nguyên lý tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

Trong tiến trình giáo dục, các thành phần năng lực trên luôn song hành cùng nhau và lồng vào nhau một cách biện chứng. Các năng lực được hình thành trong quá trình học tập nhằm vào hình thành, phát triển ở HS năng lực mỹ thuật. Tuy nhiên, tùy theo mục tiêu, nội dung và hoạt động DH cụ thể mà mỗi thành phần năng lực được hình thành và phát triển ở các mức độ khác nhau.

II. MẠCH NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 6, BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

HS lớp 6 vừa kết thúc cấp tiểu học với mạch nội dung DH hướng đến việc dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình để thiết kế hoạt động học. Dựa trên mạch nội dung DH được quy định trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, nội dung dưới đây tổng hợp để giáo viên dễ dàng đối chiếu cả cấp học, đặc biệt là lớp 6.

1. Yếu tố và nguyên lí tạo hình

Thành phần	Nội dung
Yếu tố	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.
Nguyên lí	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.
Hoạt động	– 2D, 3D, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS.

2. Mạch nội dung/thể loại loại hình mĩ thuật

Mạch nội dung/ thể loại	Lớp 1 – 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Lí luận và lịch sử mĩ thuật	+	+	+	+	+
Hội hoạ	×	×	×	×	×
Đồ hoạ (tranh in)	×	×	×	×	×
Điêu khắc	×	×	×	×	×
Thủ công	×				
Thiết kế công nghiệp		×	×	×	×
Thiết kế đồ hoạ		×	×	×	×
Thiết kế thời trang		×	×	×	×
Hướng nghiệp				×	×

Mạch nội dung dạy học của bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở có sự phân biệt rõ ràng. Tiểu học đã kết thúc thể loại thủ công, thay vào đó, ở trung học cơ sở xuất hiện ba thể loại mới và nội dung hướng nghiệp (giáo dục nghề nghiệp). Có thể cụ thể hoá mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung/thể loại	Định hướng nội dung dạy học/chủ đề
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Các thành tựu, di sản mỹ thuật của nhân loại từ thời kì tiền sử cho đến hết thời kì cổ đại; niên đại từ nguyên thủy cho đến khoảng thế kỉ III TCN.
Hội hoạ	Vẽ cơ bản, vẽ tĩnh vật, vẽ tranh đề tài, vẽ phong cảnh, vẽ chân dung,...
Đồ hoạ (tranh in)	In lá cây, in bằng bản khắc (in nổi, in lõm), in ghép khuôn, in độc bản,...
Điêu khắc	Nặn, khắc, đục hình từ khối cơ bản, uốn dây, tạo hình 3D; tạo hình tái chế; khối gấp giấy; điêu khắc ngoài trời.
Thiết kế công nghiệp	Tạo hình, gấp hộp; ghép hình dạng lego; vẽ hình chiếu, đọc bản vẽ.
Thiết kế đồ hoạ	Sáng tạo hoạ tiết; trang trí cơ bản trên sản phẩm, trang trí đồ vật, chữ, tạo hình icon, logo; bố cục hình, chữ trên sản phẩm, thiết kế thiệp.
Thiết kế thời trang	Vẽ thiết kế trên giấy, phối màu (trên giấy và trên sản phẩm); thời trang tái chế; thời trang cho con vật; sáng tạo phụ kiện thời trang.

3. Bảng tỉ lệ phân phối mạch nội dung dạy học

Thể loại	Nội dung	Phân phối theo các khối lớp			
		6	7	8	9
Mỹ thuật tạo hình	– Lí luận và lịch sử mỹ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc.	50 % = 17,5 tiết	50 % = 17,5 tiết	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết
Mỹ thuật ứng dụng	– Lí luận và lịch sử MT. – Thiết kế công nghiệp. – Thiết kế đồ hoạ. – Thiết kế thời trang.	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết	40 % = 14 tiết
Hướng nghiệp	– Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến MT ứng dụng. – Thực hành sáng tạo sản phẩm MT ứng dụng.			10 % = 3,5 tiết	10 % = 3,5 tiết

4. Phạm vi chủ đề

Quy định phạm vi chủ đề dạy học dành cho các khối lớp được quy định rõ ràng. Điểm đặc biệt là cách phân chia chủ đề mỹ thuật theo hướng phân kì lịch sử nghệ thuật. Việc này đảm bảo rằng các vấn đề lịch sử mỹ thuật được đưa vào nội dung giáo dục theo hướng tuyến tính. Với lớp 6, ngoài chủ đề văn hoá, xã hội, chủ đề mỹ thuật được quy định trong khoảng Nghệ thuật tiền sử và cổ đại Việt Nam, thế giới. Giai đoạn này tương đương từ thời kì nguyên thuỷ cho đến thời kì Cổ đại (khoảng thế kỉ III TCN).

Đối với sách Mỹ thuật 6, bộ sách Cánh Diều, chúng tôi đã tuân thủ quy định này để đảm bảo rằng các dữ liệu DH sẽ có tính liên thông cả cấp học. Như vậy, khi triển khai các bài dạy, GV cũng lưu ý khai thác nội dung sao cho đúng với tinh thần này.

Bảng phân phối phạm vi chủ đề theo các khối lớp			
6	7	8	9
– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật tiền sử và cổ đại Việt Nam, thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật trung đại Việt Nam và thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật hiện đại Việt Nam và thế giới.	– Văn hoá, xã hội. – Nghệ thuật đương đại Việt Nam và thế giới.

III. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học

Trong quy định, các thiết bị DH cơ bản dùng chung được trang bị từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nhà trường, GV mỹ thuật cần lưu ý bảng danh mục thiết bị để chuẩn bị đầy đủ. Tùy vào điều kiện thực tế, GV có thể chuẩn bị thêm thiết bị như mẫu vẽ, giá vẽ tiêu chuẩn, bục mẫu vẽ, giá để hoạ phẩm, các loại tranh ảnh phiên bản tác phẩm theo phạm vi quy định cho lớp 6. Để tăng tính đa dạng, sách giáo viên sẽ được giới thiệu thêm một số hình ảnh cần cho bài học. Tranh ảnh chủ yếu là các công trình nghệ thuật tiêu biểu cho các thời kì lịch sử mỹ thuật.

Đối với các vật liệu dùng trong học tập của HS, sách chỉ định hướng các vật liệu đại diện, dễ tìm kiếm. Ví dụ có thể sử dụng giấy vụn thay cho đất nặn hoặc củ, quả mọi vùng miền sẵn có. GV có thể lựa chọn sử dụng linh hoạt theo thực tế địa phương. Phần Sáng tạo ở các bài học không yêu cầu bắt buộc. GV có thể hướng dẫn HS chọn vật liệu đa dạng ở địa phương để thực hành.

2. Các tài liệu, học liệu phục vụ dạy học

Bộ sách Mỹ thuật 6 Cánh Diều có đầy đủ các tài liệu và học liệu bao gồm:

– Sách giáo khoa Mĩ thuật 6: mỗi cuốn SGK đều có mã code để truy cập tài nguyên điện tử online. GV, HS, phụ huynh (PH) có thể theo mã này để sử dụng tài nguyên cấp miễn phí online.

– Sách giáo viên Mĩ thuật 6 là bản mà quý thầy, cô đang cầm trên tay với các nội dung thiết thực.

– Thực hành Mĩ thuật 6 dành cho HS với các nội dung hỗ trợ, mở rộng phần luyện tập trong SGK.

– Tài liệu bồi dưỡng GV để thực hiện hỗ trợ quý thầy, cô sử dụng SGK và cách triển khai dạy học.

– Các bài giảng mẫu, hướng dẫn thực hành mẫu và gợi ý giáo án theo quy chuẩn khoa học giáo dục và cụ thể hoá quy định hiện hành.



**GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT
DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

I. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC PHÙ HỢP

Đối với DH định hướng phát triển năng lực, việc áp dụng các phương pháp DH tích cực cũng như các kỹ thuật DH hiện đại được ưu tiên hơn so với các phương pháp, kỹ thuật DH truyền thống. Tuy nhiên quá trình áp dụng phương pháp và kỹ thuật DH mới quyết định đến chất lượng giờ dạy. GV có thể kết hợp các phương pháp và kỹ thuật DH sao cho phù hợp với thực tiễn giờ dạy, với mục tiêu đặt ra, với không gian học tập,...

Về cơ bản, SGK Mĩ thuật 6 được thiết kế lồng ghép, tích hợp các hoạt động giữa lí thuyết với thực hành, giữa kiến thức và kĩ năng mĩ thuật cũng như giữa các kiến thức tích hợp liên môn. Vì vậy, GV đã được gợi ý ngay trong cấu trúc của SGK. Trong quá trình triển khai tập huấn GV, các tác giả cũng cung cấp nhiều hướng lựa chọn phương pháp và kỹ thuật DH. Trong khuôn khổ lớp 6, các phương pháp mà chúng tôi đề xuất sử dụng ưu tiên hơn bao gồm:

1. Nhóm phương pháp dạy học

1.1. Dạy học trực quan

DH trực quan là cách thức GV sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ HS hình thành năng lực và phẩm chất. Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng vào trong quá trình DH giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu DH.

1.2. Dạy học thực hành

DH thực hành là phương pháp DH dựa vào sự quan sát và thực nghiệm tự lực của HS dưới sự hướng dẫn của GV thể hiện bằng lời nói, câu hỏi, bài tập thực hành, thao tác nhằm giúp cho HS hiểu rõ và vận dụng kiến thức lí thuyết để hình thành và rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp.

1.3. Dạy học hợp tác

DH hợp tác là DH trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó, giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học

tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn trong nhóm. DH hợp tác được sử dụng để hướng dẫn HS tìm hiểu một chủ đề, bài học mới, thực hành và luyện tập ở trong lớp, tổ chức những hoạt động học tập cần có sự tham gia đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều HS. Từ đó, tạo ra được sản phẩm học tập chung của nhóm. Ở mức độ cao hơn, GV có thể đề ra những nhiệm vụ tìm hiểu chuyên sâu cho các nhóm HS hoàn toàn độc lập xử lý các lĩnh vực đề tài và trình bày kết quả làm việc.

1.4. Dạy học khám phá

DH khám phá là cách thức tổ chức DH. Trong đó, HS tự tìm tòi, khám phá, phát hiện ra tri thức mới trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

Để áp dụng được phương pháp DH khám phá, HS phải có những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ học tập mang tính khám phá. Do vậy, GV phải nắm bắt được khả năng của HS, biết lựa chọn những vấn đề phù hợp, vừa sức với trình độ HS. Khi thiết kế mỗi hoạt động, nhiệm vụ học tập cho HS ngoài các tư liệu hỗ trợ học tập, GV cần chuẩn bị các câu hỏi mang tính định hướng, gợi mở từng bước giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Sự hướng dẫn của GV cho mỗi hoạt động phải ở mức cần thiết, vừa đủ, đảm bảo HS phải hiểu được chính xác các em phải làm gì trong mỗi hoạt động khám phá. Việc tổ chức quá trình khám phá kiến thức mới cho HS chiếm khá nhiều thời gian DH nên tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung và thời lượng chủ đề DH mà GV và sự đáp ứng của phương pháp khám phá mà GV áp dụng cho phù hợp.

2. Nhóm kỹ thuật dạy học phù hợp với môn Mĩ thuật

Có nhiều kỹ thuật dạy học khác nhau và mức độ áp dụng cho các phương pháp DH cũng khác nhau. Dưới đây là một số kỹ thuật dạy học các tác giả đề xuất GV sử dụng cho môn Mĩ thuật.

2.1. Kỹ thuật phòng tranh

Đây là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS được trưng bày như một phòng triển lãm tranh. Khái niệm “tranh” ở đây có thể được hiểu là sản phẩm học tập trực quan của HS. Các em di chuyển, quan sát các sản phẩm của HS khác, đặt câu hỏi và nêu ra nhận xét hoặc ý kiến góp ý. Sau đó, GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

Cách tiến hành:

- GV giao nhiệm vụ học tập cho cá nhân hoặc nhóm. Có thể thiết kế nhiều nhiệm vụ khác nhau đủ cho các nhóm hoặc có thể lặp lại các nhiệm vụ ở các nhóm khác nhau;

- HS thực hiện nhiệm vụ và trưng bày các sản phẩm học tập như một phòng triển lãm tranh;

- HS di chuyển xung quanh lớp học tham quan phòng tranh. Trong quá trình “xem triển lãm”, HS đưa ra các ý kiến phản hồi hoặc bổ sung cho các sản phẩm;

- HS quay trở lại vị trí ban đầu, tổng hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm;

- GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

2.2. Kỹ thuật động não (công não)

Kỹ thuật động não là kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề mà các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lốc” các ý tưởng).

Quy tắc của động não: không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên; liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày; khuyến khích số lượng các ý tưởng; cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

Cách tiến hành:

- Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề;

- Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét ý kiến. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau;

- Kết thúc việc đưa ra ý kiến;

- Đánh giá:

- + Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng: Có thể ứng dụng trực tiếp/Có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm/Không có khả năng ứng dụng;

- + Đánh giá những ý kiến được lựa chọn;

- + Rút ra kết luận hành động.

2.3. Kỹ thuật “Sơ đồ tư duy”

Sơ đồ tư duy là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng

mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Sơ đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

Cách tiến hành:

- Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề;
- Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng CHỮ IN HOA. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh;
- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường;
- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

2.4. Kỹ thuật “Các mảnh ghép”

“Các mảnh ghép” là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm:

- Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề);
- Kích thích sự tham gia tích cực của HS;
- Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (Không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả Vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).

Cách tiến hành:

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

- + Hoạt động theo nhóm ba đến tám người [số nhóm được chia = số chủ đề $\times$ n ($n = 1, 2, \dots$)].
- + Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ [Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C;... (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ)].
- + Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.
- + Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở Vòng 2.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

- + Hình thành nhóm ba đến sáu người mới (1 – 2 người từ nhóm 1, 1 – 2 người từ nhóm 2, 1 – 2 người từ nhóm 3,...).

+ Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

+ Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

+ Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả.

2.5. Kỹ thuật “Khăn trải bàn”

Kỹ thuật “Khăn trải bàn” tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực;
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS;
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS;

Cách tiến hành:

- Hoạt động theo nhóm (tối thiểu 4 người/nhóm);
- Mỗi người ngồi vào vị trí của mình theo hướng dẫn của GV;
- Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...);
- Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề,...).

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút;

– Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời;

- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm tra đánh giá về phẩm chất

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã nhấn mạnh phát triển năm phẩm chất cho HS, bao gồm: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực. Các phẩm chất đó là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của HS; cùng với năng lực tạo nên nhân cách cho các em. Biểu hiện của các phẩm chất được thể hiện qua môn Mỹ thuật như sau:

Phẩm chất	Biểu hiện trong môn Mỹ thuật
Yêu nước	Yêu thiên nhiên, yêu con người, có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hoá, thẩm mỹ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật dân tộc.

Nhân ái	Yêu cái đẹp, trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt giữa con người; ghét cái xấu, cái ác; cảm thông với những người bị bệnh, tật,...; sẵn sàng học hỏi, hoà nhập và giúp đỡ mọi người, tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc.
Chăm chỉ	Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp, trường, gia đình, cộng đồng, có ý thức vượt khó trong công việc.
Trung thực	Thật thà, ngay thẳng trong học tập; tôn trọng lẽ phải; lên án sự gian lận trong thi cử, thu thập và xử lí thông tin,...
Trách nhiệm	Có ý thức bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường, thiên nhiên; bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị dạy học, không đổ lỗi cho người khác; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp,...

Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: Từ yêu cầu cần đạt được cụ thể trong mỗi bài học, GV xác định những phẩm chất cần hình thành, phát triển cho HS. Dựa trên quá trình học tập, thực hành, trải nghiệm của HS, GV sẽ đánh giá ý thức, sự chăm chỉ trong học tập, tìm hiểu các giá trị thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật; thể hiện tình yêu thương giữa con người, niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật dân tộc, ý thức gìn giữ, phát huy những giá trị nghệ thuật thông qua biểu hiện thái độ, hành xử chia sẻ cảm nhận, ý tưởng trong việc ứng xử trước đối tượng thẩm mỹ và môi trường xung quanh; thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính trung thực trong học tập, hợp tác và hiện thực hoá ý tưởng sáng tạo mang lại những giá trị thẩm mỹ cho bản thân và cộng đồng của HS.

Đánh giá phẩm chất trong dạy học môn Mỹ thuật có thể sử dụng các phương pháp đánh giá như: phương pháp quan sát (quan sát hành vi, thái độ của HS với thiên nhiên, môi trường sống, tác phẩm nghệ thuật, không gian văn hoá,...); phương pháp vấn đáp (hỏi HS về cách thức tự học, giao tiếp, hợp tác,...); các công cụ như: câu hỏi, bảng kiểm, bảng hỏi...), phương pháp kiểm tra viết (trả lời câu hỏi, bài tập,...).

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình tổng thể 2018 đối với một số phẩm chất, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số phẩm chất chủ yếu thông qua dạy học môn Mỹ thuật. Ví dụ: Đánh giá phẩm chất trách nhiệm thông qua các biểu hiện của HS trong học tập môn Mỹ thuật.

Tiêu chí	Mức độ	Chưa đạt	Đạt
Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe			
Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lý đồ dùng học tập của bản thân			
Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra			
Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy chung			
Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng			
Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên, tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên			

2. Kiểm tra đánh giá về năng lực

2.1. Năng lực chung

Biểu hiện cụ thể các năng lực chung được mô tả theo bảng sau:

Nhóm năng lực	Chỉ báo/Biểu hiện của năng lực
Tự chủ và tự học	Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân, biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác; tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề
Giao tiếp và hợp tác	Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn; biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi

Các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) được hình thành, phát triển thông qua các hoạt động học tập; tùy theo đặc điểm, tính chất của mỗi dạng bài/chủ đề DH sẽ góp phần phát triển năng lực chung theo các biểu hiện cụ thể khác nhau. GV có thể đánh giá năng lực chung của

HS trong nhiều hoạt động đa dạng như hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo,... Chú trọng đánh giá sự tham gia tích cực, chủ động của HS trong các hoạt động Mĩ thuật. Đánh giá trong dạy học Mĩ thuật cần khích lệ, duy trì hứng thú học tập để các em sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật. Có thể sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học Mĩ thuật để kiểm tra, đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác. Thông qua các nhiệm vụ, bài tập, câu hỏi,... kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về tác giả, nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mĩ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật; giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, bạn bè; bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mĩ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau. GV có thể thiết kế các nhiệm vụ, bài tập cho nhóm để đánh giá hoạt động nhóm qua đó phát triển năng lực giao tiếp hợp tác, sử dụng các phương pháp quan sát, phương pháp hỏi – đáp,... trong dạy học Mĩ thuật để khích lệ HS tự tin đưa ra các ý kiến, hợp tác với các bạn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng trong học tập mĩ thuật. Thông qua các bài tập, các sản phẩm thực hành giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mĩ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ các em đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mĩ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích HS tiếp tục đổi mới trong tiến trình học tập trên cơ sở nhận thức và tư duy phản biện thẩm mĩ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở các em.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình tổng thể 2018 đối với một số năng lực chung, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số năng lực chung thông qua dạy học môn Mĩ thuật. Ví dụ: Bảy định hướng đánh giá năng lực tự chủ và tự học thông qua dạy học môn Mĩ thuật:

Tiêu chí	Mức độ	Chưa đạt	Đạt
Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại			
Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập			
Biết kiên trì thực hiện kế hoạch học tập, lao động			

Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới		
Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện		
Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp		
Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV, bạn góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập		

2.2. Năng lực mỹ thuật

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. Năng lực thẩm mỹ¹ là năng lực mỹ thuật đã được nêu ở Chương 1. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá, GV có thể dùng những động từ đã nêu (tr.10 SGK) hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS.

Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Dựa trên hoạt động quan sát đối tượng thẩm mỹ và thảo luận là chủ yếu. Trong đó, chú ý đến đánh giá khả năng nhận biết, cảm thụ và thu nhận thông tin ở đối tượng thẩm mỹ (đọc, hiểu thông tin, giá trị đối tượng quan sát), khả năng phản ứng, giao tiếp, phát biểu, thảo luận trong quan sát, tiếp nhận thông tin, hình thành nhận thức, khả năng liên hệ với thực hành, sáng tạo, thể hiện thái độ với hiện tượng, sự việc, vấn đề,... trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

Đánh giá năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Dựa trên sản phẩm mỹ thuật và quá trình thực hành, sáng tạo và thảo luận là chủ yếu. Trong đó, chú ý đến đánh giá sự chia sẻ, đề xuất ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ; khả năng thực hành, sáng tạo (sử dụng công cụ, phương tiện, đồ dùng, hình thức thực hành,...), phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề và hiện thực hoá ý tưởng, tạo sản phẩm mỹ thuật; khả năng làm việc độc lập và hợp tác; khả năng vận dụng sản phẩm vào học tập và đời sống

¹ Xem lại mục 3, phần I, chương 1 (trang 7).

thực tiễn; khả năng trao đổi, thảo luận, chia sẻ thông tin, phân tích, đánh giá, phản biện thẩm mỹ trong quá trình thực hành, sáng tạo và liên hệ vận dụng thực tiễn.

Đánh giá năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Dựa trên kết quả thực hành, sáng tạo và quan sát, khám phá các sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật kết hợp với thảo luận, phân tích, đánh giá là chủ yếu. Theo đó, đánh giá cần chú ý đến sự cảm nhận, chia sẻ, phân tích, phản biện về đối tượng thẩm mỹ; khả năng tiếp cận sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật để khám phá, tìm hiểu, tiếp nhận thông tin, giá trị thẩm mỹ và liên hệ vận dụng thực tiễn dựa trên những kiến thức, kĩ năng mỹ thuật, kết hợp với kiến thức, kĩ năng của một số môn học, hoạt động khác; thể hiện sự học hỏi kinh nghiệm, sự hiện thực hoá ý tưởng và phát hiện vấn đề trong đánh giá đối tượng thẩm mỹ trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt trong Chương trình phổ thông 2018 đối với một số năng lực đặc thù, có thể lập bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá kết quả hình thành, phát triển một số năng lực đặc thù thông qua DH môn Mỹ thuật. Ví dụ: Đánh giá năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ thông qua các biểu hiện của HS trong học tập môn Mỹ thuật:

Tiêu chí	Mức độ	Chưa đạt	Đạt
Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống			
Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ			
Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật			
Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ			
Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật			
Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống			
Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo			

PHẦN 3
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC
THEO SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 6

CHỦ ĐỀ: KẾT NỐI BẠN BÈ
CHÂN DUNG BẠN EM (2 tiết)

Bài 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS những phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực qua các biểu hiện chủ yếu sau:

- Thể hiện tình thương, quý mến, hoà đồng với bạn trong lớp, biết quan tâm bạn; tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của người khác.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn.
- Hăng hái trao đổi, thảo luận, có ý thức trong các hoạt động chung; có thái độ không đồng tình với các biểu hiện không đúng.
- Biết giữ vệ sinh lớp học và có ý thức bảo quản đồ dùng học tập; Biết trân trọng sản phẩm của mình và của bạn.

2. Năng lực

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực ở HS qua các biểu hiện chính sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nêu được đặc điểm của thể loại tranh chân dung.
- Tìm hiểu và nắm được tỉ lệ khuôn mặt người, trình bày được cách vẽ và vẽ được tranh chân dung người bạn của mình.
- Giới thiệu và nêu được cảm nhận về tranh chân dung.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị đủ đồ dùng, vật liệu để học tập, tự giác tham gia học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét đặc điểm khuôn mặt, tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lựa chọn, sử dụng công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét sản phẩm theo chủ đề.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, phiên bản tranh chân dung của hoạ sĩ, ảnh chân dung, bài vẽ chân dung của HS, tranh chân dung thời kì La Mã và Ai Cập cổ đại, hình minh hoạ thực hành, giấy, màu, bút,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, giấy, bút chì, tẩy, màu vẽ,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, vấn đáp, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, thuyết trình,...

2. Kỹ thuật dạy học: kỹ thuật động não, kỹ thuật đặt câu hỏi.

3. Hình thức tổ chức dạy học: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số; gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV giới thiệu ở bậc tiểu học đã được học vẽ tranh chân dung và hỏi HS tranh chân dung là gì. Sau khi HS trả lời, GV dẫn vào nội dung, bài học sẽ giúp các em hiểu hơn về tranh chân dung bằng việc vẽ chân dung người bạn của mình.

Cách 2: GV đưa ra câu hỏi: Có những cách nào để lưu giữ lại chân dung của một người? Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào nội dung bài: Có nhiều cách để lưu giữ chân dung như: chụp ảnh, vẽ tranh, nặn tượng,... Thông thường nhất vẫn là chụp ảnh chân dung và vẽ tranh chân dung. Bài học sẽ giúp HS hiểu hơn về tranh chân dung bằng việc vẽ chân dung người bạn của mình.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

– GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh trong SGK do hoạ sĩ và HS vẽ, kết hợp hình ảnh GV sưu tầm (nếu có) để tìm hiểu về đặc điểm chân dung của nhân vật qua các câu hỏi gợi ý. GV có thể chia nhóm để mỗi nhóm tìm hiểu một hoặc hai tác phẩm tranh chân dung.

Nội dung tìm hiểu:

+ Tranh vẽ về ai? (trẻ em, thanh niên, nam hay nữ,...)

+ Loại chân dung (diễn tả khuôn mặt, nửa người, cả người,...).

- + Đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm của khuôn mặt nhân vật trong tranh.
- + Tóc và trang phục có gì đặc biệt?
- + Trạng thái tình cảm của nhân vật thế nào?
- + Bố cục, đường nét, màu sắc trong tranh (gam màu chủ đạo trong tranh, màu được sử dụng nhiều trong tranh) ra sao?
- + Em thấy nhân vật có gì đặc biệt? Em ấn tượng với điều gì trong tranh? Cảm nhận chung của em về bức tranh?
- GV nhận xét, kết luận:
- + Mỗi người chúng ta đều có những đặc điểm riêng về chân dung, đặc biệt là qua khuôn mặt, đó cũng chính yếu tố để phân biệt người này với người khác.
- + Tranh chân dung là loại tranh vẽ về người, diễn tả nổi bật đặc điểm về ngoài nhất là qua khuôn mặt, tranh còn thể hiện trạng thái cảm xúc của nhân vật thông qua đường nét, màu sắc. Qua tranh có thể biết được tính cách, tình cảm, lứa tuổi,... của nhân vật. Tranh chân dung được thể hiện bằng nhiều hình thức và chất liệu khác nhau, màu sắc trong tranh rất phong phú, được lựa chọn theo ý thích của người vẽ.
- Các thông tin trong bảng dưới đây là gợi ý để GV khai thác hình ảnh:

Chân dung trong nghệ thuật Ai Cập cổ đại Hội họa của Ai Cập cổ đại gắn liền với các khu lăng mộ, trong đó có tranh chân dung diễn tả hình ảnh người đã mất. Bức tranh diễn tả chân dung của Sennefer và vợ. Ông là người đứng đầu thành phố Thebes dưới triều Amenhotep II (khoảng 1428 – 1400 TCN). Tranh được bố cục theo địa vị của nhân vật, nhân vật quan trọng và chức vị lớn được vẽ to, vợ của ông là Meryt được vẽ nhỏ phía dưới. Chân dung con người theo nghệ thuật Ai Cập cổ đại là sản phẩm của hai góc nhìn khác nhau: chính diện và mặt nghiêng (mặt bên). Mắt, tai và phần thân trên được mô tả trực diện; trong khi đầu, hông, chân được mô tả nghiêng. Sennefer đang ngồi, xung quanh là cây ished – biểu tượng cho sự vĩnh hằng. Một tay ông cầm bông hoa sen, tay kia nắm quyền trượng. Màu da người đàn ông được vẽ đậm hơn so với người phụ nữ. Tranh sử dụng các yếu tố mảng, nét, màu có tính đồ họa để diễn tả chân dung nhân vật, mang màu sắc tôn giáo.	Chân dung trong nghệ thuật La Mã cổ đại Đây là bức tranh chân dung nhìn nghiêng một phụ nữ trẻ, tay cầm cuốn sách. Tranh thể hiện vẻ đẹp thanh tú người phụ nữ. Các chi tiết trên khuôn mặt được miêu tả tỉ mỉ: mắt to tròn, tóc xoăn đen, đầu đội mạng che tóc, một tay cầm bút, một tay cầm sách, vẻ mặt suy tư. Chân dung được vẽ trong một bố cục khung hình tròn, có hệ thống đậm, nhạt cân đối.	Bạn Mai – Tranh của HS Hà Linh Đây là chân dung một bạn gái với khuôn mặt trái xoan, mắt to, mũi nhỏ, tóc tết hai bên dễ thương. Nhân vật mặc chiếc áo màu vàng có họa tiết là hình con số và chú chó nhỏ. Bố cục tranh cân đối, tập trung mô tả khuôn mặt, trang phục, họa tiết trên áo. Màu sắc tranh hài hoà, tươi sáng; thể hiện sự hồn nhiên, đáng yêu.
---	--	---

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn cho HS tìm ý tưởng

– GV cho HS quan sát hình ảnh các nhân vật từ các vùng miền (do GV chuẩn bị). Sau đó, GV gợi ý cho HS tìm hiểu, chia sẻ ý tưởng sáng tạo của mình về tranh chân dung theo những gợi ý:

- + Em sẽ vẽ chân dung bạn nào? Bạn có đặc điểm chân dung gì nổi bật?
- + Em sẽ chọn hình ảnh nào để vẽ về bạn (chỉ vẽ khuôn mặt hay có cả trang phục, hình ảnh trang trí về bạn,...)?
- + Em sẽ vẽ chân dung bằng cách nào? Em chọn vật liệu gì để vẽ chân dung: màu sáp, màu nước hay màu bột,...? Em vẽ hình bằng nét trước rồi vẽ màu hay vẽ các mảng màu trước và vẽ các nét chi tiết sau?

– Khi HS đã có ý tưởng vẽ chân dung, GV chuyển sang hướng dẫn cách vẽ chân dung.

Lưu ý: HS chú ý đến đặc điểm của khuôn mặt, trang phục, màu da để vẽ chân dung, cần trân trọng những đặc điểm riêng của mình và tôn trọng những đặc điểm của bạn. Em nên chăm sóc sức khoẻ bằng việc ăn uống điều độ, tập luyện để có cơ thể cân đối, khoẻ mạnh.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– GV hướng dẫn HS trao đổi, đưa ra ý kiến về cách vẽ tranh chân dung. Sau đó nhận xét các ý kiến và gợi ý HS cách vẽ tranh chân dung theo gợi ý:

Cách 1: Vẽ hình bằng nét

+ Bước 1: Tìm bố cục và vẽ phác hình dáng chính của nhân vật (khuôn mặt, trang phục,...) cân đối trên khổ giấy (GV có thể thị phạm, minh hoạ để HS hiểu được tính cân đối của hình mảng được sắp xếp trên trang giấy).

+ Bước 2: Vẽ chi tiết các bộ phận. Chú ý những đặc điểm riêng biệt của nhân vật (mắt, tóc, trang phục,...), sự cân đối về tỉ lệ các bộ phận trên cơ thể của mẫu để phân rõ mảng màu theo giải phẫu, theo đậm, nhạt bị chi phối của ánh sáng.

+ Bước 3: Vẽ màu và hoàn thiện. Có thể thêm một vài chi tiết cần thiết để hoàn thiện tranh. Chú ý màu sắc hài hoà thể hiện được tính cách, cảm xúc của nhân vật (GV có thể nhắc lại và diễn giải thêm các phương pháp thực hành trong SGK).



Cách 2: Vẽ hình bằng mảng màu

Cách vẽ này chỉ áp dụng khi sử dụng màu bột, màu gouache,...

+ Bước 1: Vẽ nền bằng mảng màu lớn từ một hoặc nhiều màu.

+ Bước 2: Dùng bút màu vẽ các hình mảng tạo hình ảnh cho nhân vật về khuôn mặt, đầu tóc, quần áo.

+ Bước 3: Vẽ thêm các chi tiết để làm rõ đặc điểm của nhân vật.



Lưu ý: GV phân tích cho HS hiểu thêm về bố cục tranh, cách sử dụng màu sắc trên tranh để khắc họa đặc điểm, tính cách, tình cảm của nhân vật muốn thể hiện. GV có thể cho HS quan sát thêm một số bức tranh chân dung do GV hoặc HS sưu tầm.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

GV tổ chức cho HS sáng tạo cá nhân: Mỗi HS vẽ một hoặc nhiều bức tranh chân dung về người bạn của mình.

GV quan sát HS thực hành; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích, giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong lớp. GV nên gợi ý cách khai thác đặc điểm mẫu, khi vẽ có thể sáng tạo màu sắc trang phục theo ý thích để bài vẽ phong phú hơn.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV cho HS trưng bày sản phẩm lên bảng hoặc xung quanh lớp và hướng dẫn HS giới thiệu, chia sẻ về bức tranh của mình theo gợi ý:

+ Bố cục, đường nét, màu sắc trong tranh.

+ Đặc điểm, trạng thái cảm xúc của nhân vật trong tranh.

+ Em thích tranh của bạn nào? Vì sao? Nêu cảm nhận của em về bức tranh.

+ Chia sẻ tình cảm em muốn thể hiện qua bức tranh tới bạn.

– GV dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS để đánh giá kết quả thực hành, sáng tạo sản phẩm do HS làm ra. Qua đó kết hợp bồi dưỡng, GV giáo dục HS

ý thức tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS *Ứng dụng*

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trong SGK để thấy nghệ thuật vẽ chân dung còn được ứng dụng vào biểu diễn sân khấu như hoá trang, mặt nạ tuồng,... (đặc điểm, tính cách của nhân vật được vẽ trực tiếp lên mặt nghệ sĩ biểu diễn).

– Có thể tạo tranh chân dung bằng những cách độc đáo từ rau, củ, quả như trong tranh của họa sĩ Giuseppe Arcimboldo hoặc bằng các kĩ thuật khác như: xé dán, gắn, ghép các vật liệu,...

– Ứng dụng sản phẩm tranh chân dung để làm đồ trang trí, quà tặng,... trong cuộc sống.

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

+ Tranh chân dung là tranh vẽ về người thể hiện được đặc điểm bề ngoài cũng như tính cách, trạng thái cảm xúc của nhân vật thông qua các yếu tố ngôn ngữ tạo hình: đường nét, màu sắc, bố cục,...

+ Tranh chân dung được vẽ với nhiều hình thức và chất liệu khác nhau.

+ Màu sắc cũng thể hiện cá tính của nhân vật, tình cảm của người vẽ.

+ Để vẽ chân dung đạt hiệu quả thì việc quan sát và nhận ra đặc điểm riêng của nhân vật là rất quan trọng.

– GV nhắc HS: Tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 2, SGK Mĩ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS các phẩm chất của người công dân như: đức tính chăm chỉ, yêu nước, trung thực, trách nhiệm thông qua một số biểu hiện sau:

– Có thái độ phấn đấu học tập, sáng tạo để phát triển bản thân và đóng góp cho đất nước.

– Thể hiện, phát biểu cảm nghĩ, tình yêu thương đối với con người.

– Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

– Không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn, có thái độ không đồng tình với các biểu hiện không đúng.

– Trân trọng và giữ gìn các sản phẩm tạo hình như tượng, tượng đài nơi công cộng. Yêu quý sản phẩm mỹ thuật do mình, bạn và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Biết cách sử dụng các vật liệu sẵn có để tạo hình sản phẩm điêu khắc.

– Tạo hình nhóm nhân vật người theo những tư thế khác nhau.

– Xây dựng được nội dung theo các dáng khác nhau.

– Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, nhóm và bạn bè.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ bản thân, nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng nhau thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy bạc, hoa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm. Phát biểu và thực hiện được ý tưởng sáng tạo trên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Phát triển khả năng trao đổi, thảo luận qua việc giới thiệu, nhận xét, chia sẻ ý tưởng các sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6; kế hoạch DH; vật liệu, công cụ: giấy bạc, giấy màu, hình ảnh các sản phẩm tạo hình nhân vật ở tư thế hình dáng khác nhau; hình ảnh cách làm tạo nhóm nhân vật,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; vật liệu, công cụ,... như mục chuẩn bị trong SGK và GV đã hướng dẫn ở phần bài tập (tùy theo điều kiện vùng miền, GV có thể yêu cầu HS chuẩn bị giấy màu, giấy bạc, giấy bìa hoặc đất nặn để trình bày sản phẩm).

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, thảo luận.

3. Hình thức: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào tiết học, có thể gây chú ý ngay từ phút đầu bằng một số sản phẩm tạo hình ảnh nhóm nhân vật được chuẩn bị trước.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng cách cho xem sản phẩm và kể một câu chuyện liên quan.

Cách 2: Giới thiệu về một số tác phẩm tượng, tượng đài liên quan đến mục tiêu bài học.

Cách 3: Đề cập đến sự khéo tay và khuyến khích HS rằng các em có thể làm được rất tốt việc tạo hình nhân vật.

Cách 4: Vào bài trực tiếp.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ, hoặc GV trực tiếp nêu vấn đề qua các câu hỏi trong SGK:

- + Em đã biết bức tượng nào sau đây?
- + Em có nhận xét gì về cách tạo hình nhân vật?

Lưu ý: Tùy tình hình thực tiễn địa phương, GV có thể sáng tạo cho phù hợp nội dung và nhận thức của HS. Nếu ở khu vực thành phố lớn, nên lưu ý và hướng cho HS đến bảo tàng để tìm hiểu yếu tố tượng thời tiền sử và cổ đại ở Việt Nam và thế giới.

- HS trình bày kết quả thảo luận, GV nhận xét, kết luận:
- + Khẳng định HS có thể tự tạo hình nhóm nhân vật.
- + Đặc điểm cơ bản của tạo hình nhóm nhân vật là: hình dáng, bộ phận, chất liệu tạo thành,... Hình dáng, tỉ lệ, kích thước nhân vật rất đa dạng.
- + Chú ý những yếu tố nổi bật, tính sáng tạo, nghệ thuật tạo hình đặc trưng cần thể hiện trên sản phẩm.
- + Ý nghĩa của tạo hình nhóm nhân vật.
- + Mở rộng kiến thức sang các lĩnh vực khác được giới thiệu trong mục Em có biết.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

- Xác định chủ đề

Đầu tiên cần lưu ý khi **thiết kế nhân vật** cần lên ý tưởng một câu chuyện và mục đích diễn tả như vui chơi, cùng nhau học bài,...



- Chọn các hình dáng điển hình

Khi HS đã xác định chủ đề nhân vật, GV hãy tiếp tục khơi gợi, hỏi HS muốn hình dáng, tư thế của nhân vật sẽ như thế nào? Nhân vật cần những phụ kiện gì?,... Từ đây, HS có thể phát triển nhân vật một cách thuyết phục và khéo léo.

- Xác định phương pháp thực hành

GV hướng dẫn HS sử dụng chất liệu: sử dụng giấy bạc/giấy trắng kim loại,

giấy màu hoặc đất nặn để tạo nhóm nhân vật. Tùy thuộc ý đồ tạo hình, kích thước to hay nhỏ để tạo khung đỡ bên trong nhân vật (dây thép hay que tre,...) để tạo tư thế, hình dáng cho nhân vật.



b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– Trong bài này, GV triển khai hướng dẫn cách tạo hình nhóm nhân vật theo các bước, đảm bảo HS có thể làm được (theo cá nhân hoặc nhóm nhỏ) và khuyến khích HS làm theo các cách khác nhau. Các cách tạo hình nhân vật rất đa dạng, tùy thuộc chất liệu được sử dụng. Các chất liệu thông dụng, dễ kiếm có thể là: giấy bạc, giấy màu, giấy bọc thức ăn, đất sét, đất nặn,...



– GV chỉ gợi mở, khuyến khích HS tự chọn ý tưởng tạo hình nhóm nhân vật, không can thiệp sâu vào ý tưởng của HS. Các gợi ý có thể như sau:

- + Cho HS trao đổi cách tạo hình và chọn hình thức trang trí phù hợp.
- + Phát triển ý tưởng của HS bằng kỹ thuật dạy học hiện đại sao cho càng nhiều ý tưởng nêu ra càng tốt.
- + GV đánh giá sơ bộ và giao nhiệm vụ thực hiện.

c. Tổ chức, hướng dẫn cho HS luyện tập

– Phần này thường được tiến hành khi sang tiết thứ hai của bài.

– GV theo dõi và giúp đỡ HS trong quá trình thực hiện và góp ý thêm về thẩm mỹ. Trong quá trình tạo hình nhóm nhân vật, GV cần giao nhiệm vụ cụ thể và có quy định thời gian hoàn thành, nên chú trọng vào yếu tố sáng tạo và các ý tưởng để đánh giá thay vì chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng ở mức hoàn thành hay không. Phần luyện tập nên đặt ra chủ đề rõ ràng cho cá nhân hoặc nhóm HS.

– Những điều GV cần lưu ý khi hướng dẫn tạo hình nhân vật:

- + Không nên sử dụng quá nhiều màu sắc.
- + Không nên quá coi trọng về tỉ lệ.
- + Luôn ghi nhớ đặt nhân vật vào đúng bối cảnh dự định.
- + Chọn chất liệu an toàn cho sức khỏe.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm trên bàn và yêu cầu HS quan sát, nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình, của bạn dựa trên:

- + Hình dáng, tư thế của nhân vật, nhóm nhân vật.
- + Chỉ ra chỗ sáng tạo nhất của sản phẩm.
- + Em thích phần trình bày nhóm nhân vật nào nhất, vì sao?
- + Em có thể giới thiệu về một bức tượng thuộc thời kì tiền sử, cổ đại (trên thế giới hoặc ở Việt Nam) mà em biết.

– GV lưu ý nhiều hơn đến yếu tố nghệ thuật của sản phẩm, tính sáng tạo và những ý tưởng độc đáo, phát triển thông điệp về cảnh quan môi trường để HS có ý thức hơn.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– GV gợi ý cho HS ứng dụng sản phẩm qua những câu hỏi gợi mở như:

- + Dự định tiếp của em qua bài học này là gì?
- + Qua bài học hôm nay, em có ý tưởng gì để góp phần làm đẹp cảnh quan môi trường nơi em sống?

– GV gợi mở HS có thể sáng tạo ra các sản phẩm điêu khắc bằng giấy và vật liệu khác để trang trí cho góc học tập. Sử dụng kiến thức bài học để sáng tạo ra những sản phẩm tạo hình, hiểu thêm về nghệ thuật điêu khắc truyền thống, yêu thích nghệ thuật tạo hình điêu khắc.

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV củng cố kiến thức bài học dựa trên những ý sau:

+ Tạo hình nhân vật thông qua ngôn ngữ tạo hình điêu khắc, các nhân vật được tạo nên từ những chất liệu quen thuộc như giấy bạc, giấy ăn, đất nặn,... Các nhân vật được tạo dáng và đặt trong không gian 3 chiều rất sinh động và hấp dẫn.

+ Tác phẩm điêu khắc nhóm nhân vật ngoài vẻ đẹp về hình khối còn cần nội dung chủ đề cần thể hiện.

+ Để tạo hình nhân vật, có thể dùng vật liệu đơn giản bằng giấy, có thể kết hợp với dây thép và tìm cách để cho nhân vật đứng được

– GV nhắc HS: Tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng, học tập cho Bài 3, SGK Mĩ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, bồi dưỡng ở HS các phẩm chất của người công dân như lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực thông qua một số biểu hiện sau:

– Yêu thiên nhiên, thể hiện cảm nghĩ về tình yêu cái đẹp trong tạo hình khuôn và in tranh kết hợp nhiều bản khắc.

– Biết chuẩn bị đồ dùng học tập, tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

– Có ý thức, nhận thức về sử dụng tạo hình khuôn và in tranh. Biết bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng học tập của bản thân, giữ gìn vệ sinh lớp học.

– Hăng hái, trao đổi, chia sẻ chân thực suy nghĩ cảm nhận, thể hiện sự trân trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, bạn và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học hình thành phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Biết cách tạo hình khuôn để in theo ý muốn.

– Bước đầu nhận biết được đặc điểm của các kĩ thuật in (in nổi, in lõm) và cách sử dụng tạo hình khuôn trong in tranh kết hợp nhiều bản khắc.

– Tìm hiểu và nắm được cách sáng tạo sản phẩm theo những cách khác nhau.

– Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm; phát biểu và thực hiện được ý tưởng sáng tạo trên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Phát triển khả năng trao đổi, thảo luận qua việc giới thiệu, nhận xét, chia sẻ ý tưởng các sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6; kế hoạch DH; minh hoạ về đồ vật sẵn có có thể dùng để tạo khuôn in, làm khuôn tạo hình; một số bài vẽ có nội dung về đồ vật có ý nghĩa liên hệ thực tế,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; giấy để in tranh, giấy trắng A4 hoặc giấy màu để tạo bản in; màu (acrylic); bút vẽ để trộn và vẽ màu; khay trộn màu; trái cây và rau quả (củ cà rốt, bí, khoai tây, cải bắp, cần tây và hành tây,...); dao gọt quả,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, đặt câu hỏi,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số lớp học, gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào tiết học.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng cách cho HS xem sản phẩm và kể một câu chuyện liên quan đến tiết học.

Cách 2: GV đề cập đến sự khéo tay và khuyến khích HS rằng các em có thể làm được.

Cách 3: Chuyển trực tiếp.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

a. Hoạt động quan sát, nhận xét

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ hoặc GV trực tiếp nêu vấn đề qua các câu hỏi:

- + Giới thiệu những cách tạo ra khuôn in và cách in.
- + Khuôn in thường được làm bằng chất liệu gì?
- + Em có thể kể và giới thiệu thêm những hình ảnh tự nhiên từ các đồ vật có thể tạo thành khuôn in.

- + Con người đã học được gì từ thiên nhiên?

- + Chia sẻ ý tưởng.

b. Tìm hiểu bản in khắc gỗ, in kết hợp nhiều bản khắc

- Tuỳ tình hình thực tiễn địa phương, GV có thể sáng tạo cho phù hợp nội dung và nhận thức của HS. HS trình bày kết quả thảo luận, GV nhận xét, kết luận:

- + Đặc điểm cơ bản của nghệ thuật in sử dụng khuôn in như: in nổi, in lõm, chất liệu của đồ vật dùng để in.

- + Khẳng định HS có thể tự làm được khuôn in tranh từ đồ vật dễ dàng.

- GV sử dụng hình minh hoạ trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

Yêu cầu HS quan sát và có thể chốt lại các ý chính về:

- + Hình dáng các loại rau, củ rất phong phú, đa dạng.

- + Nghệ thuật tranh in đặc trưng dùng khuôn in.

- + Những đặc điểm nổi bật, tính sáng tạo trên sản phẩm.

- + Mở rộng kiến thức sang các lĩnh vực khác được giới thiệu trong mục.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

Việc tìm ý tưởng dựa trên ba bước chính:

- Xác định chủ đề in.

- Chọn hình tượng điển hình để tạo khuôn.

- Xác định phương pháp thực hành.

Dựa vào kĩ thuật in nổi, in lõm đã biết, GV khuyến khích HS tìm tòi nhiều ý tưởng từ nhiều đồ vật đã qua sử dụng, từ rau củ quả tự nhiên,...

b. Tổ chức, hướng dẫn cho HS thực hành

- GV triển khai hướng dẫn HS cách chọn đồ vật sẵn có để tạo hình khuôn in theo các bước, đảm bảo HS có thể làm được (theo cá nhân hoặc nhóm nhỏ). Việc tạo ra sản phẩm cần thực hiện theo các bước lần lượt và cách in có rất nhiều. Dưới đây là gợi ý cho GV:

- + Tạo khuôn hình đồ vật kết hợp với vẽ bổ sung một số chi tiết để hoàn thành sản phẩm.



+ Tạo khuôn hình in bằng sử dụng củ, quả.



– GV cần lưu ý HS cẩn thận khi sử dụng các vật sắc nhọn (dao, kéo) để tạo hình từ củ, quả. Dựa trên tình hình thực tế, GV nên chuẩn bị các đồ dùng cho học sinh, nhất là những đồ dùng có nguy cơ không an toàn.

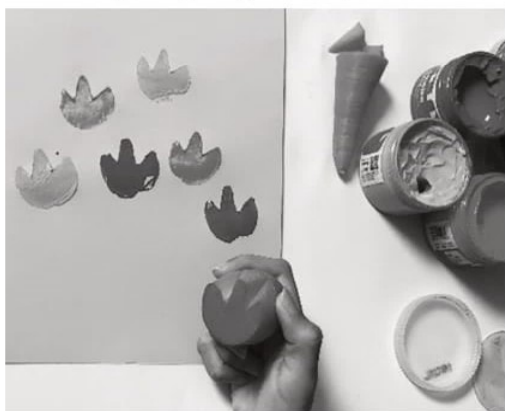
Căn cứ vào thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo thông qua hình thức tổ chức theo cá nhân hoặc nhóm.



1. Chọn vật liệu và tạo khuôn



2. Quét màu lên các khuôn in vừa tạo



3. Tiếp tục in để tạo ra bố cục chính



4. Hoàn thành bức tranh

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– GV giao nhiệm vụ mỗi HS sẽ tạo hình các khuôn in và kết hợp chúng để sáng tạo bức tranh theo chủ đề HS thích.

– GV có thể cho HS trao đổi trong nhóm: Mỗi cá nhân quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn. GV có thể gợi ý một số nội dung trao đổi cho các nhóm hoặc ở mỗi nhóm, mỗi cá nhân, khích lệ HS nêu câu hỏi với bạn.

– GV quan sát, theo dõi HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ kết hợp hướng dẫn HS khi cần thiết.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm, hướng dẫn HS quan sát, nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn theo những ý sau:

- + Nêu cách thực hiện sản phẩm.
- + Em có thể chỉ ra chỗ sáng tạo nhất của sản phẩm không?
- + Em thích phần nào nhất, vì sao?
- + Cảm nhận của em về sản phẩm.

– GV lưu ý nhiều hơn đến yếu tố nghệ thuật của sản phẩm, tính sáng tạo và những ý tưởng độc đáo; khuyến khích, gợi mở HS phát triển các dự án nhỏ liên quan đến bài học.

Hoạt động 6. Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

a. Tổ chức, hướng dẫn HS cách ứng dụng sản phẩm bài học

Về sản phẩm, GV có thể nhắc HS thói quen quan sát để lựa chọn và sử dụng đồ vật sẵn có để tạo khuôn in. Bản thân đồ vật đã có tính thẩm mỹ có thể sử dụng làm khuôn in mà không cần thay đổi nhiều. Qua bài học, GV có thể hỏi suy nghĩ của HS theo gợi ý:

+ Khuôn in có những ứng dụng gì trong cuộc sống hằng ngày mà em biết? Em có dự định gì qua bài học này?

+ Qua bài học hôm nay, em có ý tưởng gì để sản phẩm của mình sáng tạo, hoàn thiện hơn?

b. Tổ chức, hướng dẫn HS ứng dụng kiến thức bài học vào cuộc sống

Sản phẩm khi đã hoàn thành, GV hướng dẫn HS có thể trang trí góc học tập, tặng người thân trong gia đình, bạn bè,...

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

- GV nhắc lại các kiến thức chính của bài học và những điều cần ghi nhớ:
- + Chọn nội dung ý tưởng.
- + Lựa chọn vật liệu.
- + In sắp xếp hình.
- GV giao nhiệm vụ học tập cho HS theo lớp, nhóm, tổ tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 4, SGK Mĩ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm được biểu hiện chủ yếu qua một số hoạt động sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
- Chia sẻ thẳng thắn suy nghĩ, cảm nhận của bản thân trong thảo luận.
- Tôn trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra.
- Trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hoá nghệ thuật của nhân loại.
- Biết giữ vệ sinh lớp học, bảo quản sản phẩm và đồ dùng học tập.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Phân tích được một số yếu tố về thẩm mỹ của nghệ thuật tiền sử và cổ đại.
- Vẽ được tranh mô phỏng theo phong cách tạo hình của nghệ thuật Ai Cập cổ đại hoặc các phong cách tạo hình nghệ thuật tiền sử và cổ đại khác.
- Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm. Biết trân trọng, giữ gìn những giá trị nghệ thuật của Việt Nam cũng như của các dân tộc khác trên thế giới.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động lựa chọn cách thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, đồ dùng, thiết bị dạy học, ảnh các tác phẩm nghệ thuật tạo hình thời tiền sử và cổ đại, tranh vẽ theo phong cách nghệ thuật tiền sử và cổ đại, giấy, màu, bút,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, giấy, bút, màu,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, đặt câu hỏi,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV cho HS chuẩn bị tâm thế vào tiết học bằng các hoạt động sau: kiểm tra sĩ số, kiểm tra bài tập của HS đã giao từ tiết học trước,...

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV nêu vấn đề, gợi mở nội dung bài học dựa trên một số cách dưới đây:

Cách 1: Cho HS xem đoạn video về một số nền văn hoá thời kì tiền sử, cổ đại; yêu cầu HS nêu nội dung của video, dẫn dắt giới thiệu vào bài học: tìm hiểu về nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại để từ đó sáng tạo tranh theo lối tạo hình đó.

Cách 2: Để hai bức ảnh in tác phẩm nghệ thuật tạo hình thời kì tiền sử (hoặc cổ đại) và thời kì hiện đại cho HS quan sát và tìm những điểm khác biệt, dẫn dắt giới thiệu vào bài học tìm hiểu nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

a. Quan sát, nhận biết nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại

– GV tổ chức chia nhóm HS và yêu cầu HS quan sát hình ảnh minh hoạ trong SGK, kết hợp với tranh ảnh đã chuẩn bị, thảo luận về nét, màu sắc, bố cục trong nghệ thuật thời tiền sử và cổ đại với các câu hỏi gợi ý:

* Nét trong nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

+ Nét được sử dụng với mục đích gì trong những bức vẽ?

+ Em có cảm nhận gì khi quan sát nét trong các bức vẽ?

* Màu sắc trong nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

+ Em thấy màu sắc trong các bức vẽ như thế nào?

+ Em có biết người xưa đã tạo ra màu từ những nguyên liệu nào không?

* Bố cục trong nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

+ Nhận xét cách sắp xếp các nhân vật trong tranh.

+ Không gian trong tranh được gọi tả như thế nào?

– Sau khi các nhóm trình bày, GV nhận xét và kết luận. Dưới đây là một số gợi ý nhận xét về các tác phẩm nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại:

Hình 1: Là một trong những hình vẽ tiêu biểu trong hang động thời kì tiền sử. Thời kì này các con thú được vẽ rất đẹp, chính xác, sinh động. Các bức vẽ diễn tả lại nhiều cảnh sinh hoạt như đi săn, đánh cá, voi mẹ bảo vệ voi con,... Nét vẽ linh hoạt, có nhấn nhá đậm nhạt gọi tả khối đứng hình dáng, động tác, đặc trưng tư thế, thần thái của từng loài vật. Màu được tạo bởi khoáng chất tự nhiên pha với chất keo, có thể là keo xương động vật hoặc chất keo tự nhiên.

Hình 2: Hình chạm khắc trên vách đá hang Đồng Nội, Hoà Bình có bốn hình chạm khắc trong đó có một hình nửa mặt người, hai hình mặt người đầy đủ mắt, mũi, miệng. Hình được chạm khắc theo đường viền chu vi mặt, nhìn theo hướng chính diện, mọc thẳng trên đỉnh đầu là nét đục lõm hình chữ Y,... Hình thứ tư trong hang Đồng Nội là hình kiểu mặt thú: râu dê, mắt mở tròn xoe, mũi kiểu lợn với hai lỗ mũi hướng thẳng về phía trước, phần trên rất giống cặp sừng cong. Các hình chạm khắc thể hiện sinh động con người thời cổ thuộc văn hoá Hoà Bình, mang đậm dấu ấn tôn giáo nguyên thủy.

Hình 3: Trong nghệ thuật Ai Cập cổ đại, điêu khắc và hội hoạ thường gắn bó chặt chẽ với nhau. Các tác phẩm, tranh vẽ thường được tìm thấy ở phần dưới của các mảng điêu khắc trên tường, trong các lăng mộ. Chân dung con người là sản phẩm của hai góc nhìn khác nhau: chính diện và mặt nghiêng (mặt bên). Mắt, tai và phần thân trên thường được mô tả trực diện. Trong khi đầu, hông, chân được mô tả nghiêng. Chúng thường được thể hiện đối xứng. Một nhóm các chân dung thường được làm ngang bằng với một nhóm chân dung khác để tạo nên một hình ảnh đối xứng.

Hình 4: Tượng thần Vệ Nữ thành Milo là tác phẩm điêu khắc Hy Lạp cổ đại nổi tiếng nhất, khắc hoạ vị nữ thần tình yêu và sắc đẹp của người Hy Lạp. Tượng được làm bằng chất liệu cẩm thạch, tỉ lệ lớn hơn người thật, với chiều cao 203 cm nhưng đã bị mất hai tay. Tượng có niên đại khoảng năm 130 TCN và được coi là biểu tượng cho vẻ đẹp duyên dáng của người phụ nữ.

Hình 5: Đấu trường La Mã cổ đại được xây khoảng năm 70, có hình elip với chiều cao 48 m, dài 189 m và rộng 156 m. Đấu trường nằm tại trung tâm của thành Roma trên vùng đất bằng phẳng. Người ta dùng tới 100 000 m³ đá hoa cương để xây dựng, gồm 80 cửa với mỗi lối được đánh số. Đây là đấu trường lớn ở thành phố Roma có sức chứa khoảng 50 000 khán giả. Ngày nay, dù chỉ còn lại chưa tới 1/3 cấu trúc ban đầu nhưng đấu trường vẫn được coi là biểu tượng của Đế chế La Mã và là một trong những mẫu kiến trúc La Mã đẹp nhất còn sót lại.

– GV có thể cho HS xem thêm một số hình vẽ của nghệ thuật thời kì tiền sử và cổ đại. Liên hệ với những kiến thức về địa lí và lịch sử để mở rộng thêm cho HS.



*Tranh săn hươu 15 000 năm TCN
(hang Lascaux – Pháp)*



*Tranh bò rừng 13 000 năm TCN
(hang Lascaux – Pháp)*

b. Minh họa mô phỏng lại tạo hình của nghệ thuật Ai Cập cổ đại

Hình minh họa mô phỏng của nghệ thuật Ai Cập cổ đại đã cho thấy đặc trưng trong cách dùng nét của người Ai Cập cổ. Cách dùng nét để vẽ lại hình ảnh của nhân vật, con vật trong nghệ thuật Ai Cập giúp chúng ta hiểu rõ hơn về lối tạo hình độc đáo của nền nghệ thuật cổ xưa. Đường viền bao quanh người và con vật được vẽ bằng nét liền liên tục, chắc lọc, giản lược để khái quát được đặc điểm, thần thái điển hình nhất của đối tượng. Nét vẽ cô đọng, mang tính chất đồ họa, dùng để diễn tả hình và các chi tiết của đối tượng. Tạo hình tuân thủ theo cách diễn tả nhìn nghiêng với đường nét giàu cảm xúc, khoẻ khoắn.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng sáng tạo thông qua các câu hỏi theo ba bước:
+ Xác định nội dung, hình ảnh, bố cục của tranh: vẽ con vật, vẽ người, phong cảnh,...

+ Xác định cách tạo hình.

+ Xác định phương pháp thực hành.

– GV kết luận: Có nhiều ý tưởng sáng tạo khác nhau để vẽ theo cách tạo hình của nghệ thuật tiền sử hoặc cổ đại. HS cần xác định được cách vẽ nét, chi tiết, bố cục, màu sắc cho giống với tạo hình của nghệ thuật cần mô phỏng.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

Hướng dẫn HS vẽ theo các bước:

* Lựa chọn đối tượng để tạo hình

HS lựa chọn các nhân vật, con vật,... mình yêu thích để vẽ. Cần chú ý bố cục của tranh để mô phỏng theo phong cách tạo hình nghệ thuật đã lựa chọn.

Bước 1: Vẽ nét tạo hình và chi tiết theo phong cách nghệ thuật đã chọn.

+ Xác định bố cục của tranh: lựa chọn phong cách tạo hình nào thì mô phỏng theo bố cục của phong cách đó. (Ví dụ tranh vẽ theo nghệ thuật tiền sử có bố cục tự do; bố cục tranh vẽ theo nghệ thuật Ai Cập cổ đại thường được chia thành các mảng dọc (ngang) cân đối, không gian ước lệ tượng trưng).

+ Vẽ nét tạo hình: chú ý các động tác, tư thế của nhân vật để diễn tả sinh động các thế dáng, thần thái của đối tượng. (Ví dụ: cách vẽ người của nghệ thuật Ai Cập cổ đại rất chi tiết, sử dụng nét để bao quanh hình. Nét vẽ liền không nhắc bút sẽ giúp hình có viền đẹp hơn).

Bước 2: Vẽ màu theo đặc trưng của phong cách nghệ thuật đã chọn.

Lựa chọn màu sắc đúng với đặc trưng của phong cách tạo hình đã chọn, chú ý dùng màu sắc hài hoà, đậm nhạt cân đối. Có thể vẽ màu bằng mảng phẳng, không tạo khối hoặc có tạo khối. Ngoài ra, sau khi vẽ màu xong, HS có thể viền hình lại bằng màu đen ở một số chỗ nếu muốn.

Bước 3: Hoàn thiện bức tranh.

Lưu ý:

– GV cần minh hoạ để HS hiểu các bước vẽ. Vẽ theo lối tạo hình nào cũng cần khai thác ở ba yếu tố: đường nét, màu sắc, bố cục.

– Khi vẽ theo phong cách nghệ thuật tiền sử, cần lưu ý sự biểu cảm của hình giống như hình vẽ trong hang động, nên chú ý đến dùng nét, màu và cách tạo dáng nhân vật.

– Khi vẽ theo phong cách nghệ thuật Ai Cập cổ đại, bố cục tranh được chia thành các ô theo chiều dọc hoặc chia thành các dải ngang, các nhân vật (đối tượng) được vẽ dàn cảnh (đơn tuyến bình đồ), nét được dùng để diễn tả chi tiết và để trang trí.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

GV yêu cầu HS thực hành cá nhân, vẽ bức tranh theo phong cách nghệ thuật cổ đại yêu thích. Yêu cầu sử dụng cách vẽ hình nhân vật, màu sắc và bố cục theo phong cách tạo hình nghệ thuật cổ đại. Trước khi thực hành, GV có thể giới thiệu cho HS quan sát thêm một số hình ảnh theo phong cách tạo hình này để HS có thêm ý tưởng sáng tạo, định hình rõ hơn về cách tạo sản phẩm.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm trên bàn hoặc xung quanh lớp. Hướng dẫn HS quan sát, nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn theo gợi ý:

- + Bố cục của bức tranh nào có cách sắp xếp theo phong cách nghệ thuật cổ đại?
- + Đường nét, màu sắc trong tranh có mang tinh thần của nghệ thuật cổ đại không?
- + Em thích những điểm sáng tạo nào trong tranh?
- + Qua bài học, em hiểu thêm điều gì về lịch sử nghệ thuật cổ đại?
- + Theo em, chúng ta nên làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật cổ đại?

Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– Sử dụng các tranh, ảnh của nghệ thuật tạo hình thời tiền sử và cổ đại để tạo thành thư viện ảnh kết nối với nội dung môn Lịch sử và Địa lí (để HS thấy sự liên kết trong nội dung kiến thức bài học).

– Hướng dẫn HS có thể vẽ các hình theo phong cách nghệ thuật cổ đại để trang trí cho các vật dụng hằng ngày hay trang trí cho những tấm bưu thiếp xinh xắn.

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV nhắc lại hoặc yêu cầu HS nhắc các kiến thức chính của bài học và những điều cần ghi nhớ:

+ Nghệ thuật tiền sử và nghệ thuật cổ đại tồn tại trước Công nguyên hàng nghìn năm.

+ Nghệ thuật tiền sử và nghệ thuật cổ đại rất phát triển. Hình vẽ trong hang động thời tiền sử được sử dụng kỹ thuật diễn tả rất hiện thực.

+ Nghệ thuật Ai Cập cổ đại nổi tiếng với các kim tự tháp, bích họa còn tồn tại đến ngày nay. Nghệ thuật Hy Lạp cổ đại nổi tiếng với nền điêu khắc phong phú với những pho tượng chuẩn mực về tỉ lệ cơ thể người.

+ Vẽ theo phong cách nghệ thuật cổ đại là dựa vào cách tạo hình thời cổ đại để sáng tạo nội dung mới.

– GV nhắc HS xem trước và chuẩn bị các đồ dùng học tập cho Bài 5, SGK Mỹ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS các phẩm chất của người công dân như lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực, thông qua một số biểu hiện sau:

- Biết chuẩn bị đồ dùng học tập, tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo.
- Không tự tiện sử dụng hoạ phẩm, ý tưởng, nội dung,... của người khác.
- Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.
- Yêu thiên nhiên, cỏ cây hoa lá, thích cái đẹp trong cuộc sống.
- Tôn trọng và phát huy, giữ gìn vốn cổ trong mỹ thuật truyền thống Việt Nam.
- Trân trọng sản phẩm mỹ thuật của bản thân, bạn bè và của người khác.

2. Năng lực

Bài học hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Bước đầu biết được sự phong phú của hoa lá, con vật,... trong tự nhiên, trong cuộc sống để đơn giản, cách điệu tạo thành hoạ tiết trang trí ứng dụng được vào sản phẩm bài vẽ.

– Phân biệt, chọn được một số loại hoa, lá, con vật,... có hình dáng đẹp và cách sử dụng, đường nét trong vẽ tạo hoạ tiết trang trí.

- Nêu được đặc điểm của hoạ tiết trang trí theo nguyên lí cân bằng đối xứng.
- Vẽ và thể hiện màu sắc hoạ tiết theo quy tắc đơn giản.
- Hiểu được ý nghĩa của hoạ tiết trang trí trong đời sống.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu sưu tầm để học tập; nghiêm túc tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát triển các nội dung bài học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhận ra được vẻ đẹp của sáng tạo hoạ tiết trang trí thông qua việc sử dụng đường nét, màu sắc.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả đường nét và màu sắc theo cảm nhận.

– Năng lực khoa học: Có những hiểu biết về thiên nhiên, màu sắc và cuộc sống gắn liền với cỏ cây, hoa lá, chim thú,...

– Năng lực thể chất: Các kĩ năng thao tác, hoạt động vẽ tranh sử dụng các công cụ vẽ.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH; hình ảnh minh hoạ, giới thiệu về một số hoa lá và cách sử dụng một số loại màu vẽ; một số bài vẽ có nội dung về tạo hoạ tiết trang trí có ý nghĩa liên hệ thực tế; máy chiếu, hoạ phẩm,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, giấy vẽ, màu vẽ, các sản phẩm, hoa lá,... tranh ảnh sưu tầm về thiên nhiên.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát, trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, vấn đáp, gợi mở, tích hợp,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, đặt câu hỏi.

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm; thời lượng hoạt động, quan sát, phát biểu ít hơn so với hoạt động thực hành sáng tạo.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV cho HS chuẩn bị tâm thế vào tiết học bằng các hoạt động sau: nhắc HS ổn định trật tự, kiểm tra sĩ số và bài tập đã giao từ tiết học trước, kiểm tra đồ dùng học tập, gợi mở kích thích HS thông qua việc chuẩn bị vật liệu để sáng tạo hoạ tiết.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

– Tùy theo bài học, ý định của GV khi tập trung vào mục tiêu nào cho bài học mà sử dụng cách vào bài hợp lí. Sau đây là một vài gợi ý:

Cách 1: Sử dụng đồ dùng trực quan giới thiệu một số bài vẽ về hoạ tiết trang trí để tập trung sự chú ý.

Cách 2: Sử dụng trò chơi ô chữ.

Ví dụ: HS tìm ra từ khoá HOẠ TIẾT với các cụm từ và hệ thống câu hỏi:

Tên của một loại quả có vị chua dùng để giải khát (5 chữ)?			C	H	A	N	H
Hoa tết đặc trưng ở miền Bắc (3 chữ)?		Đ	À	O			
Một loại hạt đặc sản ở Trùng Khánh, Cao Bằng (5 chữ)?			H	A	T	D	Ẻ
Loài cây biểu tượng cho làng quê Việt Nam (6 chữ)?	C	Â	Y	T	R	E	
Ở miền Nam quả thường gọi là gì (7 chữ)?	T	R	Á	I	C	Â	Y
Tên của loại quả trong câu hát “Quả gì mà chua chua thế...” (3 từ)?		K	H	Ế			
Cây gì cùng họ với tre dùng làm nhạc cụ (7 chữ)?	C	Â	Y	T	R	Ú	C

Cách 3: Theo dòng lịch sử.

Ví dụ: Tên riêng một loại trống đồng cổ (2 từ)?



(Đông Sơn)

Cách 4: Chuyển trực tiếp.

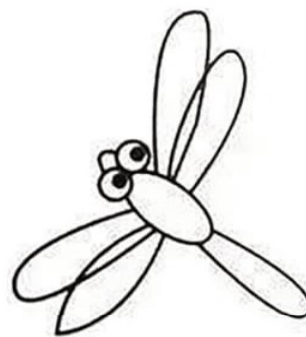
– GV kết luận có nhiều hình ảnh đẹp về họa tiết trang trí. Họa tiết trang trí có giá trị nghệ thuật và tính ứng dụng cao.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

a. Hoạt động quan sát, nhận xét

– GV tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá trong thiên nhiên (cỏ cây, hoa lá) bằng việc sử dụng các hình ảnh hoặc video theo phương pháp khởi động, đặt các câu hỏi liên quan để gợi ý HS tìm ra đặc điểm, hình dáng của hoa, lá,...:

- + Nhận xét hình ảnh, đường nét (ví dụ: nét thẳng, nét cong,...).
- + Nêu đặc điểm khác nhau (ví dụ: hình mảng không đều) và giống nhau (ví dụ: đối xứng).



– GV kết luận thiên nhiên hấp dẫn con người bởi tính vừa độc đáo, vừa phổ biến của các hình cơ bản như: hình tròn của Mặt Trời, hình trụ của thân tre, các đường song song của gân lá tre, hình lục lăng của tổ ong, hình xương cá, hình giọt nước,... đều rất đẹp, lại rất độc đáo. Đó là những gợi ý để đưa vào họa tiết trang trí. Họa tiết trang trí thường được lấy ý tưởng từ thiên nhiên như: cỏ cây, hoa lá, con vật,... sau đó cách điệu để sử dụng làm họa tiết.

b. Tìm hiểu một số hoa văn cổ Việt Nam

GV cho HS xem một số hoa văn cổ của Việt Nam để bước đầu hiểu được một phần họa tiết truyền thống qua các thời kì. Nhận xét về: đặc điểm, chất liệu.

c. Họa tiết trang trí được ứng dụng trong đời sống

– GV đưa ra một số hình ảnh khác có họa tiết trang trí được sử dụng nhiều và phổ biến để HS có hiểu biết đa dạng.

– GV hướng dẫn HS phương pháp cách điệu gồm các bước sau:

+ Chép mẫu thật để hiểu cấu trúc và các chi tiết chính của mẫu.

+ Cách điệu họa tiết (cách điệu theo lối tự nhiên, cách điệu theo lối công nghiệp, cách điệu theo lối kỉ hà).

+ Tìm mảng và nét đậm, nhạt cho hoạ tiết.



Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

GV tổ chức cho HS trao đổi về:

- Cách chọn hoạ tiết (hoa lá, chim cá, con vật,...).
- Lựa chọn hình ảnh hoạ tiết cho bài vẽ.
- Tìm cách sắp xếp.
- Lựa chọn màu sắc.

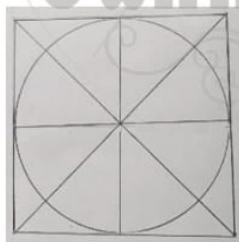
b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo. Tổ chức theo cá nhân hoặc nhóm.

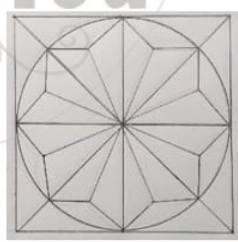
+ Các bước để sáng tạo hoạ tiết theo nguyên lí cân bằng đối xứng



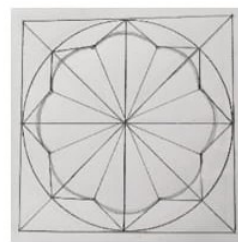
Chọn hình ảnh hoa



Kẻ trục đối xứng

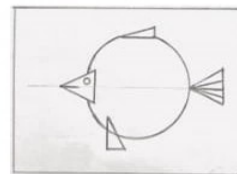
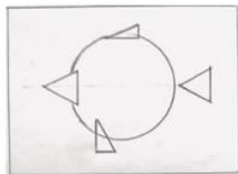
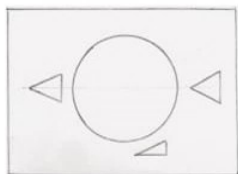


Vẽ nét



Vẽ chi tiết

+ Các bước sáng tạo hoạ tiết không theo nguyên lí cân bằng đối xứng



c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– Phần này thường tiến hành ở tiết thứ hai của bài.

– GV cho HS luyện tập kĩ thuật vẽ hình đối xứng. Trong quá trình HS luyện tập, GV nên theo dõi để uốn nắn nếu có sai sót, vướng mắc trong khi thực hiện.

– GV giao nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể về bài làm, có quy định về thời gian hoàn thành, và nên chú trọng vào yếu tố sáng tạo để đánh giá sản phẩm cuối cùng của HS.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

GV cho HS tập trung trưng bày sản phẩm, bài vẽ và hướng dẫn HS nhận xét:

- Cách sáng tạo hoạ tiết.
- Các đường nét.
- Màu sắc, độ đậm, nhạt.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– GV tổ chức gợi mở HS (cá nhân hoặc nhóm) cách tạo hoạ tiết trang trí dựa trên ý tưởng của HS.

– Hoạ tiết trang trí có rất nhiều ứng dụng trong đời sống, đặc biệt là các hoạ tiết dựa trên hoạ tiết vốn cổ:

+ *Trang trí thời trang*: nhiều mẫu thời trang mới, phù hợp với xu hướng hiện đại và phát huy tính truyền thống của trang phục dân tộc.



+ *Trang trí gốm*: hoạ tiết trang trí trên gốm thể hiện sự sáng tạo và kế thừa truyền thống gốm dân tộc tạo ra nhiều mẫu mã mới.

+ *Trang trí mỹ nghệ*: những mẫu trang trí thảm (thảm treo tường, trải nền nhà), trang trí thêu, ren, trang trí đồ trang sức, vàng, bạc, đá quý, sơn mài, đồ gỗ,... dựa trên các hoạ tiết vốn cổ.

+ *Trang trí nội, ngoại thất*: có sự kết hợp chặt chẽ giữa hoạ sĩ và kiến trúc sư để tạo nên sự hài hoà tổng thể trong môi trường kiến trúc nhà ở và cảnh quan đô thị.

– GV đặt thêm câu hỏi cho HS về những vấn đề xung quanh bài học như:

+ Dự định tiếp của em sau bài học này là gì?

+ Qua bài học hôm nay, em có ý tưởng gì để sản phẩm của mình sáng tạo, hoàn thiện hơn.

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV hệ thống, tóm tắt nội dung kiến thức bài học:

+ Chọn nội dung ý tưởng cho hoạ tiết trang trí.

+ Sắp xếp mảng hình.

+ Thể hiện màu sắc.

+ Hoạ tiết trang trí là một phần quan trọng làm tăng giá trị của sản phẩm.

– GV giao nhiệm vụ học tập cho lớp, nhóm, tổ xem trước và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 6, SGK Mỹ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất tốt cho HS đức tính kiên trì, chăm chỉ, biết giữ gìn và trân trọng sản phẩm mỹ thuật, có ý thức bảo vệ môi trường,... thông qua một số hoạt động và biểu hiện chủ yếu sau:

– Chuẩn bị lá cây, đồ dùng, dụng cụ học tập, thực hành đầy đủ, tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

– Yêu thích vẻ đẹp của thiên nhiên, bảo vệ cây xanh, sáng tạo và có tinh thần xây dựng, bảo vệ đất nước.

– Biết chia sẻ và thể hiện tình yêu đối với thiên nhiên; biết bảo vệ môi trường sống bằng những hành động cụ thể như trồng cây gây rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ biển; yêu thích học tập trải nghiệm, sáng tạo;...

– Thẳng thắn đóng góp ý kiến và xây dựng bài, không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn.

– Giữ gìn và bảo vệ sản phẩm của mình, luôn tôn trọng sản phẩm và sự sáng tạo của bạn cũng như người khác.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Nhận biết, giải thích và liên tưởng được đặc điểm hình dáng, cấu tạo của lá cây với hình dáng, cấu tạo của con vật.

– Biết được cách in và tạo hình được những con cá khác nhau từ lá cây và sắp xếp tạo thành bức tranh.

– Nêu được cảm nhận về sản phẩm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6; kế hoạch DH; họa phẩm, ảnh/video phù hợp với chủ đề bài học (như lá cây, các loài cá), một số loại lá cây khô, lá ép,... đặc trưng có hình thù giống cá; một số tác phẩm sử dụng kĩ thuật in khác nhau; máy tính, máy chiếu, tivi (khuyến khích),...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật lớp 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, màu vẽ, giấy vẽ, bút chì, tẩy, bút lông vẽ màu, các loại lá cây (lá rụng, lá khô, lá ép,...),...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, quan sát, gợi mở, so sánh, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, cả lớp.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể khởi động, giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng trò chơi *Thế giới lá cây*. Các nhóm kể tên các loại lá cây đã chuẩn bị, lá cây trong tự nhiên, trong sách báo, phim ảnh. Nhóm nào kể được nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.

– Cách thực hiện: sử dụng phương pháp khăn trải bàn. Mỗi HS trong nhóm viết (bằng bút chì đen hoặc sáp màu, bút dạ trên bề mặt giấy A3) tên một số loại lá (đã chuẩn bị hoặc nhìn thấy ở trong tự nhiên, trong sách báo, phim ảnh).

– GV treo các bài lên bảng, đánh giá kết quả của các nhóm và gợi mở vào bài học.

Cách 2: GV cho HS xem video về các loại cây trong thiên nhiên theo các câu hỏi định hướng như kể tên một số loại cây trong video mà em biết, mô tả hình dáng, màu sắc của một loại lá cây em ấn tượng,...

GV nên cho nhiều HS trình bày trước lớp, sau đó chốt lại ý kiến và giới thiệu bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

a. Quan sát, nhận biết về lá cây và con cá

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ với hoạt động quan sát hình ảnh trong SGK và thảo luận:

- + Em biết những loại lá cây nào có hình dạng giống loài cá?
- + Em đã bao giờ sử dụng lá cây để sáng tạo và trang trí chưa?
- + Hãy chia sẻ ý tưởng mới của em về bài học.

– Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Lớp nhận xét, bình chọn ý kiến hay. GV nhận xét và kết luận tóm lược ý kiến của các nhóm: Vạn vật trong tự nhiên đều có những đặc điểm, hình dáng, cấu tạo riêng. Mỗi loại lá cây đều có đặc điểm hình dáng khác nhau. Mỗi loại cá cũng vậy. Điều đó tạo ra sự phong phú, đa dạng của tự nhiên. Rất ngẫu nhiên khi có một số loại lá cây và cá có hình dáng khá giống nhau. Điều này có thể gợi cho con người những ý tưởng và sự sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật.

b. Quan sát, nhận xét một số tác phẩm nghệ thuật tạo hình từ lá cây

– HS quan sát hình minh họa trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị, thảo luận để trả lời các câu hỏi trong SGK. GV quan sát, hỗ trợ HS, có thể đưa ra những gợi ý cần thiết để kích thích sự tự tin và tính sáng tạo của các em như:

- + Ý tưởng của những bức tranh là gì?
- + Bức tranh được tạo ra bằng cách nào? (Kết hợp các kĩ thuật in khác nhau; kết hợp các loại lá cây để tạo hình con cá, bức tranh con cá).
- + Quan sát sâu và dùng cảm nhận của bản thân để phát hiện xem có điều gì đặc biệt trong bức tranh?
- + Chia sẻ về bức tranh em thích. Quan sát và phát biểu về các bức tranh được tạo ra.
- + Trong mỗi bức tranh đều có những ý tưởng, những đặc điểm nổi bật. Hãy khám phá những điều đặc biệt trong tranh như cách in, các lớp không gian, màu sắc trong tranh,...

- + Mở rộng kiến thức sang các lĩnh vực khác được giới thiệu trong mục *Em có biết*.
- + Chia sẻ về bức tranh em thích. Quan sát và phát biểu về cách bức tranh được tạo ra.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Lớp nhận xét, bình chọn những ý kiến hay. GV chốt lại các ý chính: Nghệ thuật tạo hình tranh từ lá cây khác nhau giúp tác phẩm phong phú và đa dạng, tự nhiên. Mỗi tác phẩm đều được tác giả sử dụng kết hợp các kĩ thuật in khác nhau như in kết hợp màu, in chồng màu, in nổi, in lõm,... Hãy cùng sử dụng các yếu tố này để sáng tạo ra những bức tranh ấn tượng, ý nghĩa.

c. Tạo hình cá thời kì Hy Lạp và La Mã cổ đại

– Nghệ thuật thời kì Hy Lạp và La Mã cổ đại có ảnh hưởng lớn tới nền văn hoá của nhiều nước trên thế giới đặc biệt là trong các lĩnh vực điêu khắc và kiến trúc.

– Tạo hình cá của những thời kì này được sử dụng để khảm và vẽ bích hoạ hoặc dùng làm các hoạ tiết trang trí đồ vật.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– HS đọc và thảo luận theo cặp về các bước xây dựng ý tưởng sáng tạo trong SGK:

+ *Bước 1*: Xác định chủ đề bức tranh cá.

Xác định bức tranh vẽ những loài cá nào? Bức tranh đó nói lên điều gì?

+ *Bước 2*: Chọn hình lá cây phù hợp.

Chọn hình lá cây phù hợp. Đây là hình ảnh chính, tiêu biểu cho bức tranh? Hình ảnh phụ của tranh là gì?

+ *Bước 3*: Xác định phương pháp thực hành.

– HS chia sẻ về ý tưởng của mình trước lớp. GV kết luận: Lựa chọn các hình ảnh khác nhau để xây dựng bố cục cho tranh. Cần chú ý các chi tiết, hình dáng, màu sắc và kết hợp các kĩ thuật in đã được học để bức tranh phong phú hơn.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

GV có thể hướng dẫn HS thực hành theo hai cách như sau:

Cách 1: In bằng chì màu, phấn màu, sáp màu

– HS quan sát các hình trong SGK và tìm hiểu cách thực hiện. Tuỳ theo tình hình thực tế, GV có thể hướng dẫn, thị phạm minh hoạ một số thao tác chính của kĩ thuật in, kết hợp giảng giải, tương tác với HS và gợi mở cách thực hiện.

Lưu ý: GV nhắc HS khi xoa màu lên bề mặt cần chú ý độ mạnh hay nhẹ vì hành động đó sẽ tạo các hiệu quả khác nhau của hình in.

– HS thực hành theo các bước hướng dẫn trong SGK:

+ Lựa chọn lá cây phù hợp hình với con cá em muốn có.

+ Chọn lá cây, vị trí phù hợp và đặt lá phía dưới giấy ở vị trí muốn in cá.

+ Giữ một phần giấy đè lên lá cây, chà xát (có thể sử dụng bút dạ, sáp màu,...) để hình lá phía dưới dần hiện lên như ý muốn và tiếp tục với các hình khác.

+ Vẽ hoặc in thêm chi tiết để hoàn thiện bức tranh.

Cách 2: In bằng màu gouache hoặc màu nước

– HS quan sát các hình trong SGK và tìm hiểu cách thực hiện. Tùy theo tình hình thực tế, GV có thể hướng dẫn, thị phạm minh họa một số thao tác chính của kỹ thuật in, kết hợp giảng giải, tương tác với HS và gợi mở cách thực hiện.

Lưu ý: GV nhắc HS lưu ý về độ màu khi vẽ lên lá vì khi in, độ mạnh nhẹ sẽ tạo hiệu quả khác nhau trên bề mặt in (GV cần hướng dẫn kỹ và làm mẫu ít nhất hai lần cho HS).

– HS thực hành theo các bước hướng dẫn trong SGK:

+ Chọn lá cây phù hợp và vẽ màu lên lá (có thể vẽ lưng cá đậm hơn).

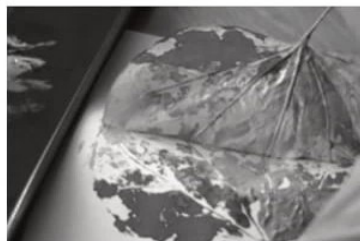
+ Dập lá cây đã được vẽ màu lên giấy để in.

+ Dùng cuống lá in thêm chi tiết để hoàn thiện bức tranh.

– GV khuyến khích và gợi mở để HS làm theo cách khác nếu được. Cùng quan sát một số kỹ thuật in để có nhiều sự lựa chọn:



In chồng màu



In kết hợp nhiều màu

– Một cách thực hiện khác là sử dụng phương pháp học qua trải nghiệm: HS tự đọc hướng dẫn trong SGK và thực hiện. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn khi thực hành.

+ *Làm việc cá nhân:* HS làm việc cá nhân, đọc các bước hướng dẫn trong SGK và chọn lựa cách thực hành.

+ *Làm việc nhóm:* Lần lượt từng HS trong nhóm trình bày cách thức thực hiện sản phẩm và nêu những khó khăn của bản thân khi thực hành các bước theo hướng

dẫn. Các HS còn lại trong nhóm nhận xét, góp ý cho sản phẩm của bạn. Có thể chọn ra sản phẩm đẹp của nhóm.

+ *Làm việc chung cả lớp*: Đại diện của các nhóm trình bày những khó khăn của các thành viên trong nhóm khi thực hành và giới thiệu sản phẩm đẹp được nhóm bình chọn. GV ghi lại những khó khăn đã được các nhóm đề xuất. Các HS còn lại trong lớp phân tích các khó khăn, chỉ ra nguyên nhân và cách thực hiện khi gặp khó khăn đó.

GV nhận xét và chốt lại dựa vào tình hình thực tế, chỉ ra nguyên nhân và cách thức vượt qua khó khăn khi thực hành in hình những con cá. Ngoài ra, GV có thể thị phạm minh họa để khắc sâu, chốt lại một số thao tác chính của kỹ thuật in, kết hợp giảng giải (tập trung vào những điểm khó khăn đã được HS nêu ra).

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– HS quan sát hình, đọc yêu cầu thực hành luyện tập trong SGK (hình ảnh do GV chuẩn bị nếu có) để mỗi HS in một bức tranh về các loài cá.

– GV quan sát HS thực hành, trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong lớp và tự đưa ra nhận xét, ý kiến cho những lựa chọn của cá nhân. GV chỉ gợi mở, khuyến khích HS tự chọn ý tưởng cho bức tranh; không can thiệp vào ý tưởng của HS. Tuy nhiên, tùy đối tượng HS cụ thể mà GV có thể gợi ý để HS lựa chọn ý tưởng, chủ đề bức tranh như: bảo vệ rừng, bảo vệ biển, bảo vệ các loài cá, đại dương huyền bí,... Bên cạnh đó, GV cần khuyến khích HS nêu ra càng nhiều ý tưởng càng tốt.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV cho HS trưng bày sản phẩm (sử dụng kỹ thuật phòng tranh). HS có thể trưng bày trên bảng hoặc xung quanh lớp với hình thức trưng bày theo hai nhóm: nhóm tranh in bằng chì màu, phấn màu, sáp màu và nhóm tranh in bằng màu gouache hoặc màu nước.

– GV cho một số HS xung phong giới thiệu, chia sẻ về bức tranh của mình theo các câu hỏi gợi ý trong SGK:

+ Ý tưởng của em trong bức tranh là gì? (Chủ đề bức tranh? Có những hình ảnh, loài cá nào?)

+ Quy trình của em khi in tranh? (Bức tranh in bằng lá cây có gì khác với tranh vẽ? Điểm đặc biệt đó là gì?)

+ Em có nhận xét gì về bức tranh của bạn trong lớp?

– HS xem các bức tranh được trưng bày, chọn những bức tranh đẹp, những bức tranh mình thích, không thích,... và giải thích lí do. Từ đó, GV tổ chức cho HS thảo luận về kết quả xem tranh:

+ Thống kê những bức tranh được nhiều ý kiến bình chọn về các lĩnh vực: ý tưởng độc đáo, thông điệp ý nghĩa, kĩ thuật tốt,...

+ Một số HS phát biểu trước lớp, nói cảm nhận của bản thân về kết quả thực hành, sáng tạo của lớp. Nói tên một vài bức tranh mình thích và chỉ rõ điều gì làm mình thích trong bức tranh đó.

– GV chốt lại qua phần trình bày của HS, dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ để đánh giá kết quả thực hành sáng tạo.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– HS làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh minh họa trong SGK và suy nghĩ về câu hỏi gợi ý. GV cho các em chia sẻ cảm tưởng và ý tưởng của bản thân trước lớp. Từ đó, GV gợi mở để HS nhận ra có nhiều cách thức tạo hình khác để tạo sản phẩm từ lá cây (có thể ứng dụng trong trang trí nhà, trang trí đồ vật, đồ chơi,...).



Đồ lưu niệm



Tường gốm



Thảm trang trí

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV cho một vài HS nêu nội dung phần Em cần nhớ trong SGK và khuyến khích HS về nhà thực hành tiếp với những cách khác nhau.

– GV có thể đặt câu hỏi: Trong bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì mới? Hãy chia sẻ một điều em thích hoặc không thích trong giờ học và nói lí do. Nếu được học lại bài này, em muốn nó được thực hiện theo cách nào?... (mỗi HS nói một điều theo cách thức trò chơi truyền điện).

– GV nhận xét, đánh giá ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp) kết hợp bồi dưỡng HS tính chăm chỉ, kiên trì trong sáng tạo; ý thức bảo vệ môi trường và chăm sóc cây xanh,...

– GV nhắc HS xem trước và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 7, SGK Mĩ thuật 6. Tùy theo hoàn cảnh vùng miền, địa phương, GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu phù hợp, mang tính phổ biến, miễn sao có thể triển khai tốt về phương pháp và có sản phẩm tương đương.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng ở HS các phẩm chất của người công dân như lòng nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực,... thông qua các hoạt động, biểu hiện chủ yếu sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu con vật, thích cái đẹp trong sáng tạo thời trang cho vật nuôi.
- Chuẩn bị đồ dùng học tập, tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo.
- Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận, không tự tiện sử dụng hoạ phẩm, ý tưởng,... của bạn.
- Biết giữ gìn và phát huy các giá trị thẩm mỹ trong thời trang cho vật nuôi yêu thích.

2. Năng lực

Bài học hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Hiểu được đặc điểm của trang phục cho vật nuôi.
- Biết cách xây dựng ý tưởng và tạo hình được trang phục phù hợp cho vật nuôi.
- Phân biệt, chọn lựa được một số loại hoa, lá, nguyên vật liệu,... có hình dáng đẹp và sử dụng trong sáng tạo thời trang.
- Thực hành sáng tạo thời trang cho vật nuôi và hiểu được ý nghĩa, giá trị sản phẩm của mình.
- Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm. Biết yêu quý, bảo vệ các loài động vật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết và chuẩn bị đồ dùng, vật liệu sưu tầm để học tập, nghiêm túc tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát triển về các nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhận ra được vẻ đẹp của sáng tạo thời trang cho vật nuôi thông qua việc sử dụng nguyên vật liệu và màu sắc.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả hình dáng và màu sắc theo cảm nhận.

– Năng lực khoa học: Có những hiểu biết thẩm mỹ gắn liền với thời trang cho vật nuôi.

– Năng lực thể chất: Các kĩ năng thao tác, hoạt động sáng tạo thời trang sử dụng các công cụ.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, một số hình ảnh minh họa thời trang cho vật nuôi; bài vẽ có nội dung về thời trang cho vật nuôi,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; giấy vẽ; màu vẽ; các sản phẩm, hoa lá; giấy, vải đã qua sử dụng; tranh ảnh sưu tầm về thời trang cho vật nuôi,... (tùy theo điều kiện vùng miền, theo mùa, GV có thể yêu cầu HS chuẩn bị).

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát, trực quan, giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, gợi mở,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, thảo luận

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm; thời lượng hoạt động, quan sát, phát biểu ít hơn so với hoạt động thực hành sáng tạo.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, cho HS giới thiệu kiểm tra vật liệu, đồ dùng đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào tiết học.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng cách cho HS xem sản phẩm, video hoặc kể một câu chuyện liên quan đến mục tiêu bài.

Cách 2: Đề cập đến sự khéo tay và khuyến khích HS các em có thể làm được.

Cách 3: Quan sát tranh đoán chữ.

Ví dụ: Tên của một nghề thiết kế (2 từ)?



(Thời trang)

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

– GV giúp HS nhận biết về thời trang cho vật nuôi thông qua hoạt động sử dụng hình ảnh hoặc video theo phương pháp khởi động. Đặt các câu hỏi có liên quan đến hình ảnh trong SGK:

+ Nhận xét hình dáng, màu sắc, chất liệu của trang phục vật nuôi (ví dụ: rực rỡ, hài hoà,...).

+ Nêu đặc điểm giống nhau (ví dụ: trang trí), khác nhau (ví dụ: mục đích sử dụng, chất liệu, kích thước thay đổi theo từng đối tượng).

– GV gợi ý cho HS để tìm ra đặc điểm, hình dáng của thời trang,... thông qua hệ thống câu hỏi phát vấn.

– GV có thể tổng kết vấn đề dựa theo những ý dưới đây:

+ Thời trang rất phong phú và đa dạng.

+ Thời trang cho vật nuôi yêu thích không chỉ giúp các em có ý thức biết chăm sóc vật nuôi, mà còn phát triển tư duy sáng tạo trong học tập và đời sống.

+ Thông thường, bộ lông dày dặn của chó mèo vốn có khả năng giữ ấm nhưng với thời tiết giá lạnh, chúng thường có biểu hiện lười vận động, đuôi cụp xuống. Đặc biệt, với trâu bò ở vùng núi, chúng còn có thể bị mắc bệnh. Vật nuôi, gia súc, gia cầm cần được bảo vệ trước ảnh hưởng của thời tiết. Vì vậy, áo dành cho vật nuôi không những giúp chúng trở nên đáng yêu hơn mà còn giúp chúng giữ ấm, tránh được các bệnh trong mùa đông giá rét.

+ Thời trang cho vật nuôi thể hiện sự quan tâm đúng mực đến vật nuôi, còn làm giàu đời sống tinh thần. Vật nuôi luôn được xem như người bạn tốt, như một thành viên trong gia đình.



Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

GV tổ chức cho HS trao đổi về:

– Xác định chủ đề tạo hình thời trang cho vật nuôi.

– Chọn mẫu thời trang phù hợp.

– Xác định phương pháp thực hành.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo. Tổ chức theo cá nhân hoặc nhóm.

Tuỳ vào điều kiện cụ thể, GV định hướng cho HS chọn nguyên liệu sử dụng trong bài:

- Sử dụng giấy để vẽ.
- Sử dụng chất liệu vải: HS cần chuẩn bị trước ở nhà (chọn thiết kế thời trang cho con vật hay thú nhồi bông).

Bước 1: Lựa chọn đề tài, đối tượng để tạo thời trang (chống rét cho trâu, bò,...).

Bước 2: Vẽ phác bố cục chung, xác định chất liệu.

- + Dựa vào các đối tượng đã chọn để vẽ các hình ảnh cụ thể.
- + Lựa chọn nguyên vật liệu, sắp xếp các hình ảnh, làm nổi bật ý tưởng.
- + Thời trang cần có sự sáng tạo, thay đổi, thống nhất để thể hiện nội dung.

Bước 3: Tạo và hoàn thiện sản phẩm (Phần này nên thực hiện ở tiết thứ hai của bài).

GV nên theo dõi sát sao và uốn nắn những sai sót hoặc giải đáp những vướng mắc của HS trong khi làm bài; cần giao nhiệm vụ cụ thể, quy định thời gian hoàn thành bài. GV nên chú trọng vào yếu tố sáng tạo và ý tưởng để đánh giá.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

- GV giao nhiệm vụ để mỗi HS tạo sản phẩm thời trang cho vật nuôi bằng cách tận dụng quần áo cũ đã qua sử dụng.



1. Dụng cụ, nguyên liệu



2. Chọn ý tưởng mẫu



3. Cắt và tạo hình



4. Trang trí hoàn thiện



5. Sản phẩm ứng dụng thực tiễn

– Thiết kế trang phục với kiểu may đo: GV hướng dẫn HS nếu theo cách này thì cần thực hiện lần lượt các bước theo hướng dẫn ở SGK.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV tổ chức tập trung trưng bày sản phẩm, hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá, chia sẻ cảm nghĩ của mình về sản phẩm theo hướng sau:

- + Cách khai thác và thể hiện nội dung.
- + Cách chọn chất liệu, trang trí, màu.
- + Điểm sáng tạo của sản phẩm.
- + Em thích phần trang trí nào nhất, vì sao? Hãy góp ý cho sản phẩm của bạn.

– GV lưu ý tính sáng tạo và những ý tưởng độc đáo, phát triển thông điệp về tự nhiên để HS có ý thức bảo vệ vật nuôi, khuyến khích, gợi mở HS phát triển các dự án nhỏ liên quan đến bài học.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng



– GV trao đổi với HS về dự định của các em khi học xong bài học này và gợi mở HS chia sẻ ý tưởng đóng góp bảo vệ môi trường, vật nuôi của mình.

a. Tổ chức hướng dẫn HS ứng dụng kiến thức bài học vào cuộc sống

– Thời trang cho vật nuôi mà em yêu thích có thể dùng trong cuộc sống hằng ngày. Cần chú trọng yếu tố thẩm mỹ để có thể sử dụng ý tưởng, sản phẩm đó nhiều lần hơn.

– Về kiến thức, GV gợi ý cách thức sử dụng vật liệu để gấp, vẽ và một số kỹ thuật đơn giản như mẹo trong việc dùng đồ cũ để tạo sản phẩm thời trang.

b. Tổ chức hướng dẫn HS cách ứng dụng sản phẩm bài học

Về sản phẩm, có thể gợi ý HS sử dụng sản phẩm được tạo ra sau buổi học để dùng cho vật nuôi của mình.

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

- GV nhắc lại kiến thức chính của bài học và những điều cần ghi nhớ:
- + Thời trang cho vật nuôi được làm bằng nhiều loại vật liệu khác nhau.
- + Kiểu dáng phong phú, đa dạng.
- + Có thể dùng giấy, vải đã có sẵn hình trang trí mà không cần trang trí thêm.
- GV giao nhiệm vụ học tập cho lớp, nhóm hoặc tổ xem và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 8, SGK Mĩ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất cho HS như đức tính kiên trì, chăm chỉ, biết giữ gìn và trân trọng sản phẩm mỹ thuật, có ý thức yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường thông qua một số hoạt động và biểu hiện chủ yếu sau:

– Yêu thích vẻ đẹp của thiên nhiên, bảo vệ cây xanh, sáng tạo và có tinh thần xây dựng và bảo vệ đất nước.

– Biết chia sẻ và thể hiện tình yêu đối với thiên nhiên; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, xã hội; sẵn sàng cộng tác với mọi người xung quanh; tôn trọng sự khác biệt của mỗi người; yêu thích học tập, trải nghiệm, sáng tạo.

– Siêng năng trong học tập và lao động; ý thức được thuận lợi, khó khăn trong học tập và sinh hoạt của bản thân và chủ động khắc phục vượt qua.

– Thẳng thắn đóng góp ý kiến và xây dựng bài, phê phán các hành vi gian dối trong học tập và trong cuộc sống.

– Giữ gìn và bảo vệ sản phẩm mỹ thuật của mình làm ra, quan tâm đến các công việc chung.

2. Năng lực

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Nêu được đặc điểm của khối cầu.

– Phân biệt được sự khác nhau giữa các vật mẫu.

– Vẽ được mẫu vẽ có hình dạng khối cầu và diễn tả được độ đậm, nhạt (vẽ đậm nhạt) của mẫu.

– Nhận xét và nêu được cảm nhận về bài vẽ.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, hoạ phẩm, ảnh/video về đồ vật có dạng khối tròn, một số loại quả thật dạng tròn (bưởi, ổi, cam, táo,...), máy tính, máy chiếu, tivi (khuyến khích), giấy vẽ, bút chì, bút màu,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật lớp 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, màu vẽ (bút sáp, màu gouache, màu nước,...), giấy A4, bút chì, tẩy, bút lông, một số loại quả dạng tròn mang theo (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, học qua trải nghiệm, quan sát, gợi mở, so sánh thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, khăn phủ bàn, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, cả lớp.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, gọi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Tổ chức trò chơi *Nghe câu đố vẽ hình*

– Mục tiêu giúp HS rèn luyện tư duy hình tượng, khắc sâu kiến thức về quả.

– Hình thức chơi: Cá nhân, nhóm, tổ.

– Cách chơi: GV đọc câu đố, HS trả lời bằng cách vẽ. Đội nào vẽ nhanh, đẹp sẽ chiến thắng. Ví dụ: Câu 1: Quả gì mà ở trên cao. Không phải giếng đào, mà có nước trong (quả dừa); Câu 2: Quả gì ruột đỏ. Lấm tấm hạt đen. Mời bạn nếm xem. Ngọt ơi là ngọt (quả dưa hấu); Câu 3: Quả gì thường ở trên giàn. Từng chùm chín mọng mang toàn chữ O (quả nho),...

GV tổ chức cho HS nhận xét bài, chốt ý kiến và gợi mở vào bài.

Cách 2: Tổ chức cho HS chơi trò chơi Xì điện

– Mục tiêu: Giúp HS nắm bắt được các loại quả và đặc điểm của từng loại.

– Hình thức chơi: Cá nhân, nhóm.

– Cách chơi: GV có thể cho HS nghe bài hát về các loại quả hoặc xem video về vườn cây quả khác nhau, sau đó mời các tổ lần lượt kể tên và nêu đặc điểm của các loại quả xuất hiện trong bài hát hoặc video. Đội đầu tiên được mời nếu trả lời đúng sẽ được xì điện sang đội bất kì để trả lời tiếp loại quả khác. Đội nào trả lời đúng được một sao, trả lời sai trừ một sao. Cuối cùng, đội có nhiều câu trả lời chính xác nhất sẽ giành chiến thắng.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

a. Hướng dẫn quan sát, nhận biết về khối cầu

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ qua các câu hỏi:

+ Các loại quả có đặc điểm, hình dáng, kích thước ra sao?

+ Khi nhìn từ các góc khác nhau, hình dáng quả thay đổi thế nào?

+ Em có nhận xét gì về độ đậm, nhạt trên các quả?

+ Em có thể kể và mô tả một số loại quả khác có dạng khối cầu mà em biết.

– HS trình bày kết quả thảo luận. Lớp nhận xét, bình chọn ý kiến hay. GV nhận xét, kết luận:

+ Khối cầu là khối được tạo bởi đường cong bao xung quanh, không có mặt phẳng và có thể lăn được mọi phía. Khi nhìn từ nhiều góc khác nhau thì hình dáng không có nhiều thay đổi.

+ Mỗi loại quả đều có hình dáng, kích thước khác nhau.

+ Độ đậm, nhạt trên quả được chia rõ ràng và được tạo bởi đường cong theo khối.

+ Có rất nhiều các loại quả khác có dạng khối cầu như cam, chanh, đào, mận, vú sữa,... Mỗi loại đều có màu sắc, mùi vị đặc trưng khác nhau tạo nên sự phong phú và cảm hứng cho chúng ta khi vẽ.

b. Hướng dẫn quan sát, tìm hiểu một số bức tranh vẽ theo mẫu quả có dạng khối cầu

– HS quan sát các hình ảnh trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị, thảo luận theo nhóm cặp đôi hoặc theo nhóm bốn người để trả lời các câu hỏi:

+ Em có nhận xét gì về những bức vẽ này?

- + Bức tranh vẽ những quả gì?
- + Mô tả hình dáng của mỗi loại quả.
- + Độ đậm, nhạt giữa các vật trong tranh có khác nhau không?
- + Cảm nhận khác của em về những bức tranh ấy?...

Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể đưa ra những gợi ý cần thiết để kích thích sự tự tin và tính sáng tạo của các em.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Lớp nhận xét, bình chọn những ý kiến hay. GV chốt lại các ý chính sau: Trong Mĩ thuật, khối cầu là một loại khối cơ bản, là dạng mẫu vẽ bắt buộc khi học. Hình dáng các loại quả sẽ có sự to nhỏ, khi chọn mẫu, chúng ta nên lựa chọn sao cho phù hợp để bức tranh cân đối. Mỗi chất liệu trong tranh sẽ tạo cho ta những cảm giác khác nhau về bề mặt cũng như độ đậm, nhạt.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– HS đọc và thảo luận theo nhóm đôi về các bước xây dựng ý tưởng sáng tạo trong SGK. GV hướng dẫn, gợi mở HS các bước tìm ý tưởng:

Bước 1: Chọn góc nhìn để vẽ vật mẫu (Chọn góc nào để vẽ tranh? Ngang tầm mắt, trên hay dưới tầm mắt? Góc nhiều ánh sáng hay góc trong tối?,...).

Bước 2: Xác định đặc điểm nổi bật của vật mẫu (Chú ý hơn về hình khối hay bề mặt và màu sắc,..).

Bước 3: Thực hành vẽ vật mẫu (Vẽ phác hình bằng đường thẳng hay vẽ theo nét cảm nhận?,...).

– GV kết luận: Cùng một mẫu vẽ nhưng mỗi góc nhìn sẽ có bố cục khác nhau. Có góc sẽ nhìn rõ vật mẫu, có góc các vật mẫu dính liền nhau, có góc tách xa nhau,... Chính vì vậy cần lựa chọn và sắp xếp bố cục sao cho hài hoà và cân đối.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

GV nhắc lại và diễn giải thêm các phương pháp thực hành trong SGK, đưa thêm gợi ý thực hành mới (nếu có). Trong bài này, GV triển khai hướng dẫn hai cách vẽ, đảm bảo HS có thể thực hành (theo cá nhân hoặc nhóm đôi). GV hướng dẫn HS trước khi vẽ, cần quan sát kĩ mẫu vẽ về hình dáng, kích thước, độ đậm, nhạt trên mẫu. HS nhận xét về góc nhìn của mình và chọn cách vẽ mong muốn.

Cách 1: Vẽ phác hình bằng nét thẳng (đường kẻ hà)

- + Xác định bố cục bằng cách ước lượng, đánh dấu.
- + Vẽ phác hình bằng nét thẳng.

+ Vẽ phác mảng đậm nhạt.

+ Vẽ độ đậm, nhạt của vật mẫu.

+ Vẽ độ đậm, nhạt rõ hơn theo bóng của vật mẫu. (Để đầu bút chì luôn chuốt nhọn vừa phải, đan nét theo chiều của vật thể nhằm tạo khối khoẻ và mạnh. Có thể vẽ nền ngay từ đầu trước khi vẽ khối hoặc vẽ khối xong vẽ nền. Chú ý đánh nét đậm từ trong góc đánh ra).

+ Hoàn thiện bức vẽ. (Ở bước này lưu ý phản quang của mặt tối không nên quá sáng mà chỉ chuyển độ nhẹ nhẹ. Độ đậm của nền và bóng đổ phải rõ ràng, đồng thời tách hẳn ra khỏi mặt tối càng tốt. Độ đậm của đỉnh khối qua mặt mờ và từ mặt mờ đến mặt sáng nên chuyển độ càng êm càng tốt, vẫn luôn phải thường xuyên đánh bóng theo chiều của khối nhằm đảm bảo vẫn giữ được độ cong của vật thể. Sắc độ của mặt nền nằm không nên để quá sáng mà phải hơi trầm xuống, nhằm tách mặt nền ra khỏi mặt sáng của mẫu).

– Ở cách vẽ này, HS cần phát huy khả năng quan sát và ước lượng, sau đó đánh dấu vị trí để sắp xếp bố cục sao cho cân đối.

Cách 2: Vẽ theo cảm nhận

+ Ở cách vẽ này, HS cần quan sát kĩ đặc điểm mẫu.

+ Xác định bố cục bằng cách ước lượng, đánh dấu.

+ Vẽ hình theo cảm nhận.

+ Vẽ các mảng đậm nhạt.

+ Hoàn thiện bức vẽ.

– GV có thể hướng dẫn HS thực hiện một cách khác là sử dụng phương pháp học qua trải nghiệm bằng cách HS tự đọc hướng dẫn trong SGK và thực hiện. GV quan sát, hỗ trợ:

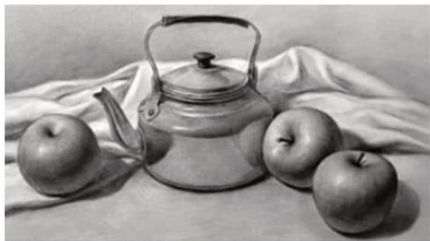
+ *Làm việc cá nhân*: HS làm việc cá nhân, đọc các bước hướng dẫn và chọn cách thực hành.

+ *Làm việc nhóm*: Lần lượt từng HS trình bày cách thức thực hiện sản phẩm và nêu những khó khăn của bản thân khi thực hành theo các bước hướng dẫn. Nhóm nhận xét, góp ý cho sản phẩm của bạn và bình chọn sản phẩm đẹp của nhóm.

– GV nhận xét và chốt lại trên cơ sở dựa trên các ý kiến đã phân tích của HS, chỉ ra nguyên nhân và cách thức vượt qua khó khăn khi thực hành vẽ tranh theo mẫu.

– GV có thể thị phạm minh họa để HS khắc sâu, chốt lại một số cách để vẽ đậm nhạt, cách vẽ màu (tập trung vào những điểm khó khăn đã được HS nêu ra).

Tham khảo thêm một số bức tranh vẽ quả có dạng khối cầu dưới đây:



Tranh chì



Tranh sơn dầu



Tranh bột màu

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

GV tổ chức cho HS sáng tạo cá nhân: Mỗi HS thực hiện bức vẽ theo mẫu bằng một trong hai cách như gợi ý ở trên hoặc sáng tạo cách khác vào cuốn Vở thực hành Mĩ thuật 6 hoặc giấy vẽ. Mẫu vẽ là nhóm mẫu có từ hai quả hoặc đồ vật dạng khối cầu khác nhau về hình dáng và kích thước.

Yêu cầu:

- + Sắp xếp bố cục hình vẽ cân đối trên giấy.
- + Vẽ được đặc điểm mẫu ở góc nhìn nhất định.
- + Vẽ được ba độ đậm nhạt cơ bản, phân biệt được các mẫu khác nhau.

GV quan sát HS thực hành; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong lớp và tự đưa ra nhận xét ý kiến cho những lựa chọn của cá nhân. GV chỉ gợi mở, khuyến khích HS tự chọn ý tưởng cho bức tranh, không can thiệp vào ý tưởng của HS.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

GV cho HS trưng bày sản phẩm lên bảng hoặc xung quanh lớp. Một số HS xung phong giới thiệu, chia sẻ về bức tranh của mình theo nội dung gợi ý trong SGK:

- + Bố cục của bức tranh có cân đối không?
- + Hãy so sánh hình trong bức vẽ với hình dáng và đặc điểm của mẫu.
- + Bức vẽ đã được thể hiện các độ đậm, nhạt như thế nào?
- + Em hãy lựa chọn điều em thích nhất và chưa thích trong bức vẽ.
- + Hãy chọn một bức vẽ bất kì và chia sẻ cảm xúc của em về bức vẽ đó.

– GV cho một số HS phát biểu trước lớp, chia sẻ cảm nhận của bản thân về kết quả thực hành sáng tạo của lớp, nói tên một vài bức tranh mình thích và chỉ rõ điều gì làm mình thích trong bức tranh đó. Các HS trong lớp nhận xét về sản phẩm bạn vừa giới thiệu; chia sẻ những điều em thích hoặc chưa thích trong bức tranh và đưa ra ý kiến góp ý cho bạn. Lớp bình chọn những sản phẩm đẹp về các lĩnh vực: ý tưởng độc đáo, thông điệp ý nghĩa, kĩ thuật tốt,...

– GV chốt lại vấn đề dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo của HS, khen ngợi các bài đẹp và chia sẻ thêm các ý tưởng để bài vẽ của HS hoàn thiện và đẹp hơn.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có) và gợi mở để HS thêm các sản phẩm có trong cuộc sống:

+ Muốn có sản phẩm là một hình tròn cân đối, người thợ mộc thường bắt đầu đục gọt từ hình vuông.

+ Nếu có nhiều vòng tròn khác nhau, ta có thể tạo ra được một khối cầu giống như cách nghệ nhân làm ra những chiếc đèn lồng.

+ Đèn lồng là một ứng dụng ghép khối cầu bằng các múi bao quanh một đường trục thẳng. Ngoài ra còn rất nhiều các sản phẩm như đèn ngủ, đồ trang trí,...



Quả cầu giấy



Đèn ngủ để bàn

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– Một vài HS nêu nội dung phần Em cần nhớ trong SGK.

– GV có thể đặt câu hỏi: Trong bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì mới? Nếu được học lại bài này, em muốn thực hiện theo cách nào?...

– Mỗi HS chia sẻ một điều theo cách thức trò chơi xì điện, có thể nói điều em thích hoặc không thích trong giờ học và nói lí do. GV nhận xét, đánh giá về ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp), kết hợp bồi dưỡng HS tính chăm chỉ, kiên trì trong sáng tạo; ý thức bảo vệ môi trường,...

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu và chuẩn bị các đồ dùng học tập cho Bài 9, SGK Mĩ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất cho HS (đức tính kiên trì, chăm chỉ, biết giữ gìn và trân trọng sản phẩm mỹ thuật, có ý thức bảo vệ môi trường,...) thông qua một số hoạt động và biểu hiện chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, thực hành đầy đủ, tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.
- Yêu thích học tập trải nghiệm sáng tạo; có ý thức được việc tạo ra các sản phẩm bảo vệ môi trường và thiên nhiên.
- Thẳng thắn đóng góp ý kiến và xây dựng bài; phê phán các hành vi gian dối trong học tập và trong cuộc sống.
- Giữ gìn và bảo vệ sản phẩm mỹ thuật của mình làm ra, luôn tôn trọng sự sáng tạo của bạn và người khác.
- Giữ gìn, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; tôn trọng, giữ gìn và tuyên truyền, nhắc nhở người khác cùng giữ gìn di sản văn hoá của quê hương, đất nước.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Kết nối được kiến thức qua các chủ đề đã học.
- Nhớ lại các cách thực hiện một số kĩ thuật in, cách vẽ và tạo hình.
- Nhắc lại một số đặc điểm cơ bản về nghệ thuật tạo hình tiền sử, cổ đại Việt Nam và thế giới.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm, vật liệu tái chế,... để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, giáo án điện tử, đồ dùng, thiết bị dạy học, hoạ phẩm, ảnh/video, hình ảnh sản phẩm về các chủ đề đã học, máy tính, máy chiếu, tivi (nếu có),...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, màu vẽ (bút sáp, màu gouache, màu nước,...), giấy A4; bút chì, tẩy, bút lông,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: trực quan, học qua trải nghiệm, quan sát, gợi mở, so sánh thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, cả lớp.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: GV kiểm tra sĩ số, gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV sử dụng các hình ảnh học tập và các sản phẩm của HS ở các bài học và gợi mở HS:

– Kể tên một số sản phẩm mĩ thuật đã được bản thân hoặc nhóm học tập tạo ra trong học kì vừa qua.

– Nêu cách thức thực hành đã tạo nên một sản phẩm (cụ thể) của cá nhân (hoặc nhóm học tập).

GV chốt ý kiến và gợi mở vào bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS củng cố kiến thức đã học

– GV cho HS làm việc theo nhóm. Mỗi nhóm chọn một chủ đề hoặc GV chủ động phân công chủ đề cho các nhóm (để thực hiện phương án này, GV cần đảm bảo cả ba chủ đề đều được chọn).

– Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ trong SGK Mĩ thuật 6 và một số sản phẩm của HS (hình ảnh do GV chuẩn bị) và thảo luận:

- + Nội dung cơ bản của chủ đề là gì?
- + Các yếu tố tạo hình của chủ đề?
- + Cách tạo ra sản phẩm cụ thể (vẽ, in, nặn, uốn, tạo hình, thiết kế hoạ tiết,...).
- + Ứng dụng kiến thức và kĩ năng đã học của chủ đề vào thực tiễn cuộc sống.

Lưu ý: GV khuyến khích HS suy nghĩ, tìm cách trình bày sáng tạo (sử dụng sơ đồ tư duy,...)



Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS thảo luận, báo cáo kết quả làm việc

– HS trưng bày sản phẩm của nhóm lên bảng hoặc xung quanh lớp theo kĩ thuật phòng tranh; xem bài, sản phẩm đã được trình bày, chọn những bài có hình thức đẹp, khoa học, nội dung tốt; những sản phẩm ấn tượng.

– GV có thể đưa ra một số gợi ý để gợi mở HS quan sát và bình chọn:

- + Tên sản phẩm, ý tưởng sáng tạo sản phẩm là gì?
- + Sản phẩm thể hiện những yếu tố tạo hình nào?
- + Sản phẩm nào em thích nhất, vì sao?
- + Ứng dụng sáng tạo kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn đời sống thế nào?

– Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của mình trước lớp. Một số HS phát biểu, chia sẻ cảm nhận của bản thân về: kết quả thực hành sáng tạo của các nhóm; nói tên một vài bức tranh, sản phẩm được yêu thích và chỉ rõ điều gì làm mình thích trong bức tranh đó; ứng dụng trong đời sống như nghệ thuật hoá trang, các sản phẩm quần áo, đồ trang trí,... ra sao dựa trên các lĩnh vực: ý tưởng độc đáo, thông điệp, kĩ thuật tốt,...

– GV chốt lại vấn đề dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS. Từ đó, đánh giá kết quả thực hành sáng tạo của HS.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

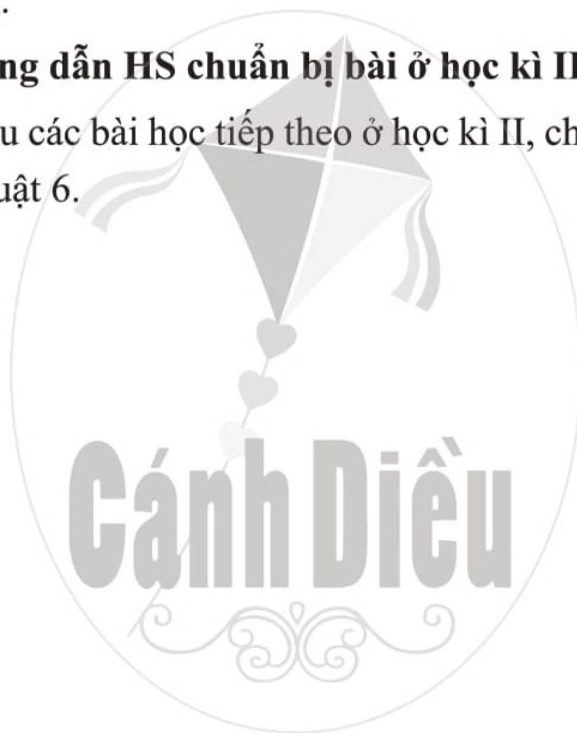
– GV nêu câu hỏi để HS trả lời: Qua bài học hôm nay, em học thêm được điều gì mới? Theo em, sợi dây kết nối ba chủ đề đã học là gì?

– GV cho nhiều HS phát biểu ý kiến rồi chốt vấn đề tùy theo kết quả chia sẻ của HS trong lớp: Sự khởi đầu với nghệ thuật; khám phá kiến thức mỹ thuật trong thời kì tiền sử đến cổ đại của thế giới và Việt Nam; khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên; ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống,...

– Tìm kiếm ý tưởng sáng tạo từ sự kết nối của ba chủ đề đã học để ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở học kì II

Yêu cầu HS tìm hiểu các bài học tiếp theo ở học kì II, chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 10, SGK Mỹ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS các phẩm chất, đức tính của người công dân như chăm chỉ, yêu nước, trung thực, trách nhiệm thông qua một số hoạt động biểu hiện sau:

- Có ý thức tìm hiểu truyền thống của dân tộc, yêu thiên nhiên biển đảo quê hương.
- Thể hiện cảm nghĩ của bản thân về biển đảo quê hương.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn, có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng học tập của bản thân, giữ gìn vệ sinh lớp học.
- Tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm; trân trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra.
- Có thái độ không đồng tình với các biểu hiện không đúng.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Hiểu được kiến thức về đường chân trời (đường tầm mắt) trong mỹ thuật.
- Bước đầu biết được sự phong phú của việc pha trộn màu sắc trong tự nhiên, trong cuộc sống và ở sản phẩm bài vẽ.
- Phân biệt được một số loại màu, biết cách sử dụng hình ảnh, đường nét, màu sắc phù hợp để vẽ tranh về biển đảo quê hương.
- Vẽ được bức tranh về biển đảo quê hương.
- Nhận biết và đặt được tên phù hợp cho bài vẽ.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu sưu tầm để học tập; nghiêm túc tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát triển về các nội dung bài học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhận ra được vẻ đẹp của biển đảo quê hương thông qua việc sử dụng đường nét, màu sắc trong tranh.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả đường nét và màu sắc theo cảm nhận.

– Năng lực khoa học: Có những hiểu biết về thiên nhiên, màu sắc và cuộc sống gắn liền với biển đảo quê hương.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6; kế hoạch DH; một số bài vẽ có nội dung về biển đảo có ý nghĩa liên hệ thực tế; bài vẽ minh hoạ, giới thiệu về đường chân trời và cách sử dụng một số loại màu vẽ; phương tiện, máy chiếu, hoạ phẩm,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, giấy vẽ, màu vẽ, các sản phẩm, tranh ảnh sưu tầm về biển đảo quê hương,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: quan sát, trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, vấn đáp, tích hợp.

2. Kỹ thuật dạy học: động não, đặt câu hỏi.

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV cho HS chuẩn bị tâm thế vào tiết học bằng các hoạt động sau: nhắc HS ổn định trật tự, kiểm tra bài tập đã giao từ tiết học trước, kiểm tra đồ dùng học tập.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Dựa theo ý định của GV tập trung vào mục tiêu bài học mà sử dụng cách vào bài hợp lí. Sau đây là một vài gợi ý:

Cách 1: Sử dụng đồ dùng trực quan giới thiệu một số bài vẽ về biển đảo quê hương để tập trung sự chú ý.

Cách 2: Lựa chọn một bài hát về biển đảo quê hương (Tích hợp âm nhạc).

Cách 3: Sử dụng trò chơi ô chữ.

Ví dụ: HS tìm ra từ khoá BIỂN với các cụm từ và hệ thống câu hỏi

		B	A	B	Ê	
	L	I	M			
K	I	Ê	M	T	R	A
H	À	N	Ộ	I		

Hàng 1: Tên của hồ nước ngọt nổi tiếng ở tỉnh Bắc Kạn? (4 chữ)

Hàng 2: Tên của lễ hội hát quan họ ở tỉnh Bắc Ninh là gì? (3 chữ)

Hàng 3: Để đánh giá kết quả học tập, thầy, cô cho chúng ta làm bài gì? (7 chữ)

Hàng 4: Tên thủ đô của nước ta là gì? (5 chữ)

Cách 4: Đuổi hình bắt chữ.

Ví dụ: Tên huyện đảo ở Hải Phòng được nhắc đến là gì? (2 từ)



(Cát Bà)

Cách 5: Chuyển trực tiếp.

GV kết luận có nhiều hình ảnh đẹp về biển đảo quê hương.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

a. Nhận biết đặc điểm một số hình ảnh về biển đảo

Sử dụng các hình ảnh hoặc video để khởi động và đặt các câu hỏi có liên quan đến hình ảnh bài học trong SGK:

- Những bức ảnh thể hiện nội dung gì?
- Hãy kể một số hoạt động ngoài biển đảo mà em biết.

- Nhận xét hình ảnh, màu sắc (ví dụ: trời xanh, cát trắng,...).
- Nêu đặc điểm khác nhau (ví dụ: phong cảnh, hoạt động của con người) và giống nhau (ví dụ: bầu trời).

b. Nhận biết về đường chân trời

Gợi ý cho HS để tìm ra vị trí của đường chân trời trong tranh, ảnh qua hệ thống câu hỏi trong SGK và rút ra nhận xét:

- Vị trí của đường chân trời có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí của người quan sát (cao, thấp, ngang).
- Đường chân trời trong tranh là ranh giới giữa bầu trời và mặt đất, mặt biển. Có thể đặt ở cao, thấp hoặc có khi ở ngoài bức tranh.
- Khi đứng trước phong cảnh rộng lớn như mặt biển, cánh đồng chúng ta thấy có đường nằm ngang ngăn cách giữa bầu trời và mặt đất hay mặt nước biển; đường nằm ngang này được gọi là đường chân trời hay còn gọi là đường tầm mắt.

Lưu ý: Mọi vật luôn thay đổi khi quan sát từ xa đến gần. Hình dáng của vật trong không gian càng về xa càng nhỏ so với gần.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận về:

- Cách chọn chủ đề (phong cảnh, vệ sinh môi trường biển, bảo vệ biển đảo, khai thác – đánh bắt cá, khai thác dầu,...).
- Lựa chọn hình ảnh cho bài vẽ.
- Tìm bố cục, sắp xếp “mảng chính, mảng phụ” (bãi biển, hòn đảo, con thuyền, ngọn hải đăng, cây cối hay chú bộ đội,...).
- Lựa chọn màu sắc.

GV nhắc HS về ba bước tìm ý tưởng quen thuộc: xác định nội dung vẽ, chọn hình tượng điển hình, thực hành vẽ tranh.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo. Tổ chức theo cá nhân hoặc theo nhóm.

GV cần hướng dẫn HS dù lựa chọn theo cách thực hành nào cũng cần chú ý đến các ý chính: lựa chọn đề tài (phong cảnh biển, bảo vệ biển,...), tìm nội dung và đối tượng chính (hòn đảo, con thuyền, sóng nước, bộ đội,...), vẽ phác bố cục chung (lựa chọn hình ảnh nhân vật điển hình), vẽ hình chi tiết và hoàn thiện.



1. Vẽ hình và bố cục



2. Vẽ màu khái quát



3. Vẽ chi tiết và hoàn thiện

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập cá nhân hoặc nhóm.



Thăm bố ở Trường Sa
Tranh của HS Lê Phúc Tâm Như



Tuần tra trên biển
Tranh của Đỗ Thế Tài



Em đi thăm Trường Sa
Tranh của HS Trần Thanh Yến Nhi



Em yêu biển quê em
Tranh của Nguyễn Thị Thanh Hằng

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

GV tập trung HS để trưng bày bài vẽ, sản phẩm, hướng dẫn HS nhận xét:

- Cách khai thác và thể hiện nội dung.
- Các mảng hình (trọng tâm và phụ).
- Màu sắc, độ đậm nhạt.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

- GV tổ chức gợi mở cho HS (cá nhân hoặc nhóm) cách tạo mô hình, vẽ, xé dán tạo bức tranh về biển đảo quê hương.
- Ứng dụng của đường chân trời:
 - + Em cũng có thể hình dung người chụp ảnh đã đứng ở vị trí nào để chụp được bức ảnh mỗi khi em quan sát bức ảnh nào đó. *Đường chân trời* hay *đường tâm mắt* thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của hình dáng sự vật.



- + Các phi công cũng dựa vào đường chân trời để ghi nhận không gian khi bay.



Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

- GV hệ thống nội dung kiến thức bài học: chọn nội dung ý tưởng, sắp xếp mảng hình, thể hiện màu sắc, biển, đảo là một phần quan trọng cấu thành phạm vi chủ quyền của đất nước Việt Nam. Tranh vẽ về biển đảo quê hương là cách để thể hiện tình yêu đối với đất nước.
- GV giao nhiệm vụ học tập cho lớp, nhóm, tổ xem trước và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 11, SGK Mỹ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chăm chỉ, yêu nước, trung thực, trách nhiệm thông qua một số hoạt động, biểu hiện sau:

- Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương, dân tộc thông qua các lễ hội.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập, tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.
- Không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn; có thái độ không đồng tình với các biểu hiện không đúng.
- Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí đồ dùng học tập của bản thân, giữ gìn vệ sinh lớp học.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được các màu nóng, màu tương phản thường xuất hiện trong các lễ hội.
- Nêu được cách vẽ tranh đề tài. Sử dụng được màu sắc phù hợp để vẽ được bức tranh đề tài lễ hội.
- Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm rõ ràng.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: Hình ảnh các lễ hội, đoạn clip ngắn về lễ hội, tranh vẽ của HS về lễ hội, bảng màu nóng, màu lạnh, màu tương phản, máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; các vật liệu, công cụ,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, vấn đáp, gợi mở, so sánh, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, thuyết trình,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, khăn trải bàn,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số; gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học bằng cách:

Cách 1: GV lựa chọn những lễ hội truyền thống tại địa phương và đặt câu hỏi xem HS có biết về lễ hội đó không, lễ hội được tổ chức vào ngày nào, có sự kiện nào nổi bật được diễn ra,... và dẫn dắt vào bài học về về đề tài Ngày hội quê em.

Cách 2: GV đọc câu ca: *Dù ai đi ngược về xuôi/Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba* và hỏi HS câu ca trên nói về lễ hội nào của nước ta. Ngoài lễ hội Đền Hùng, trên đất nước ta còn rất nhiều lễ hội khác nhau ở các vùng miền, lưu giữ những giá trị truyền thống của văn hoá dân tộc. Sau đó, GV dẫn dắt vào bài tìm hiểu về lễ hội thông qua hoạt động vẽ tranh đề tài Ngày hội quê em.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

a. *Tìm hiểu về lễ hội*

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK Mĩ thuật 6, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ; hoặc GV chiếu đoạn clip ngắn về một số lễ hội, yêu cầu thảo luận theo nhóm. Nội dung thảo luận:

+ Tên một số lễ hội mà em biết.

- + Nêu một số hoạt động mà em biết trong lễ hội.
- + Màu sắc, trang phục của nhân vật xuất hiện trong lễ hội.
- + Cảm nhận của em về không khí của lễ hội mà em đã tham gia.
- + Ý nghĩa của lễ hội.
- + Nêu tên một số lễ hội khác mà em biết, các hoạt động diễn ra trong lễ hội đó,...

– HS trình bày kết quả thảo luận, GV nhận xét, kết luận: Có rất nhiều lễ hội được tổ chức hằng năm ở Việt Nam. Lễ hội là một sự kiện văn hoá được tổ chức mang tính cộng đồng. Lễ hội truyền thống bao gồm phần lễ và phần hội. Phần lễ thường diễn ra ở những nơi trang nghiêm như: trong hoặc trước cửa đình, đền, chùa,... Phần hội về cơ bản diễn ra nhằm thoả mãn nhu cầu vui chơi giải trí và sáng tạo văn hoá của con người thông qua các trò chơi dân gian và địa điểm diễn ra thường ở những bãi đất trống, vạt rừng, trên mặt nước ao, hồ, sông, những nơi rộng rãi,... Lễ hội có màu sắc tươi sáng, rực rỡ thể hiện không khí náo nhiệt, vui tươi. Màu sắc được sử dụng trong lễ hội thường là màu tương phản, màu nóng. Mỗi lễ hội có một ý nghĩa riêng. Ví dụ: tưởng nhớ công đức các vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, các liệt sĩ, các bậc tiền bối đã có công xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; đáp ứng nhu cầu văn hoá, tín ngưỡng, tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh của nhân dân,...

Lưu ý: Nên khai thác những đặc điểm của lễ hội ngay tại địa phương để HS hiểu thêm về truyền thống văn hoá của địa phương mình.

b. Tìm hiểu về tranh vẽ lễ hội, tranh dân gian Đông Hồ

– GV hướng dẫn HS quan sát và tìm hiểu theo nhóm những bức tranh trong SGK Mĩ thuật 6:

- + Nội dung của tranh diễn tả hoạt động gì?
- + Sắp xếp bố cục nhân vật có gì đặc biệt?
- + Điểm đặc biệt về hình dáng nhân vật và khung cảnh là gì?
- + Màu sắc của tranh thế nào?
- GV nhận xét, kết luận theo gợi ý ở bảng dưới đây:

Hội làng dân gian truyền thống – Tranh của hoạ sĩ Nguyễn Văn Chuốt + Nội dung của tranh vẽ về ngày hội ở làng quê Việt Nam. + Tranh khai thác góc cảnh rộng với nhiều hoạt động tung bừng, vui tươi như múa hát, rước rồng, múa lân,... Bố cục trong tranh cân đối, hài hoà. Màu sắc chủ yếu là đỏ, vàng, đen khai thác bảng màu truyền thống trong sơn mài. Tranh chia thành các mảng, hình ảnh dàn trải theo lối đồng hiện, thể hiện không khí náo nhiệt, rộn ràng vui tươi. Đường nét trong tranh mềm mại, sinh động thể hiện nét đặc trưng trong thể dáng, động tác của nhân vật. Tác phẩm có sự kế thừa của nghệ thuật chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam, mang vẻ đẹp hồn hậu, vui tươi, mộc mạc của lễ hội làng quê. Qua tác phẩm, tác giả đã thể hiện niềm tự hào với truyền thống văn hoá của dân tộc, tình yêu với quê hương đất nước.	Lễ hội Cầu ngư – Tranh của HS Nguyễn Trần Pha Lê + Nội dung tranh vẽ về hoạt động đua thuyền trên biển thuộc lễ hội Cầu ngư. Đây là lễ hội thể hiện bản sắc văn hoá dân gian đặc sắc, mang tính vùng miền của ngư dân vùng biển. + Hình dáng, đường nét trong tranh rất sinh động, thể hiện được nét đặc trưng của động tác khi đua thuyền (trọng tài, người chèo thuyền, người đánh trống). Hình ảnh chính là những người chèo thuyền được vẽ to, rõ ràng ở trung tâm của bức tranh, các hình ảnh phụ được sắp xếp hài hoà tạo bố cục cân đối. Tác giả đã miêu tả kĩ về trang phục, nét mặt của những người khi tham gia lễ hội, các chi tiết trang trí trên thuyền, trống hội. Màu sắc trong tranh tươi sáng, rực rỡ thể hiện được không khí rộn rã, vui tươi.
Lễ hội Cồng chiêng – Tranh của HS Mai Thị Hoài + Tranh vẽ về lễ hội Cồng chiêng ở Tây Nguyên bên mái nhà rông. + Hình ảnh người dân đang tung bừng nhảy múa, vui chơi, cùng các nhạc cụ chiêng, trống được vẽ rất sinh động, trong các tư thế thay đổi linh hoạt: người đứng giơ tay, người quỳ, người đang uốn mình để chơi chiêng trống. Đường nét, hình ảnh trong tranh cho thấy mọi người đang say sưa theo điệu nhạc, hoà vào không khí vui tươi, rộn ràng. Trang phục được mô tả đúng đặc trưng của người dân tộc Tây Nguyên, màu sắc tươi sáng rực rỡ, không gian trong tranh được vẽ theo không gian thực (gần to, xa nhỏ) với bố cục cân đối.	

– GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh dân gian Đông Hồ trong SGK và trả lời câu hỏi. GV nhận xét câu trả lời, kết luận: Tranh dân gian Đông Hồ có nội dung đề tài phong phú, trong đó có đề tài lễ hội với các tranh như: Đấu vật, Rước rồng,... miêu tả các hoạt động sôi nổi diễn ra trong lễ hội. Tranh sử dụng lối bố cục đồng hiện, các nhân vật được dàn đều trên tranh, sắp xếp hình ảnh không theo trật tự xa gần, không gian trong tranh ước lệ tượng trưng, màu sắc tươi vui, dùng các nét viền đậm, cô đọng để diễn tả hình dáng và chi tiết.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài vẽ tranh theo các bước gợi ý trong SGK Mĩ thuật 6:

+ Xác định nội dung tranh vẽ về đề tài lễ hội (rước kiệu, đấu vật, cảnh lễ hội, đua thuyền,...).

+ Chọn hoạt động, hình ảnh điển hình.

+ Xác định cách thực hành vẽ tranh.

Khuyến khích HS nhớ lại các hoạt động của lễ hội mình muốn vẽ để tìm ý tưởng sáng tạo cho bức tranh. GV cho HS chia sẻ về ý tưởng của mình với các bạn trong lớp, trao đổi về phương pháp vẽ tranh.

– GV kết luận: Có thể chọn nhiều góc cảnh, hoạt động khác nhau để vẽ tranh về đề tài lễ hội. Cần chú ý nhớ lại các thể dáng, màu sắc, chi tiết trang trí trong lễ hội để thể hiện được sự sinh động, tiêu biểu của lễ hội.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– GV hướng dẫn, thị phạm minh họa một số thao tác chính, kết hợp giảng giải, tương tác với HS và gợi mở cách thực hiện (sử dụng hình ảnh minh họa trong SGK Mĩ thuật 6 và hình ảnh do GV chuẩn bị nếu có):

+ Có thể vẽ toàn cảnh lễ hội với nhiều hoạt động hoặc chỉ chọn một hoạt động tiêu biểu của lễ hội để thể hiện.

+ Xác định các mảng chính, mảng phụ: chú ý sự cân đối, hài hoà về bố cục.

+ Vẽ hình ảnh chi tiết vào các mảng chính và phụ: chú ý trang phục, tư thế các nhân vật khác nhau để tạo được các hình dáng sinh động, những chi tiết lá cờ sử dụng trong lễ hội, công trình kiến trúc đặc trưng gắn với lễ hội,...

+ Vẽ màu rực rỡ, phù hợp với không khí lễ hội để tạo không khí vui tươi, sôi nổi.

– GV giới thiệu cho HS những cách vẽ khác nhau:

Cách 1: Vẽ chi tiết bằng chì trước rồi vẽ màu sau:



Bước 1

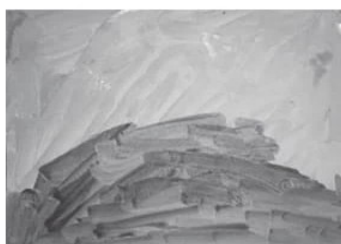


Bước 2



Bước 3

Cách 2: Nếu vẽ bằng các màu như màu bột, màu gouache thì có thể vẽ mảng màu trước và vẽ các chi tiết sau:



Bước 1



Bước 2



Bước 3

Lưu ý: Tùy theo điều kiện thực tế và khả năng của HS, GV sẽ hướng dẫn kỹ hơn về cách vẽ nét trước, vẽ màu sau hay vẽ mảng màu trước, vẽ nét sau. GV nên cho HS quan sát thêm một số bức tranh lễ hội (cả tranh đẹp và chưa đẹp) để HS hiểu thêm về bố cục tranh, cách sử dụng màu sắc, chi tiết trang trí trên tranh.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– Tổ chức cho HS sáng tạo cá nhân: Mỗi HS vẽ một bức tranh về đề tài lễ hội.

– GV quan sát HS thực hành; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong lớp và tự đưa ra nhận xét, ý kiến cho những lựa chọn của cá nhân.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV cho HS trưng bày sản phẩm lên bảng hoặc xung quanh lớp. Hướng dẫn HS giới thiệu, chia sẻ về bức tranh của mình theo gợi ý:

+ Nội dung của bức tranh (Vẽ về lễ hội gì? Có những hoạt động nào? Có những nhân vật ra sao?,...)

+ Hình thức thể hiện (giới thiệu những điểm thú vị về bố cục, đường nét, màu sắc,...).

+ Lựa chọn bức tranh em thích nhất. Vì sao?

– Dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo của HS, kết hợp bồi dưỡng, giáo dục HS ý thức bảo tồn truyền thống văn hoá dân tộc, khi tham gia các lễ hội tuân thủ hướng dẫn của ban quản lý di tích, bảo vệ môi trường cảnh quan của lễ hội và các di tích lịch sử.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS *Ứng dụng*

– GV gợi ý HS sử dụng màu sắc rực rỡ tươi vui của lễ hội để trang trí ở nhiều hoạt động khác nhau trong cuộc sống: như tổ chức sinh nhật cho bạn, trang trí góc học tập, bảng tin của lớp, thiết kế trang phục cho ngày hội ở trường, cách thức tổ chức một số trò chơi dân gian cho HS.

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– GV cần hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

+ Lễ hội có rất nhiều các hoạt động phong phú và đa dạng, mang đặc trưng riêng của các dân tộc của các vùng miền khác nhau. Lễ hội là nơi gìn giữ giá trị văn hoá, bản sắc truyền thống của các dân tộc. Về tranh đề tài lễ hội cũng là một cách lưu giữ truyền thống văn hoá Việt Nam.

+ Trong lễ hội, các màu tương phản, màu nóng thường được sử dụng để thể hiện không khí vui tươi, sôi nổi.

+ Các cặp màu tương phản (vàng và tím, đỏ và xanh lục, cam và xanh lam) khi đứng cạnh nhau sẽ tôn nhau lên, thêm rực rỡ và thu hút thị giác.

+ Màu nóng là các màu gần với màu đỏ (như vàng, cam, nâu đỏ, hồng) tạo cảm giác ấm nóng, lôi cuốn.

– GV nhắc HS tìm hiểu trước và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 12, SGK Mĩ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất cho HS như chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm thông qua một số hoạt động và biểu hiện chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng giấy, bút, màu vẽ cho thực hành; không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn.
- Thẳng thắn đóng góp ý kiến và xây dựng bài; tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.
- Giữ gìn và bảo vệ sản phẩm mỹ thuật của mình làm ra, luôn tôn trọng sự sáng tạo của bạn và người khác.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Bước đầu tìm hiểu chữ tượng hình, làm quen với những kiểu chữ trang trí.
- Biết cách lựa chọn, sáng tạo để gửi thông điệp qua hình dáng kiểu chữ, tạo được chữ mang tính trang trí.
- Giới thiệu, nhận xét và đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS sáng tạo được các kiểu chữ mới, biết kỹ năng kẻ chữ để phục vụ cho các môn học khác.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 6; kế hoạch DH; giấy trắng, bút chì, màu; các loại

chữ trang trí đa dạng ở bài báo, tạp chí, biển quảng cáo, báo tường,...; hình ảnh minh họa nội dung bài học; màu vẽ, máy tính, máy chiếu, ti vi (nếu có),...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, bút, màu, giấy, giấy màu, kéo, keo, hồ dán,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: đặt câu hỏi, động não.

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, kiểm tra bài cũ, gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV cho HS chơi trò chơi *Ô chữ kì diệu* theo hình thức nhóm, tổ để giúp HS tìm hiểu thêm các kiến thức về mĩ thuật. GV có thể thiết kế trên giáo án điện tử hoặc làm ô chữ có miếng gài để che các chữ.

Cách chơi: GV đọc câu đố, HS trả lời câu hỏi. Khi trả lời đúng một miếng ghép bất kì sẽ được lật, trả lời sai nhường quyền cho đội khác. Đội nào nói được đáp án đúng dòng chữ sẽ giành chiến thắng. Sau khi có dòng chữ đáp án, GV cho HS quan sát điểm đặc biệt và dẫn dắt vào bài mới.

Cách 2: GV giới thiệu cho HS xem một số kiểu chữ trên tạp chí, biển quảng cáo sau đó dẫn vào bài học: Chữ trang trí được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống. Bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu về chữ trang trí, từ đó sáng tạo được các kiểu chữ trang trí đẹp, truyền tải được thông điệp cho sản phẩm.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

a. Quan sát, tìm hiểu về sự xuất hiện của chữ tượng hình

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ qua các câu hỏi trong SGK. Nội dung thảo luận:

+ Em đã nhìn thấy những kiểu chữ này chưa?

+ Đây là chữ viết của quốc gia nào?

+ Chia sẻ về kiểu chữ tượng hình mà em biết.

+ Lịch sử chữ quốc ngữ của Việt Nam.

– HS trình bày kết quả thảo luận, nhận xét giữa các nhóm. GV nhận xét, kết luận:

+ Khi chưa có chữ viết, con người truyền thông điệp cho nhau bằng hình ảnh. Sau đó, dựa trên hình ảnh có thật, chữ tượng hình ra đời. Ví dụ chữ tượng hình của Ai Cập cổ đại hay Trung Quốc, mỗi một **chữ tượng hình** đều mang những ý nghĩa cơ bản nhất bằng cách vẽ lại những thứ thường gặp (như con vật là trâu, bò, ngựa; đồ vật là cỗ xe và thuyền...) rồi sau dần cải tiến thành chữ viết.

+ Chữ tượng hình là chữ được tạo ra dựa trên hình thật được đơn giản và mô hình hoá.

+ HS có thể tự sáng tạo nên các kiểu chữ trên cơ sở hình dáng của con vật, đồ vật hay từ bất cứ hình thể nào mà HS muốn.

b. Quan sát cách tạo hình một số kiểu chữ

– GV sử dụng hình minh hoạ trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị nếu có, yêu cầu HS quan sát và trả lời các nội dung:

+ Trình bày suy nghĩ của em về cách tạo hình và ý nghĩa thông điệp của chữ.

+ Theo em đâu là những yếu tố nổi bật thể hiện tính sáng tạo của các kiểu chữ?

+ Em thích kiểu chữ nào? Em hãy chia sẻ ý tưởng của mình về kiểu chữ (nếu muốn).

Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. Các HS còn lại nhận xét.

– GV tổng kết các ý chính:

+ Tạo hình chữ có nhiều kiểu. Mỗi kiểu chữ đều có đặc điểm riêng biệt, ý nghĩa khác nhau để thể hiện nội dung cần diễn đạt như: kiểu chữ kết hợp hoạ tiết hoa lá, kiểu chữ sử dụng hoạ tiết động vật để tạo hình, kiểu chữ sử dụng đường cong, kiểu chữ sử dụng đường thẳng,...

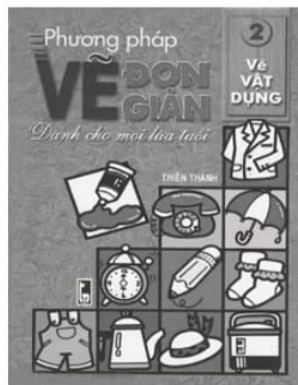
+ Ngày nay rất phổ biến việc dùng hình ảnh thay cho chữ viết như các kí hiệu biển báo giao thông, cảnh báo nguy hiểm,...

+ Có rất nhiều kiểu chữ khác nhau được các nhà thiết kế đồ hoạ tạo ra bằng phần mềm máy tính.

– GV cho HS xem thêm một số hình ảnh nghệ thuật chữ trong đời sống.



Chữ cổ động



Chữ bìa sách



Chữ để trang trí

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS cách tìm ý tưởng, theo các bước gợi ý trong SGK:

Bước 1: Chọn ý tưởng, nội dung thiết kế chữ (dự định tạo ra con chữ dùng cho việc gì, thông điệp muốn truyền tải,...).

Bước 2: Chọn cỡ chữ và hình dáng phù hợp với nội dung (biểu cảm của chữ qua hình dáng mập hay gầy, vui hay buồn,...).

Bước 3: Xác định cách thực hành (vẽ với màu hay cắt dán,...).

– GV hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng với các bạn trong lớp. Sau đó, GV nhận xét các ý tưởng của HS, đưa ra các gợi ý cần thiết để HS hứng thú tìm hiểu cách tạo sản phẩm như: Có nhiều loại chữ được trang trí khác nhau dựa trên nội dung, mục đích sử dụng. Cần chọn được hình dáng và biểu cảm của chữ để phù hợp với mục đích, thông điệp muốn truyền tải. Cần chọn cách làm (vẽ, cắt dán,...) phù hợp với vật liệu và màu sắc đã chuẩn bị.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

Sử dụng hình ảnh minh họa trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

– GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK và thực hành tạo sản phẩm. GV nhắc nhở HS đảm bảo tính thống nhất trong sáng tạo các chữ trong cùng nội dung, giữ được đặc trưng của chữ để người đọc có thể dễ dàng nhận ra ngay được, chữ thể hiện được biểu cảm và thông điệp muốn truyền tải.

– HS theo gợi ý từ các hình trong SGK để tự chọn cho mình một cách sáng tạo cho phù hợp với ý tưởng bản thân.

Hoa học trò

Hoa học trò

Hoa học trò

CHĂM CHỈ

CHĂM CHỈ

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– GV tổ chức cho HS sáng tạo cá nhân bằng cách mỗi HS thiết kế một dòng chữ để trang trí báo tường của lớp nhân dịp kỉ niệm ngày 20/11 có sử dụng màu sắc vui tươi, trang trí thêm tờ báo tường theo ý thích.

– GV quan sát HS thực hành; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lí kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong nhóm, trong lớp.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV cho HS trưng bày sản phẩm lên bảng hoặc xung quanh lớp. GV gọi mở để HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm và hướng dẫn các em giới thiệu, chia sẻ về bài của mình theo gợi ý:

- + Các chữ cái được thiết kế theo ý tưởng nào?
- + Em thích nhất điều gì trên sản phẩm của mình, của bạn?
- + Em có suy nghĩ gì qua bài học tạo hình chữ?

– Dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo của HS dựa trên ý thức học tập, sự chuẩn bị vật liệu, mức độ tham gia thảo luận, thực hành,... (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa do GV chuẩn bị (nếu có) và gọi mở cho HS cách thức tạo hình chữ (có thể ứng dụng trong trang trí quảng cáo, trang trí bìa sách, báo tường, tranh tường,...):

- + Chữ được thiết kế đẹp sẽ trở thành họa tiết trang trí.
- + Ngày kỉ niệm, ngày vui của người thân và bạn bè sẽ trở nên ý nghĩa hơn nếu chúng ta tự thiết kế và trang trí chữ.
- + Chữ được thiết kế có thể trở thành biểu tượng (còn gọi là logo) đại diện cho một thương hiệu. HS có thể đưa ra những ý tưởng lớn hơn. VD: kiểu chữ rút gọn,...



VƯỜN CAO VIỆT NAM

Chữ quảng cáo



Chữ ứng dụng



Chữ logo

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài:

+ Từ xa xưa, chữ được tạo ra từ hình ảnh (chữ tượng hình).

+ Ngày nay, có rất nhiều kiểu chữ khác nhau do các họa sĩ đồ họa thiết kế, sáng tạo ra.

+ Chữ có thể trở thành họa tiết trang trí và biểu tượng.

+ Chữ cần được thiết kế phù hợp với nội dung sử dụng.

+ Chữ được thiết kế có thể tạo ra những cảm nhận khác nhau về nội dung. Nội dung nhẹ nhàng thì nét cần mềm mại, nội dung mạnh mẽ thì chữ cần khoẻ khoắn.

– GV nhắc HS tìm hiểu và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài học 13, SGK Mỹ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS những phẩm chất tốt như đức tính kiên trì, chăm chỉ, biết giữ gìn và trân trọng sản phẩm mỹ thuật, có ý thức bảo vệ môi trường,... thông qua một số hoạt động và biểu hiện chủ yếu sau:

– Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, thực hành đầy đủ, tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

– Thẳng thắn đóng góp ý kiến và xây dựng bài; phê phán các hành vi gian dối trong học tập và trong cuộc sống.

– Tôn trọng các dân tộc, các quốc gia và các nền văn hoá trên thế giới; sáng tạo, có tinh thần xây dựng và bảo vệ đất nước.

– Tham gia giao thông đúng luật và có ý thức ngăn chặn hành vi đua xe, lạng lách, đánh võng,...

– Giữ gìn và bảo vệ sản phẩm mỹ thuật của mình làm ra, tôn trọng sản phẩm và sự sáng tạo của bạn bè cũng như người khác.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Nêu được một số đặc điểm cơ bản về hình dáng, cấu tạo của xe ô tô.

– Thiết kế được mô hình ô tô theo ý tưởng riêng.

– Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, đồ dùng, thiết bị dạy học, hoạ phẩm, ảnh/video phù hợp với chủ đề, máy tính, máy chiếu, tivi (nếu có),...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, màu vẽ (màu sáp, màu gouache, màu nước,...), giấy A4, bút chì, tẩy, dao, kéo, bìa các-tông, hộp giấy, củ (khoai, cà rốt, hoặc củ cải...),...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, học qua trải nghiệm, quan sát, thực hành, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, khăn trải bàn, thảo luận, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, cả lớp.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, gọi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị, kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2. Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể giới thiệu bài học theo những gợi ý sau:

Cách 1: Vào bài bằng trò chơi *Miếng ghép bí ẩn*.

Các nhóm theo dõi lên màn hình hoặc bảng với những miếng ghép chứa câu hỏi mà GV đã chuẩn bị (GV có thể chuẩn bị các miếng ghép bằng hình vẽ dán úp vào bảng và có đánh số theo câu hỏi). Đội nào có nhiều câu trả lời đúng hoặc trả lời được miếng ghép cuối cùng sẽ giành chiến thắng. Sau khi HS trả lời, GV liên hệ tới nội dung bài học.

Cách 2: Trò chơi *Vẽ tiếp sức*.

Chia lớp thành bốn đội, mỗi đội xếp thành các hàng, mỗi hàng 5 HS. Mỗi HS cầm một viên phấn và lần lượt thay nhau vẽ một chi tiết để tạo thành chiếc xe ô tô. Trò chơi kéo dài ba phút theo nhạc (GV mở nhạc nền khi HS chơi) và khi kết thúc, GV dẫn dắt vào nội dung bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS *Khám phá*

a. Quan sát, nhận biết hình dáng, cấu tạo của những chiếc xe ô tô

– HS quan sát hình ảnh trong SGK, đọc các câu hỏi và thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ:

+ Em có nhận xét gì về sự thay đổi của xe ô tô qua các thời kì? Theo em tại sao có sự thay đổi đó?

+ Hình dáng của các loại xe ra sao, có gì đặc biệt?

+ Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về những chiếc xe ô tô với các bạn.

– HS trình bày kết quả thảo luận, GV nhận xét, chốt lại các ý chính:

+ Qua các thời kì, xe ô tô ngày càng hoàn thiện hơn, an toàn hơn, thông minh hơn để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của con người.

+ Xe ô tô có nhiều hình dáng khác nhau: dáng cong mềm, dáng vuông, dáng chữ nhật,... Mỗi kiểu dáng tạo ra những phong cách khác nhau để phù hợp với nhu cầu đa dạng của con người.

+ HS chia sẻ, GV chốt lại và mở rộng.

b. Một số ý tưởng về tạo dáng mô hình chiếc ô tô

– HS quan sát các hình ảnh trong SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị, thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm bốn để trả lời các câu hỏi trong SGK:

+ Em có biết quy trình thiết kế một chiếc xe ô tô?

+ Em thấy ấn tượng nhất với điều gì ở những mẫu thiết kế?

+ Em thích sản phẩm nào? Tại sao?

+ Em có ý tưởng gì mới cho chiếc ô tô của mình?

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. Lớp nhận xét, bình chọn những ý kiến hay. GV tổng kết các ý chính:

+ Quy trình thiết kế một chiếc xe có rất nhiều bước. Đầu tiên nhà thiết kế cần phác thảo ý tưởng về chiếc ô tô bằng hình vẽ. Sau khi có hình vẽ phác thảo ý tưởng, cần gói gọn lại một cách chi tiết. Tiếp theo, cụ thể hoá dưới dạng mô hình đất sét, thiết kế các bộ phận nội thất xe, màu sắc xe,...

+ Mỗi mẫu thiết kế đều có những ý tưởng riêng. Ấn tượng của mỗi mẫu xe đều tập trung vào hình dáng và cấu tạo khác nhau, phù hợp với từng đối tượng sử dụng.

– HS phát biểu về sản phẩm ô tô yêu thích, GV tổng kết và gợi mở:

+ Tùy theo đối tượng HS, GV có thể đưa ra những gợi ý cần thiết để kích thích sự tự tin và tính sáng tạo của HS. Ví dụ: ô tô hình con vật, các loại quả, ô tô trông cây, ô tô vệ sinh môi trường tự động, ô tô bay,...; nhấn mạnh những yếu tố nổi bật, tính sáng tạo, chức năng trên sản phẩm.

+ Gọi mở về cách sử dụng các loại nguyên liệu tái chế, vật liệu từ thiên nhiên để kết hợp và tạo hình xe ô tô mà HS yêu thích.

+ Thời đại công nghiệp cũng như công nghệ phát triển mạnh mẽ đòi hỏi con người luôn sáng tạo để tạo ra các sản phẩm tốt nhất phục vụ nhu cầu đời sống. Qua bài học này, HS phát triển thêm các ý tưởng sáng tạo, biết sử dụng vật liệu tái chế, vật liệu từ thiên nhiên,... kết hợp để tạo ra các sản phẩm giúp ích cho con người.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– HS đọc và thảo luận theo cặp về các bước xây dựng ý tưởng sáng tạo trong SGK:

Bước 1: Xác định mục đích tạo dáng xe ô tô (Em muốn có một chiếc xe ô tô dùng vào việc gì? Ô tô này có gì đặc biệt?,...).

Bước 2: Chọn hình dáng xe ô tô (Ô tô có hình dáng như thế nào? Sử dụng hình ảnh nào để trang trí ô tô?,...).

Bước 3: Xác định phương pháp thực hành (Vẽ, nặn, xé dán, dùng vật liệu tái chế để tạo hình,...).

– HS chia sẻ về ý tưởng của mình trước lớp. GV kết luận: Có thể chọn các ý tưởng khác nhau về mọi chủ đề như xe chở người, xe chở hàng, xe thời trang,... Cần chú ý nhớ lại các hình dáng, màu sắc, chi tiết nổi bật của chiếc xe, các tính năng giúp chiếc xe phục vụ con người tốt hơn.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– HS quan sát các hình trong SGK, hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có) và tìm hiểu cách thực hiện (Tuỳ theo tình hình thực tế, GV có thể hướng dẫn, thị phạm minh hoạ cho HS một số thao tác, các bước, kết hợp giảng giải, tương tác với HS và gọi mở cách thực hiện để đảm bảo HS có thể làm được theo cá nhân hoặc nhóm đôi).

Cách 1: Sử dụng vật liệu đã qua sử dụng

+ Vẽ phác ý tưởng tạo hình ô tô.

+ Chọn phác thảo ưng ý nhất và vẽ từng bộ phận của xe lên giấy hoặc bìa cứng (thân xe, bánh xe có thể vẽ một hình rồi nhân lên).

+ Cắt hình.

+ Tạo hình, lắp ghép phần khung dưới, khung trên.

+ Tạo hình, lắp ghép phần vỏ xe. Lắp ghép các chi tiết.

+ Vẽ màu và trang trí hoàn thiện.

Lưu ý: Các chi tiết giống nhau cần có kích thước bằng nhau để khi ghép không bị lệch.

Cách 2: Sử dụng nguyên vật liệu trong tự nhiên

Từ sự lựa chọn các củ quả phù hợp tại nơi sinh sống, GV định hướng ý tưởng có thể dựa trên hình thù của các loại củ quả, điều đó kích thích trí tưởng tượng và tư duy của HS dựa trên hình thù tự nhiên như: xe hình bầu dục, hình tròn,...

GV có thể thị phạm theo các bước trong SGK, lưu ý bước đầu tiên cần cắt tạo bề mặt phẳng để vẽ hình phác thảo sau đó tạo hình theo.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– HS quan sát hình, đọc yêu cầu hướng dẫn luyện tập trong SGK và thực hành: mỗi HS sáng tạo một chiếc xe ô tô theo ý thích từ vật liệu tái chế hoặc vật liệu có sẵn từ thiên nhiên.

– GV quan sát HS thực hành; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong lớp và tự đưa ra nhận xét/ý kiến cho những lựa chọn của cá nhân.

– GV chỉ gợi mở, khuyến khích HS tự chọn ý tưởng cho bức tranh, không can thiệp vào ý tưởng của HS. Tuy nhiên, tùy đối tượng HS cụ thể, GV có thể gợi ý để HS lựa chọn ý tưởng. Ví dụ: những chiếc xe được thiết kế với những mục đích ý nghĩa khác nhau: xe ô tô chở người, xe chở hàng, xe ô tô đa năng giúp bảo vệ môi trường, chăm sóc môi trường,... HS có thể sáng tạo ra các động cơ giúp xe có thể tự vận động, sử dụng các động cơ từ đồ chơi hỏng, động cơ cơ học,...

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm trên bàn hoặc xung quanh lớp. Hướng dẫn HS giới thiệu, chia sẻ về sản phẩm theo gợi ý:

- + Ý tưởng sáng tạo mô hình xe ô tô của bạn là gì?
- + Quá trình thực hiện sản phẩm có điều gì đặc biệt?
- + Qua sản phẩm, em truyền tải thông điệp nào về vấn đề bảo vệ môi trường?
- + Theo em, trong tương lai, ô tô sẽ có những hình dáng ra sao?
- + Em sẽ nhận xét gì cho sản phẩm của bạn?

– HS trong lớp nhận xét về sản phẩm bạn vừa giới thiệu và nói những điều bản thân thích hoặc chưa thích trong các sản phẩm đó và đưa ra góp ý cho bạn. HS bình chọn những sản phẩm đẹp về các lĩnh vực: ý tưởng độc đáo, thông điệp ý nghĩa, trang trí đẹp, sản phẩm có nhiều tính năng,...

– Qua phần trình bày sản phẩm của HS, GV gợi mở và định hướng cho các em cách phát triển các sản phẩm từ ý tưởng của mình, cụ thể như xe đi dưới nước, xe bay, xe năng lượng mặt trời,...

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– HS làm việc cá nhân, đọc các câu gợi ý và gợi mở để nhận ra cách thức tạo dáng khác nhau của sản phẩm trong cuộc sống (ứng dụng trong trang trí nhà, đồ vật trong nhà, đồ chơi,...) như:

+ Em có thể sáng tạo ra các sản phẩm đồ chơi bằng nhiều chất liệu khác nhau để trưng bày và trang trí cho ngôi nhà mình đẹp hơn.

+ Từ việc tạo dáng xe ô tô, chúng ta có thể sáng tạo thành nhiều sản phẩm đa dạng, ứng dụng phục vụ trong cuộc sống như giường ngủ, hộp bút, hộp đựng đồ,...



Ô tô trang trí



Giường ô tô

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– Các vật liệu sử dụng trong tạo hình ô tô mà SGK nêu ra chỉ là những gợi ý cơ bản. Dựa trên tình hình thực tế của vùng miền, địa phương, GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu phù hợp, mang tính phổ biến, miễn sao có thể triển khai tốt về phương pháp và có sản phẩm tương đương.

– GV nhận xét, đánh giá về ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp), kết hợp bồi dưỡng HS đức tính chăm chỉ, kiên trì trong sáng tạo; ý thức bảo vệ môi trường và chăm sóc cây xanh,...

– GV nhắc HS xem trước và chuẩn bị các đồ dùng học tập cho Bài 14, SGK Mĩ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS phẩm chất chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm,... thông qua một số hoạt động biểu hiện sau:

- Chuẩn bị đồ dùng học tập đầy đủ.
- Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn để vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế; biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm của bạn và người khác.
- Biết thể hiện tình yêu thương, quan tâm đến người thân, bạn bè, thầy cô,... qua sản phẩm.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Hiểu được đặc điểm và ý nghĩa của thiệp chúc mừng.
- Trình bày được cách tạo thiệp chúc mừng và tạo được sản phẩm thiệp chúc mừng bằng kỹ thuật in, vẽ, kết hợp với các kỹ thuật khác.
- Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự giác tham gia học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, chia sẻ cảm nhận trong học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lựa chọn, sử dụng công cụ, giấy màu, hoạ phẩm trong thực hành sáng tạo.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng ngôn ngữ nói để trao đổi, thảo luận trong học tập.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 6; kế hoạch DH; các loại thiệp chúc mừng đã được vẽ, in, cắt dán; giấy; khuôn in; màu vẽ; màu in; bút; giấy màu; kéo,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, màu vẽ, bút, giấy vẽ, giấy màu, khuôn in từ đồ vật, lá cây, kéo, hồ dán,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: gợi mở, trực quan, vấn đáp, luyện tập, thực hành, thảo luận, thuyết trình.

2. Kỹ thuật dạy học: khăn trải bàn.

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV chuẩn bị tâm thế cho HS vào tiết học bằng các hoạt động sau: nhắc HS ổn định trật tự, kiểm tra bài tập đã giao từ tiết học trước, kiểm tra đồ dùng học tập.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV đưa ra câu đố: Đây là một vật thường được dùng để tặng cho những người yêu mến vào những dịp đặc biệt như sinh nhật, năm mới,... và trên đó ghi những lời chúc, lời thể hiện tình cảm của người tặng. Sau khi HS trả lời, GV liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: GV cầm một vài thiệp chúc mừng trên tay và đặt câu hỏi cho HS: Các em có biết đây là cái gì không? Nó được sử dụng để làm gì?,... Sau đó, GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

– GV yêu cầu HS quan sát một số hình ảnh thiệp chúc mừng ở SGK Mĩ thuật 6, hoặc do HS sưu tầm, GV chuẩn bị (nếu có). Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (có thể sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn để tổ chức cho HS quan sát, tìm hiểu thiệp chúc mừng), yêu cầu tìm hiểu:

- + Hình dáng thiệp chúc mừng.
- + Nội dung, chủ đề thiệp chúc mừng.
- + Hoạ tiết, màu sắc, kiểu chữ trên thiệp chúc mừng.
- + Cách trang trí thiệp chúc mừng.
- + Ý nghĩa của thiệp chúc mừng.

– Sau khi HS trình bày, các nhóm góp ý, GV nhận xét và tóm tắt nội dung:

+ Thiệp chúc mừng thường được dùng trong những dịp đặc biệt như các ngày lễ, sinh nhật, năm mới,... để ghi những lời chúc, thể hiện tình cảm đối với người mình yêu mến. Vì vậy, việc tự tay làm thiệp chúc mừng sẽ đem lại nhiều niềm vui, sự trân trọng cho người được nhận.

+ Thiệp chúc mừng có thể được tạo bởi nhiều hình dạng khác nhau: vuông, chữ nhật, trái tim,... Khi làm thiệp chúc mừng, nên chọn giấy có độ dày để sản phẩm được bền và đẹp. Thiệp chúc mừng có thể được thiết kế một trang hoặc nhiều trang, có phong bì ngoài thiệp chúc mừng hoặc không, phong bì có thể được trang trí hoặc không trang trí.

+ Hình ảnh hoạ tiết trang trí rất đa dạng: hoa, lá, con vật, hình ảnh con người,... Kiểu chữ rất phong phú: chữ thường, chữ hoa, chữ trang trí,...

+ Màu sắc đa dạng tùy theo chủ đề được lựa chọn: sinh nhật, năm mới, ngày lễ 08/3, kỉ niệm ngày 20/11,... thường dùng màu sắc vui tươi.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ tư duy ba bước để tìm ý tưởng sáng tạo thông qua hệ thống các câu hỏi:

+ Xác định nội dung của thiệp chúc mừng.

+ Thiệp chúc mừng có hình dáng gì? Chọn hình ảnh và chữ để trang trí? (Dựa vào mục đích thiệp chúc mừng để lựa chọn hình ảnh trang trí phù hợp, dự định ghi câu chúc nào cho ý nghĩa, sử dụng kiểu chữ nào).

+ Xác định cách thực hành (sử dụng kĩ thuật vẽ, in, gấp, cắt giấy hay kết hợp).

Hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng sáng tạo của mình với các bạn trong lớp.

– GV kết luận: Tùy theo mục đích sử dụng mà có những ý tưởng khác nhau để tạo dáng và trang trí cho thiệp chúc mừng. Khi đã có ý tưởng cho sản phẩm, HS tiến hành thực hiện tạo sản phẩm thiệp chúc mừng theo ý tưởng đã có.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

** Tạo dáng thiệp chúc mừng*

– GV đặt câu hỏi với HS ở những hình thiệp chúc mừng khác nhau:

+ Hình dáng, màu sắc, cách trang trí thiệp chúc mừng.

+ Em thích tấm thiệp chúc mừng nào? Vì sao?

+ Chia sẻ ý nghĩa thông điệp mà em muốn gửi đến người nhận.

– GV kết luận:

+ Có thể tạo nhiều hình dáng khác nhau cho thiệp chúc mừng. Sử dụng giấy bìa có màu hoặc giấy trắng để làm thiệp chúc mừng. Gấp hoặc dùng kéo cắt tạo hình thiệp chúc mừng theo ý tưởng của mỗi HS.

+ Thiệp chúc mừng có thể có phong bì kèm theo hoặc không có (tùy theo ý tưởng của mỗi cá nhân).

** Trang trí thiệp chúc mừng*

– GV cho HS xem một số sản phẩm thiệp chúc mừng đã trang trí và hỏi HS:

+ Thiệp chúc mừng đã sử dụng phương pháp trang trí nào?

+ Những hình ảnh và kiểu chữ nào được sử dụng để trang trí?

+ Màu sắc được sử dụng trên thiệp chúc mừng.

+ Cách sắp xếp hình ảnh và chữ trên thiệp chúc mừng.

– GV kết luận, giới thiệu, kết hợp minh họa để HS hiểu về cách trang trí thiệp chúc mừng:

+ Có thể sử dụng kỹ thuật vẽ hoặc in như đã học ở các bài trước hoặc kết hợp cả hai để trang trí cho thiệp chúc mừng.

+ Dựa vào ý tưởng sáng tạo thiệp chúc mừng đã có, HS lựa chọn, sắp xếp hình ảnh, chữ trên thiệp chúc mừng cho cân đối. Có thể phác nhẹ các mảng hình trên thiệp chúc mừng.

+ Sử dụng màu sắc phù hợp với chủ đề, mục đích sử dụng của thiệp chúc mừng (thiệp chúc mừng thường có màu sắc vui tươi).

– GV kết luận cách tạo hình thiệp chúc mừng sau khi nghe các ý kiến của HS:

+ Xác định được mục đích tặng thiệp chúc mừng: tặng cho ai, nhân sự kiện gì,...

+ Hình dáng sáng tạo tùy theo ý tưởng và mục đích sử dụng.

+ Chọn nội dung và dùng bút chì phác các mảng họa tiết, mảng chữ cân đối trên thiệp chúc mừng hoặc định hình vị trí vẽ, in, dán họa tiết, vị trí ghi chữ.

+ Tìm họa tiết trang trí phù hợp với nội dung chủ đề: vẽ hoặc in họa tiết. Nếu in họa tiết cần chú ý đến kích thước hình in, màu sắc in của họa tiết cho phù hợp với mảng hình đã phác từ trước.

+ Trang trí màu sắc hài hòa với nội dung chủ đề.

– Một số cách tạo hình thiệp chúc mừng bằng kỹ thuật khác nhau:

** Vẽ tạo thiệp chúc mừng*



** In tạo thiệp chúc mừng*



** Cắt dán tạo thiệp chúc mừng*



Lưu ý: Chọn hình ảnh trang trí phù hợp với mục đích của thiệp chúc mừng. Tận dụng các vật liệu sẵn có như giấy màu tạp chí cũ, lịch cũ có in họa tiết hoa, lá đẹp làm thiệp chúc mừng.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– GV giao nhiệm vụ mỗi HS sẽ tạo sản phẩm thiệp chúc mừng bằng cách vẽ, in hoặc kết hợp để tặng cho người thân hoặc bạn bè, thầy cô,... trong dịp gần nhất.

– GV có thể cho HS trao đổi trong nhóm: Mỗi cá nhân quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn. GV có thể gợi ý một số nội dung trao đổi cho các nhóm hoặc ở mỗi nhóm, mỗi cá nhân, khích lệ HS nêu câu hỏi với bạn.

– GV quan sát, theo dõi HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ kết hợp hướng dẫn HS khi cần thiết.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm, hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá, chia sẻ cảm nghĩ của mình về sản phẩm theo gợi ý sau:

- + Hình dáng, bố cục, màu sắc, cách trang trí thiệp chúc mừng.
- + Để tạo thành sản phẩm, em đã làm như thế nào?
- + Em thích sản phẩm của bạn nào (hoặc nhóm nào)? Vì sao?
- + Chia sẻ ý nghĩa/thông điệp của sản phẩm thiệp chúc mừng.

– GV đánh giá kết quả thực hành, liên hệ giáo dục tình cảm: cần biết yêu quý, quan tâm đến người thân trong gia đình và người xung quanh bằng các hành động nhỏ thể hiện tình cảm trân trọng như tự tay làm thiệp chúc mừng vào những dịp đặc biệt.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– Thiệp chúc mừng có thể mua sẵn trong các nhà sách, siêu thị,... Tuy nhiên, Thiệp chúc mừng tự làm là món quà tặng đầy ý nghĩa thể hiện tình cảm của mình đối với những người thân yêu. Trong năm có nhiều dịp lễ kỉ niệm, GV khuyến khích HS hãy tự làm, chuẩn bị sẵn những thiệp chúc mừng để tặng cho những người thân, bạn bè, thầy cô,... của mình.

– Giới thiệu thêm một số cách tạo sản phẩm thiệp chúc mừng với nhiều chất liệu đa dạng cho HS (có thể hướng dẫn HS làm thêm các loại thiệp chúc mừng khác ở nhà nếu có thời gian).

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính (đối chiếu với mục tiêu bài học):

+ Thiệp chúc mừng có thể được tạo hình theo nhiều hình dạng, hoạ tiết, màu sắc, chất liệu khác nhau.

+ Có nhiều cách để tạo ra thiệp chúc mừng: vẽ, in, cắt dán,...

+ Thiệp chúc mừng là món quà có ý nghĩa dành tặng người thân, bạn bè, thầy cô... để thể hiện tình cảm.

– GV nhận xét, đánh giá ý thức học tập, thực hành, thảo luận,... của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

– GV nhắc HS quan sát, tìm hiểu các hình ảnh minh hoạ và chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 15, SGK Mỹ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS phẩm chất chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo; biết sưu tầm một số loại giấy báo, giấy tạp chí, giấy bìa cũ để tạo thành túi giấy.
- Biết sử dụng sản phẩm túi giấy thay cho túi nilon để bảo vệ môi trường.
- Trân trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra; lắng nghe bạn chia sẻ và tôn trọng sự chia sẻ, cảm nhận về sản phẩm của bạn.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nêu được đặc điểm của túi giấy.
- Trình bày được ý tưởng và tạo hình được sản phẩm túi giấy theo ý thích. Biết cách lựa chọn, phối hợp các phương pháp vẽ, dán hoặc in để dùng giấy trang trí được túi giấy.
- Biết trưng bày, giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm túi giấy. Nêu được lợi ích của túi giấy với việc bảo vệ môi trường.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động sưu tầm, vật liệu để thực hành; tự lựa chọn cách để thực hành, sáng tạo sản phẩm theo ý thích.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lựa chọn vật liệu, họa phẩm, công cụ để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, kế hoạch DH, các loại túi giấy được trang trí đa dạng, hình ảnh minh họa nội dung bài học, màu vẽ, máy tính, máy chiếu, ti vi (nếu có), giấy trắng, giấy báo, giấy màu thủ công, kéo, bút chì, băng dính, hồ dán,...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6, bút vẽ, màu vẽ, giấy, khuôn in, dây,...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, thuyết trình,...

2. Kỹ thuật dạy học: đặt câu hỏi, động não.

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, kiểm tra bài cũ, gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV giới thiệu dẫn dắt, túi giấy là vật dụng rất quen thuộc trong đời sống hằng ngày, yêu cầu HS hãy kể một số chất liệu tạo túi giấy đã biết, chia sẻ tác hại của việc sử dụng nhiều túi nilon, tìm hiểu những loại túi vừa hữu dụng vừa góp phần bảo vệ môi trường,... GV dẫn vào bài: Sử dụng nhiều túi nilon gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hãy cùng học cách lựa chọn ý tưởng, gấp tạo hình và trang trí túi giấy để đựng món quà đặc biệt hoặc đơn giản là để đựng đồ dùng hằng ngày.

Cách 2: GV chiếu một đoạn video ngắn về tác hại của việc sử dụng túi nilon. Sau đó, GV hỏi HS đoạn video trên nói về điều gì, túi với chất liệu nào có thể thay thế túi nilon,... GV dẫn vào bài, để bảo vệ môi trường, có thể sử dụng túi giấy thay cho việc dùng túi nilon. Bài học này sẽ giúp bản thân mỗi HS tự mình làm ra những chiếc túi giấy để sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau trong cuộc sống.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

– GV tổ chức học HS quan sát ảnh trong SGK Mĩ thuật 6 và một số túi giấy GV, HS sưu tầm thêm. Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm về các nội dung:

+ Túi giấy có những bộ phận nào?

+ Túi thường được thiết kế và trang trí như thế nào?

+ Em có thể kể và giới thiệu thêm những cách tạo hình túi mà em biết.

+ Em có muốn chia sẻ vài ý tưởng mới về sản phẩm túi giấy không?

– GV nhận xét, kết luận:

+ Túi giấy dùng để đựng làm bằng giấy có rất nhiều kiểu khác nhau từ hình dáng cho đến cách trang trí, tùy theo mục đích sử dụng. Túi sử dụng cho những sự kiện thường được trang trí cầu kì hơn.

+ Từ xa xưa con người làm những cái túi để đựng bằng da thú, đan lá cây, vỏ cây,...

+ Có thể mô phỏng các loại túi với hình dáng khác nhau bằng cách gấp giấy.

+ Các thương hiệu nổi tiếng, các sự kiện đều có mẫu túi được thiết kế riêng. Có ngành công nghiệp thời trang chuyên thiết kế các mẫu túi.

– GV cho HS xem một vài hình ảnh thể hiện tác hại của việc sử dụng bừa bãi túi nilon (do GV chuẩn bị). GV nhắc HS cần thay đổi cách sử dụng túi để bảo vệ môi trường.

Lưu ý: Gọi mở để HS biết về các loại túi và cách trang trí, biết công dụng của túi, hiểu ý nghĩa đối với môi trường của sản phẩm túi giấy.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng tạo hình và dùng giấy trang trí túi giấy theo các bước tư duy trong SGK Mĩ thuật 6:

+ Xác định chủ đề trang trí túi giấy (làm túi để làm gì, cho ai).

+ Chọn hình ảnh, họa tiết phù hợp (chọn hình hay chữ gì để trang trí).

+ Xác định phương pháp thực hành (trang trí bằng cách nào).

– GV hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng với các bạn trong lớp. GV nhận xét các ý tưởng của HS, đưa ra các gợi ý cần thiết để các em hứng thú tìm hiểu cách tạo sản phẩm.

Lưu ý: Có nhiều loại túi được trang trí, thiết kế để dùng cho những sự kiện và mục đích khác nhau. Lưu ý HS cần chọn được hình ảnh chính để trang trí phù hợp với mục đích của mình. Trong những cách (vẽ, cắt dán, in bằng các hình tự tạo) cần chọn cách làm phù hợp với vật liệu và màu sắc đã chuẩn bị.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– GV hướng dẫn HS gấp tạo hình túi giấy:

+ Hướng dẫn HS gấp và tạo hình túi giấy theo các bước như trong SGK Mĩ thuật 6. GV có thể hướng dẫn thêm cách gấp làm cho đáy túi rộng hơn, hoặc

túi có hình thang,... GV cho HS tham khảo thêm về các dáng túi hoặc cũng có thể hướng dẫn thêm những cách gấp, cắt khác để tạo dáng cho túi giấy; tuy nhiên, nên chọn cách đơn giản, không quá cầu kì với HS.

+ GV hướng dẫn HS đục lỗ và chuẩn bị quai túi sẵn sàng để gắn quai sau khi trang trí xong.

– GV hướng dẫn HS trang trí túi giấy bằng cách cho HS quan sát các hình minh họa trong SGK Mĩ thuật 6 và hỏi HS về:

+ Các cách trang trí túi giấy mà em biết.

+ Theo ý tưởng của em, em sẽ trang trí túi giấy theo cách nào? Mô tả các bước thực hiện để chia sẻ với các bạn trong lớp.

– GV nhận xét câu trả lời, gợi mở cho HS trang trí túi bằng nhiều cách: vẽ, in, cắt dán hoặc sử dụng họa tiết sẵn có của giấy. Lưu ý HS chọn hình ảnh, màu sắc để vẽ, in cho phù hợp với mục đích của sản phẩm. GV hướng dẫn, kết hợp với hình ảnh minh họa ở SGK Mĩ thuật 6 để giảng giải và tương tác với HS để HS chủ động nắm được cách dùng giấy trang trí túi giấy:

+ Vẽ họa tiết hoặc một bức tranh hay trang trí chữ lên túi.

+ Sử dụng giấy màu, giấy có sẵn hình trang trí để trang trí túi giấy.

Sau khi trang trí túi xong, GV hướng dẫn HS gắn quai vào túi giấy, hoàn thiện sản phẩm.

c. Tổ chức HS luyện tập

– GV tổ chức HS thực hành cá nhân sáng tạo sản phẩm túi giấy để đựng quà chúc mừng sinh nhật bạn. Trang trí túi bằng cách vẽ, cắt dán hoặc in những hình em thích.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm về cách tạo dáng, lựa chọn cách trang trí, hình ảnh, màu sắc cho túi,...

– GV quan sát HS thực hành, trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết; khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong nhóm, trong lớp.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm, có thể:

+ Trưng bày sản phẩm đơn lẻ, sản phẩm nhóm lên bàn, bục, bệ.

+ Trưng bày ở giữa lớp để HS cùng quan sát.

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ các sản phẩm, hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá sản phẩm theo câu hỏi gợi ý:

- + Em thích nhất sản phẩm nào?
- + Sản phẩm nên dùng vào dịp nào?
- + Theo em, điểm sáng tạo nhất của sản phẩm là gì?
- + Em sẽ góp ý gì cho sản phẩm của bạn?
- + Em có thêm ý kiến khác không?

– Dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo của HS trên cơ sở nhận xét, đánh giá ý thức học tập, sự chuẩn bị vật liệu, mức độ tham gia thảo luận, thực hành của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– GV gợi mở cho HS thấy việc sử dụng sản phẩm túi giấy vừa ý nghĩa vừa góp phần bảo vệ môi trường.

– Khuyến khích HS gấp thêm nhiều túi từ giấy, bìa, giấy báo cũ để đựng đồ hằng ngày thay cho túi nilon; tuyên truyền cho những người khác cùng hạn chế sử dụng túi nilon gây hại cho môi trường.

Hoạt động 7: củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

- GV tóm tắt nội dung chính của bài:
- + Túi đựng đồ được làm bằng nhiều loại vật liệu khác nhau.
- + Các kiểu dáng túi giấy, túi đựng đồ đều có thể được tạo hình, gấp, dán từ một tờ giấy.
- + Có thể dùng tờ giấy, vải đã có sẵn hình trang trí để dùng mà không cần trang trí thêm.
- + Túi nilon rất nguy hại cho môi trường vì rất khó phân hủy.
- GV nhắc HS chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 16, SGK Mĩ thuật 6.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm,... thông qua các hoạt động, biểu hiện chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu phục vụ học tập; biết sưu tầm một số đồ vật đã qua sử dụng có ở xung quanh để làm vật liệu và tái chế thành sản phẩm mỹ thuật.
- Có ý thức tiết kiệm, tái chế các nguyên vật liệu góp phần bảo vệ môi trường.
- Biết cảm nhận, trân trọng và bảo quản sản phẩm của mình, của bạn hay do người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nêu được đặc điểm (hình dáng, màu sắc, chất liệu,..) của một số nhân vật đồ chơi.
- Trình bày được ý tưởng về cách tạo hình nhân vật, lựa chọn và sử dụng được các nguyên vật liệu phù hợp để sáng tạo được sản phẩm đồ chơi bằng vật liệu tái chế.
- Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động sưu tầm, vật liệu để thực hành; tự lựa chọn cách để thực hành, sáng tạo sản phẩm theo ý thích.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn vật liệu tái chế, hoạ phẩm, công cụ để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 6; kế hoạch DH; tranh, ảnh, sản phẩm búp bê làm

từ nhiều vật liệu khác nhau; một số vật liệu tái chế: chai, lọ, hộp,... (tùy theo điều kiện của địa phương).

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6; Vở thực hành Mĩ thuật 6; bút vẽ màu, giấy màu, kéo, hồ dán, băng dính, chai, lọ, hộp, bàn chải, lõi giấy, quả bóng bàn, quả cầu lông,... (tùy theo điều kiện của địa phương).

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học chủ yếu: trực quan, quan sát, vấn đáp, gợi mở, thực hành, thảo luận, thuyết trình,...

2. Kỹ thuật dạy học: đặt câu hỏi, động não.

3. Hình thức tổ chức dạy học: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số; gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Cách 1: GV cầm hai sản phẩm: một sản phẩm đồ chơi từ vật liệu tái chế và một sản phẩm đồ chơi mua sẵn. Sau đó, GV hỏi HS sự khác nhau của hai loại đồ chơi, GV nhận xét câu trả lời, khơi gợi hứng thú, mong muốn tạo được sản phẩm đồ chơi từ các vật liệu đã qua sử dụng của HS; dẫn dắt giới thiệu trực tiếp vào nội dung bài học.

Cách 2: GV tổ chức trò chơi *Tìm ý tưởng* bằng cách chia lớp thành bốn đội, đưa ra một số vật liệu tái chế để HS quan sát, tìm ý tưởng tái chế thành các sản phẩm vận dụng trong cuộc sống. Trong một phút đội nào đưa được nhiều ý tưởng hơn sẽ thắng cuộc. GV tổng kết trò chơi và liên hệ giới thiệu vào nội dung bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS Khám phá

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và một số đồ chơi GV, HS đã sưu tầm. Yêu cầu thảo luận về:

- + Đồ chơi được làm từ những nguyên vật liệu nào?
- + Mô tả khái quát hình dáng và chi tiết các bộ phận của sản phẩm.
- + Chi tiết trang trí trên các sản phẩm được thể hiện như thế nào?
- + Em thích chi tiết sáng tạo nào ở sản phẩm?

– GV nhận xét, kết luận:

+ Đồ chơi có thể được tạo thành từ rất nhiều nguyên vật liệu khác nhau, những đồ vật đã qua sử dụng có thể được tái chế để tạo thành sản phẩm đồ chơi đẹp, độc đáo.

+ Các đồ chơi thường mô tả theo một nhân vật trong phim, truyện hoặc dựa theo trí tưởng tượng, sở thích của mỗi người. Đồ chơi ngoài các bộ phận chính là đầu, thân, tay chân còn được trang trí thêm các chi tiết: trang phục, phụ kiện... để sản phẩm thêm đẹp và hấp dẫn. Đồ chơi tạo hình nhân vật không chỉ dành riêng cho trẻ em. Chúng được sáng tạo bằng nhiều ý tưởng, nhiều chất liệu đa dạng.

+ Sử dụng tiết kiệm, tái sử dụng các nguyên vật liệu là việc làm cần thiết để góp phần bảo vệ môi trường.

Lưu ý: GV nên cho HS quan sát sản phẩm tạo hình đồ chơi từ các vật liệu tái chế để tìm, sẵn có tại địa phương mình.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS Sáng tạo

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm ý tưởng

– GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng tạo hình đồ chơi theo các bước tư duy theo hướng dẫn trong SGK Mĩ thuật 6:

+ Tìm hiểu và xác định ý tưởng.

+ Vẽ phác thảo hình dáng đồ chơi.

+ Xác định nguyên vật liệu và cách thực hành.

– GV hướng dẫn HS chia sẻ ý tưởng với các bạn trong lớp. GV nhận xét các ý tưởng của HS, đưa ra các gợi ý cần thiết để HS hứng thú tìm hiểu cách tạo sản phẩm.

Lưu ý: HS có thể quan sát các nguyên vật liệu tái chế mà mình đã sưu tầm được để tìm ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm đồ chơi.

b. Tổ chức, hướng dẫn HS thực hành

– GV hướng dẫn, minh họa, kết hợp giảng giải và tương tác với HS để HS chủ động nắm được các bước tạo hình đồ chơi. Dù thực hành theo cách nào hay sử dụng đồ tái chế nào cũng cần lưu ý:

+ Quan sát các vật liệu đã sưu tầm được để đưa ra ý tưởng tạo hình nhân vật đồ chơi phù hợp với mục đích sử dụng, hoặc tìm ý tưởng tạo hình nhân vật trước rồi tìm nguyên vật liệu phù hợp. Có thể vẽ phác nhanh ý tưởng hình dáng của nhân vật đồ chơi ra giấy và chuẩn bị các nguyên vật liệu phù hợp.

+ Sử dụng các khối sẵn có của vật liệu để tạo hình dáng cho từng bộ phận hoặc tạo hình từng bộ phận cho sản phẩm (có thể vẽ kết hợp cắt, xé, uốn, cuộn,...). Lựa

chọn vật liệu chính để tạo phần đầu, thân, tay, chân,... và các vật liệu khác phối hợp (sợi dây, vải, len, giấy màu, giấy báo,...) để trang trí các chi tiết.

Lưu ý: HS chú ý sự cân đối, hài hoà về kích thước, tỉ lệ của phần đầu, phần thân và các chi tiết như mắt, mũi miệng trên khuôn mặt nhân vật đồ chơi.

+ Gắn kết, lắp ghép các chi tiết, bộ phận bằng cách kết hợp đa dạng các nguyên vật liệu để tạo hình dáng nhân vật đồ chơi.

+ Chỉnh sửa hình dáng sản phẩm cho cân đối, chắc chắn. Trang trí màu sắc, chi tiết cho sản phẩm thêm sinh động và thẩm mỹ.

– Từ vật liệu mà HS sưu tầm được, GV có thể gợi ý thêm những cách khác để HS sáng tạo các sản phẩm đa dạng hoặc cho HS xem một số hình ảnh nhân vật đồ chơi để có thêm các ý tưởng sáng tạo từ các vật liệu tái chế.

Ví dụ cách tạo hình nhân vật búp bê từ lõi giấy vệ sinh, lọ cũ, tờ lịch cũ:



Bước 1



Bước 2



Bước 3



Bước 4

Lưu ý:

- Những vật liệu tái chế như chai, lọ, hộp trước khi sử dụng cần phải làm sạch để đảm bảo vệ sinh và tính thẩm mỹ cho sản phẩm.
- Nhiều vật liệu có sẵn hình dáng đẹp, chỉ cần liên tưởng về một hình ảnh, một câu chuyện là có thể sáng tạo được nhân vật của riêng mình.
- Có thể cắt, gọt, gắn, ghép,... thay đổi hình dáng của các đồ vật cho phù hợp với ý tưởng tạo hình đồ chơi.

c. Tổ chức, hướng dẫn HS luyện tập

– GV tổ chức HS thực hành cá nhân sáng tạo sản phẩm đồ chơi từ những vật liệu tái chế mà HS sưu tầm được.

Yêu cầu:

+ Có đặc điểm chi tiết độc đáo.

+ Trình bày được ý tưởng và cách làm sản phẩm.

Lưu ý: GV cần dựa vào khả năng của HS để có thể gợi mở HS lựa chọn nguyên vật liệu phù hợp với ý tưởng tạo hình. HS có thể tham khảo cách tạo hình đồ chơi trong SGK hoặc cách tạo hình sản phẩm do GV giới thiệu.

– GV tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm (nếu thời gian cho phép) thông qua thảo luận ý tưởng và sắp xếp các sản phẩm của cá nhân trong nhóm. Ví dụ, tạo nhóm các nhân vật trong gia đình, nhóm nhân vật theo câu chuyện,...

– GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm về ý tưởng thể hiện, lựa chọn vật liệu, màu sắc, hình khối, mục đích sử dụng (dùng làm gì),...

– GV quan sát HS thực hành, trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích, giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...) khi cần thiết.

Hoạt động 5: Tổ chức, hướng dẫn HS Thảo luận

– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm, có thể:

+ Trưng bày sản phẩm đơn, sản phẩm nhóm lên bàn, bục, bệ.

+ Trưng bày ở giữa lớp để HS cùng quan sát.

– GV tổ chức HS quan sát toàn bộ các sản phẩm, hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá sản phẩm theo một số câu hỏi gợi ý:

+ Sản phẩm được tạo nên từ những vật liệu nào?

+ Hình dáng và đặc điểm của sản phẩm thế nào?

+ Điểm sáng tạo nổi bật mà em thích là gì?

+ Em thích sản phẩm của bạn nào, nhóm nào?

+ Sản phẩm của em, của nhóm có thể dùng để làm gì?

+ Để tạo thành sản phẩm của em, của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?

+ Em đánh giá, cảm nhận thế nào về sản phẩm của mình, của bạn?

+ Thông điệp qua sản phẩm về vấn đề bảo vệ môi trường.

– Dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo của HS: nhận xét, đánh giá về ý thức học tập, sự chuẩn bị vật liệu, mức độ tham gia thảo luận, thực hành của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

– GV kết hợp bồi dưỡng, giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường thông qua vật liệu tái chế. Có thể cho HS xem một đoạn clip ngắn về ảnh hưởng của rác thải tới môi trường sống, lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường cho HS.

Hoạt động 6: Tổ chức, hướng dẫn HS Ứng dụng

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa trong SGK và gợi mở HS nhận ra có thể sử dụng các sản phẩm tạo hình nhân vật để trang trí cho không gian của căn phòng, gắn lên túi xách, làm đồ chơi, quà tặng, móc khóa,...

– HS có thể cùng bạn tạo hình các nhân vật để minh hoạ cho một câu chuyện thêm sinh động và hấp dẫn.

– GV khuyến khích HS sáng tạo thêm nhiều sản phẩm đồ chơi từ vật liệu tái chế ở nhà (nếu HS thích).

Hoạt động 7: Củng cố bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV tóm tắt nội dung chính của bài:

+ Đồ chơi tạo hình nhân vật có thể được tạo ra bằng những vật liệu tái chế, góp phần bảo vệ môi trường.

+ Các sản phẩm tạo hình nhân vật được dùng để trang trí, là đồ chơi, quà tặng đồng thời mang đặc trưng văn hoá các vùng miền, dân tộc khác nhau.

– GV nhắc HS chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 17, SGK Mĩ thuật 6.



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS các phẩm chất của người công dân như lòng nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực, kính trọng thầy cô, yêu thương bạn bè, yêu quê hương, đất nước,... thông qua một số biểu hiện sau:

- Yêu thiên nhiên, thích cái đẹp, sáng tạo trong cuộc sống.
- Biết chuẩn bị đồ dùng học tập, tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo.

2. Về năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết cách sử dụng đường nét, hình khối và màu sắc trong thiên nhiên để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, trưng bày, trao đổi và chia sẻ những điều đã học trong mỗi tiết học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm, vật liệu tái chế,... để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.
- Năng lực khoa học: Có những hiểu biết về thiên nhiên, màu sắc và sáng tạo các sản phẩm có tính mỹ thuật.
- Năng lực thể chất: Các kĩ năng thao tác, thực hành vẽ tranh và tạo dáng sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 6, Vở thực hành Mỹ thuật 6, phương tiện, máy chiếu, hình ảnh minh hoạ nội dung các bài học,...

2. Học sinh: SGK Mỹ thuật 6, Vở thực hành Mỹ thuật 6, giấy vẽ, màu vẽ, các sản phẩm, tranh ảnh đã thực hiện trong các bài học.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở và thảo luận, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tế, trò chơi,...

2. Kỹ thuật dạy học: động não, thảo luận, sơ đồ tư duy

3. Hình thức tổ chức dạy học: làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo ra tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số, gợi mở HS giới thiệu những bài đã học trong học kì II hoặc cả năm, GV hướng HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể vận dụng hình ảnh hoạt động, sản phẩm của HS trong các bài học và nêu vấn đề, kích thích HS nhớ lại, ví dụ:

- + Kể tên một số sản phẩm do chính mình tạo ra.
- + Nêu cách đã tạo ra một số sản phẩm của cá nhân, nhóm.
- + Nêu một số sản phẩm của bạn mà mình ấn tượng nhất và có nhiều cảm xúc.

Hoạt động 3: Tổ chức, hướng dẫn HS củng cố kiến thức đã học

Cách 1:

- GV tổ chức cho HS thảo luận, giao nhiệm vụ:
- + Quan sát các hình ảnh minh họa trong các bài học và hình ảnh sản phẩm mỹ thuật của HS, GV chuẩn bị.
- + Nêu tên nội dung hình ảnh, chủ đề.
- + Nêu đặc điểm thể hiện ở hình ảnh trực quan minh họa.

– GV tóm tắt: Các yếu tố nét, hình, khối, màu sắc dễ tìm thấy trong tự nhiên, có thể vận dụng các yếu tố đó để sáng tạo nên sản phẩm trong bài học.

Cách 2:

– GV có thể vận dụng kỹ thuật dạy học tia chớp để tổ chức cho HS nhận biết đặc điểm về nội dung, đề tài, chủ đề.

Hoạt động 4: Tổ chức, hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm, chia sẻ cảm nhận

GV có thể hướng dẫn hoặc trưng cầu ý kiến HS về cách trình bày sản phẩm đã tạo nên ở các bài học, ví dụ:

- + Trưng bày sản phẩm theo chủ đề.

- + Trưng bày sản phẩm theo hình thức tạo hình.
- + Trưng bày sản phẩm theo nhóm, tổ học tập.
- GV tổ chức cho HS quan sát, thảo luận, chia sẻ, cảm nhận:
- + Các sản phẩm thể hiện nội dung, chủ đề gì?
- + Em thích sản phẩm nào nhất? Vì sao em thích (về nét, hình khối, màu sắc,...)?
- + Em tìm ra một sản phẩm chưa thích và cần bổ sung gì để sản phẩm của bạn trở nên tốt hơn có thể?
- + Em tìm ra một sản phẩm có màu sắc đẹp nhất?
- + Em tìm ra một sản phẩm có cách sắp xếp thú vị nhất?
- + Đặt tên cho một sản phẩm mà em yêu thích nhất?,...

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận và ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống.
- GV tổng kết, chốt lại kiến thức, liên hệ mỹ thuật với cuộc sống và nêu cảm nghĩ.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS tự học

GV hướng dẫn, dặn dò HS tự học trong kì nghỉ hè.

Cánh Diều

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MẪU

(Soạn theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH
ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MẪU SỐ 1

Trường:.....
Tổ:.....

Họ và tên giáo viên:
.....

Bài 10. BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU (YÊU CẦU CẦN ĐẠT)

1. Kiến thức

- HS nêu được hiểu biết khái quát về chủ quyền biển đảo quê hương.
- Trình bày khái niệm đường chân trời trong mỹ thuật.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Sưu tầm được một số tranh ảnh về biển đảo quê hương; chuẩn bị đồ dùng, vật liệu học tập, chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi và thảo luận với bạn bè về nội dung, ý tưởng vẽ tranh biển đảo quê hương; cùng bạn thực hành, chia sẻ và trưng bày, nhận xét bài vẽ.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, hoạ phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

2.2. Năng lực đặc thù

Quan sát, nhận thức thẩm mỹ:

– HS kể tên và nêu được ý nghĩ về biển đảo quê hương, lựa chọn được nội dung, hình ảnh phù hợp với đề tài để vẽ tranh.

– HS trình bày được cách vẽ đề tài biển đảo quê hương, lựa chọn được hình tượng, màu sắc phù hợp với nội dung.

Sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ:

- HS vận dụng đường chân trời vào bài vẽ.
- Sử dụng vật liệu có sẵn ở địa phương.
- Vẽ được bức tranh về biển đảo quê hương.

Phân tích đánh giá thẩm mỹ:

– Giới thiệu, nhận xét, trưng bày sản phẩm và nêu được cảm nhận về sản phẩm bài vẽ của mình và của bạn/nhóm bạn.

2.3. Năng lực khác

Năng lực ngôn ngữ: Vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, hợp tác, chia sẻ về bài học.

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS các phẩm chất:

- Tình yêu biển đảo quê hương.
- Có khả năng đưa ra những nhận xét đánh giá chân thực với cảm nhận của bản thân.
- Tích cực chủ động thực hiện đầy đủ bài tập, có ý thức tìm hiểu, giữ gìn biển đảo quê hương thông qua các hoạt động tập thể.
- Nhiệt tình tham gia các hoạt động học tập của nhóm, có tinh thần tự học, sáng tạo sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 6, SGV Mỹ thuật 6, tranh ảnh, bài vẽ của họa sĩ và của HS về đề tài biển đảo quê hương; phương tiện máy tính, máy chiếu,...

2. Học sinh: SGK Mỹ thuật 6, Vở thực hành Mỹ thuật 6, giấy vẽ, chì, tẩy, màu vẽ, tranh ảnh sưu tầm,...

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Ổn định tổ chức: GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số; gọi mở, kích thích HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị. (2 phút)

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

1. Mục tiêu

Tạo hứng thú vui vẽ cho HS và giới thiệu bài học định hướng nội dung khám phá kiến thức mới.

2. Nội dung

Xem một số hình ảnh về biển đảo trong video có các hoạt động về biển đảo quê hương.

3. Sản phẩm

Câu trả lời tiêu biểu nhất của HS thể hiện hiểu biết về biển đảo quê hương.

4. Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: Xem video một số hình ảnh về biển đảo quê hương và trả lời câu hỏi: Video thể hiện nội dung gì? Em hãy nêu từng nội dung cùng cảm nhận, suy nghĩ của bản thân...

– Thực hiện nhiệm vụ: HS xem xong video và trả lời câu hỏi.

– Báo cáo: Chọn một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét và bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời HS, dẫn dắt HS vào nội dung bài học về biển đảo.

– Chơi trò chơi (tham khảo SGK Mĩ thuật 6).

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (19 – 20 phút)

1. Mục tiêu

HS tìm hiểu, nêu được đặc điểm nội dung của đề tài, trình bày được cảm nhận đối với các tác phẩm tranh vẽ về biển đảo quê hương.

2. Nội dung

HS giới thiệu khái quát được về biển đảo quê hương; nêu một số hoạt động ngoài biển đảo; HS nhận xét và nêu được đặc điểm đường chân trời; chọn ý tưởng cho bài vẽ của mình.

3. Sản phẩm

Bài trình bày nội dung tìm hiểu của nhóm/cá nhân theo câu hỏi gợi ý, các ý kiến trao đổi, thảo luận của HS.

4. Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: HS được chia nhóm thảo luận về các nội dung:

Quan sát tranh ảnh, video về một số hoạt động tại biển đảo quê hương, tìm hiểu về:

+ Nội dung hoạt động.

+ Hình ảnh, màu sắc.

+ Cảm nhận bản thân.

Quan sát những bức tranh vẽ của họa sĩ và của HS trong SGK để tìm hiểu:

+ Nội dung đề tài được thể hiện trong tranh.

+ Cách sắp xếp bố cục hình vẽ.

+ Điểm đặc biệt về hình và khung cảnh không gian.

+ Màu sắc.

– Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Các nhóm thảo luận ghi chép phần tìm hiểu theo các câu hỏi gợi ý trong nhiệm vụ học tập.

– Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức; nhóm trưởng điều hành báo cáo, thảo luận): Cho các nhóm trình bày nội dung đã tìm hiểu, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và đóng góp ý kiến.

– Kết luận: Nhận xét, đánh giá nội dung đã tìm hiểu của các nhóm.

GV kết luận về tìm hiểu về biển đảo quê hương cùng một số tác phẩm, sản phẩm tranh vẽ về đề tài biển đảo quê hương: có rất nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền, vẻ đẹp thiên nhiên, bảo vệ môi trường biển, khai thác tài nguyên; mỗi nội dung có một ý nghĩa riêng và đều hướng về quê hương, thể hiện tình yêu đất nước,...

Quan sát đường chân trời trong tranh:

Đường chân trời là đường thẳng nằm ngang tầm mắt người quan sát, phân cách giữa mặt đất và bầu trời, giữa bầu trời với mặt nước biển và có thể thay đổi cao, thấp, ngang tùy theo vị trí của người quan sát.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (50 phút)

1. Mục tiêu

Trình bày được ý tưởng cho bài vẽ, lựa chọn nội dung phù hợp, vẽ được bức tranh về biển đảo quê hương; giới thiệu nhận xét và nêu cảm nhận về sản phẩm.

2. Nội dung

Hướng dẫn HS tìm ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm vẽ về đề tài biển đảo quê hương, tổ chức cho HS thực hành sáng tạo sản phẩm; hướng dẫn trưng bày, chia sẻ và nhận xét sản phẩm bài vẽ.

3. Sản phẩm

Thể hiện được ý tưởng bài vẽ của cá nhân hoặc nhóm; thông tin chia sẻ về sản phẩm bài vẽ; các ý kiến trao đổi, thảo luận nhận xét của HS.

4. Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn trên bảng mục tìm ý tưởng theo gợi ý trong SGK, khuyến khích HS chia sẻ về ý tưởng của mình.

– GV giao nhiệm vụ học tập cho HS thực hành vẽ tranh đề tài biển đảo quê hương, có thể chọn một trong hai cách.

- GV tổ chức điều hành HS báo cáo thảo luận:
- + Nội dung (Vẽ nội dung gì? Hình ảnh?,...)
- + Hình thức (Bố cục, đường nét, màu sắc,...)
- + Lựa chọn bức tranh em thích nhất? Vì sao em thích?
- Kết luận, nhận định về sản phẩm học tập của HS:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
GV cho HS chia sẻ nội dung chọn chủ đề Câu hỏi: Em hãy chọn chủ đề, ý tưởng cho bài vẽ? VD: Phong cảnh, vệ sinh môi trường biển, bảo vệ biển đảo, đánh bắt cá, khai thác dầu khí,...	HS thảo luận nhóm, chia sẻ.	Sáng tạo 1.Tìm ý tưởng <i>Bước 1:</i> Xác định nội dung. <i>Bước 2:</i> Chọn hình tượng điển hình. <i>Bước 3:</i> Thực hành.
Nêu các cách vẽ tranh? <i>Cách 1:</i> Gợi ý để HS chọn được hình tượng điển hình và hình thức thể hiện, tìm cách sắp xếp các mảng. GV nhận xét và chốt các bước tìm ý tưởng. <i>Cách 2:</i> GV gợi ý cách 2, GV nhận xét và chốt.	– HS nhận xét. – HS quan sát bài vẽ và nhận xét về cách xếp mảng. – GV hướng dẫn cách bố cục tranh.	2. Cách vẽ <i>Cách 1:</i> – Vẽ hình và bố cục. – Vẽ màu khái quát. – Vẽ chi tiết và hoàn thiện. <i>Cách 2:</i> – Vẽ khái quát hình chính. – Vẽ các mảng màu lớn. – Tiếp tục vẽ màu và diễn tả. – Vẽ chi tiết và hoàn thiện.

Câu hỏi: Em hãy nêu cách làm bài? – GV hướng dẫn cách vẽ. – GV cho HS quan sát bài vẽ mẫu và yêu cầu HS nhận xét về cách xếp mảng hình. – GV tóm lại những cách bố cục cơ bản để HS hình dung ra việc xếp mảng chính, phụ, to, nhỏ hợp lí tạo cho tranh vẽ có bố cục chặt chẽ nổi bật trọng tâm. – GV hướng dẫn HS vẽ mảng trên bảng các bước tiến hành và chốt HS có hai cách thể hiện.	HS quan sát GV hướng dẫn vẽ mảng.	
Câu hỏi: Nhận xét về cách xác định đường chân trời, chọn hình vẽ? GV cho HS xem một số bài vẽ: – GV cho HS nêu nhận xét về cách tìm đường chân trời, chọn hình tượng ở một số tranh có đề tài khác nhau. – GV gợi ý về một đề tài cụ thể và phân tích cách chọn hình tượng để bức tranh có nội dung trong sáng, phù hợp với thực tế cuộc sống. – GV hướng dẫn HS cách sắp xếp hình tượng theo bảng các bước tiến hành. – GV hướng dẫn HS vẽ màu: GV cho HS quan sát một số bài vẽ đã hoàn thiện về màu.	– HS trả lời. – HS quan sát GV phân tích cách chọn hình tượng. – HS quan sát GV hướng dẫn chọn hình tượng.	Vẽ màu.

Câu hỏi: Em hãy nhận xét về màu sắc ở một số bài vẽ? – GV nhắc lại kiến thức vẽ màu trong tranh đề tài. – GV gợi ý và phân tích trên tranh để HS thấy được việc dùng màu cần thiết phải có sự sắp xếp các mảng màu nằm cạnh nhau một cách hợp lí và tình cảm của tác giả đối với nội dung chủ đề; tránh lệ thuộc vào màu sắc của tự nhiên. – GV nhận xét, chốt nội dung yêu cầu HS làm bài.	– HS nêu nhận xét màu sắc ở một số tranh về đề tài khác nhau. – HS lắng nghe. – HS thực hành.	
Lưu ý: + Khi vẽ tranh cần chú trọng đến đường nét, bố cục, vẽ theo hướng từ xa đến gần, từ cao xuống thấp để diễn tả được vẻ đẹp của biển đảo quê hương, tạo nên bức tranh sống động. + Cần xác định vị trí đường chân trời trong tranh. + Bức tranh cần thể hiện được đặc trưng của biển đảo quê hương.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức vào bài học, liên hệ kiến thức lịch sử và địa lí để hiểu hơn về biển đảo quê hương.

2. Nội dung

Hướng dẫn HS tìm ý tưởng để ứng dụng bài học vào cuộc sống.

3. Sản phẩm

Vận dụng kiến thức bài học vào cuộc sống.

4. Tổ chức thực hiện

– GV gợi ý để HS tìm ra ý tưởng ứng dụng đường chân trời trong thực tế, hướng dẫn HS trao đổi, chia sẻ, nhận xét.

– GV hệ thống nội dung kiến thức thông qua bài làm của các em để nhận xét, đánh giá, liên hệ bài học vào cuộc sống.

– Nhận xét, chốt lại nội dung của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung ghi bảng
– Hệ thống kiến thức – Nhận xét, chốt lại nội dung của bài học. – Tuyên truyền và khẳng định được chủ quyền, yêu biển đảo yêu quê hương tươi đẹp của chúng ta	– HS nhận xét. – HS tích cực sáng tạo, thông qua các bài vẽ. – Hoàn thành bài.	– Chọn nội dung ý tưởng. – Sắp xếp mảng hình. – Thể hiện màu. <i>* Bài tập về nhà:</i> – Giao nhiệm vụ học tập cho lớp, nhóm, tổ. – Giao HS chuẩn bị đồ dùng học tập cho bài mới.



Tổ Nghệ thuật

Ngày dạy.....

GV:.....

Bài 11. NGÀY HỘI QUÊ EM

Môn học: Mỹ thuật lớp 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU (YÊU CẦU CẦN ĐẠT)

1. Kiến thức

Kể được tên một số lễ hội và hoạt động trong lễ hội ở Việt Nam; hiểu được nội dung và ý nghĩa của lễ hội; nêu được các màu nóng, màu tương phản thường xuất hiện trong lễ hội; nắm được cách vẽ một bức tranh đề tài lễ hội.

2. Năng lực

2.1. Năng lực mỹ thuật

– Kể tên và mô tả được một số đặc điểm về tạo hình của lễ hội ở Việt Nam, lựa chọn được nội dung phù hợp với đề tài để vẽ tranh; nhận biết được các màu nóng, màu tương phản.

– Trình bày được cách vẽ tranh đề tài lễ hội; sử dụng được màu sắc phù hợp để vẽ được bức tranh đề tài lễ hội.

– Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Suu tầm tranh, ảnh về lễ hội; chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận về nội dung, ý tưởng để vẽ tranh đề tài lễ hội; cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, hoạ phẩm để thực hành tạo sản phẩm.

3. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chăm chỉ, yêu nước, thông qua một số biểu hiện sau:

- Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương, dân tộc thông qua các lễ hội.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng học tập; tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 6, SGV Mĩ thuật 6, tranh, ảnh lễ hội; tranh vẽ của hoạ sĩ hoặc của HS về đề tài lễ hội; bảng màu nóng, lạnh, màu tương phản;...

2. Học sinh: SGK Mĩ thuật 6, Vở thực hành Mĩ thuật 6; màu vẽ, giấy, bút chì,...

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Ổn định tổ chức: GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua: kiểm tra sĩ số; gọi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị. (2 – 3 phút)

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 – 6 phút)

1. Mục tiêu

Tạo hứng thú cho HS, giới thiệu bài học, định hướng khám phá kiến thức mới.

2. Nội dung

Xem một số hình ảnh lễ hội tại địa phương trong video để tìm hiểu về tên lễ hội, thời gian tổ chức, hoạt động tiêu biểu trong lễ hội,...

3. Sản phẩm

Câu trả lời của HS về lễ hội tại địa phương: Tên lễ hội, thời gian tổ chức, hoạt động tiêu biểu diễn ra trong lễ hội,...

4. Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ học tập: Xem video một số hình ảnh về lễ hội tại địa phương và trả lời câu hỏi: Hình ảnh trên video nói về lễ hội nào? Lễ hội được tổ chức vào thời gian nào trong năm? Trong lễ hội có sự kiện nào nổi bật được diễn ra?...

– Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video và trả lời câu hỏi theo yêu cầu cá nhân.

– Báo cáo: Chọn một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời, dẫn dắt vào nội dung bài học vẽ tranh về đề tài ngày hội quê em; trình bày yêu cầu của bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (19 – 20 phút)

1. Mục tiêu

Kể tên và trình bày được một số đặc điểm của lễ hội, ý nghĩa của lễ hội; nhận biết được các màu nóng, màu tương phản; trình bày được cảm nhận về các tác phẩm, sản phẩm tranh vẽ đề tài lễ hội.

2. Nội dung

Tìm hiểu về màu sắc, trang phục, không khí trong lễ hội qua các hình ảnh, video; tìm hiểu các tác phẩm, sản phẩm tranh vẽ về đề tài lễ hội qua nội dung, yếu tố tạo hình của tranh.

3. Sản phẩm

Trình bày nội dung tìm hiểu của nhóm theo câu hỏi gợi ý, các ý kiến trao đổi, thảo luận của HS.

4. Tổ chức thực hiện

– Giao nhiệm vụ: HS được chia nhóm, thảo luận về các nội dung:

Quan sát tranh, ảnh, video về một số lễ hội, tìm hiểu về:

+ Tên của lễ hội.

+ Hoạt động trong lễ hội.

+ Màu sắc, trang phục của nhân vật xuất hiện trong lễ hội.

+ Cảm nhận về không khí của lễ hội.

Quan sát những bức tranh vẽ của họa sĩ và HS trong SGK Mĩ thuật 6, tìm hiểu về:

+ Nội dung đề tài được thể hiện trong tranh.

+ Sắp xếp bố cục nhân vật trong tranh.

+ Điểm đặc biệt về hình dáng nhân vật và khung cảnh trong tranh.

+ Màu sắc của tranh.

– Thực hiện nhiệm vụ (HS thực hiện; GV theo dõi, hỗ trợ): Các nhóm thảo luận, ghi chép phần tìm hiểu theo các câu hỏi gợi ý trong nhiệm vụ học tập.

– Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Cho các nhóm trình bày nội dung đã tìm hiểu, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, đóng góp ý kiến.

– Kết luận, nhận định: Nhận xét, đánh giá nội dung đã tìm hiểu được của các nhóm.

Lưu ý:

– Có rất nhiều lễ hội được tổ chức hằng năm ở Việt Nam. Lễ hội là một sự kiện văn hoá được tổ chức mang tính cộng đồng.

– Lễ hội truyền thống bao gồm phần lễ và phần hội. Phần lễ thường diễn ra ở những nơi trang nghiêm như: trong hoặc trước cửa đình, đền, chùa,... Phần hội về cơ bản diễn ra nhằm thoả mãn nhu cầu vui chơi giải trí và sáng tạo văn hoá của con người thông qua các trò chơi dân gian và địa điểm diễn ra thường ở những bãi đất trống, vạt rừng, trên mặt nước ao, hồ, sông, những nơi rộng rãi,...

- Lễ hội có màu sắc tươi sáng, rực rỡ thể hiện không khí náo nhiệt, vui tươi. Màu sắc được sử dụng trong lễ hội thường là các màu tương phản, màu nóng.
- Mỗi lễ hội có một ý nghĩa riêng: Thường tưởng nhớ công đức các vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, các liệt sĩ, các bậc tiền bối đã có công xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; đáp ứng nhu cầu văn hoá, tín ngưỡng, tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh của nhân dân,...

Bảng gợi ý nhận xét tranh:

Hội làng dân gian truyền thống – Tranh của hoạ sĩ Nguyễn Văn Chuốt + Nội dung của tranh vẽ về ngày hội ở làng quê Việt Nam. + Tranh khai thác góc cảnh rộng thể hiện hình ảnh tung bừng, vui tươi của ngày hội xung quanh với các hoạt động như múa hát, rước rồng, múa lân,... Bố cục trong tranh cân đối, hài hòa. Màu sắc chủ yếu là đỏ, vàng, đen khai thác bảng màu truyền thống của tranh sơn mài. Tranh được chia thành các mảng, hình ảnh dàn trải theo lối đồng hiện, thể hiện được không khí náo nhiệt, rộn ràng vui tươi. Đường nét trong tranh mềm mại, sinh động thể hiện nét đặc trưng các thể dáng, động tác của nhân vật. Tác phẩm có sự kế thừa của nghệ thuật chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam, mang vẻ đẹp hồn hậu, vui tươi, mộc mạc của lễ hội làng quê. Qua tác phẩm, tác giả đã thể hiện niềm tự hào với truyền thống văn hoá của dân tộc, tình yêu với quê hương, đất nước.	Lễ hội Cầu ngư – Tranh của HS Nguyễn Trần Pha Lê + Nội dung tranh vẽ về hoạt động đua thuyền trên biển thuộc lễ hội Cầu ngư. Đây là lễ hội thể hiện bản sắc văn hoá dân gian đặc sắc, mang tính vùng miền của ngư dân vùng biển. + Hình dáng, đường nét trong tranh rất sinh động, thể hiện được nét đặc trưng của động tác khi đua thuyền (trọng tài, người chèo thuyền, người đánh trống). Hình ảnh chính là những người chèo thuyền được vẽ to, rõ ràng ở trung tâm của bức tranh, các hình ảnh phụ được sắp xếp hài hoà tạo bố cục cân đối. Tác giả đã miêu tả kĩ về trang phục, nét mặt của những người khi tham gia lễ hội, các chi tiết trang trí trên thuyền, trống hội. Màu sắc trong tranh tươi sáng, rực rỡ thể hiện được không khí rộn rã, vui tươi.
--	--

Lễ hội Cồng chiêng – Tranh của HS Mai Thị Hoài

+ Tranh vẽ về lễ hội Cồng chiêng ở Tây Nguyên bên mái nhà rông.

+ Hình ảnh người dân đang tung bùng nhảy múa cùng các nhạc cụ chiêng, trống được vẽ rất sinh động, trong các tư thế thay đổi linh hoạt: người đứng giơ tay, người quỳ, người đang uốn mình để chơi chiêng trống. Đường nét, hình ảnh trong tranh cho thấy mọi người đang say sưa theo điệu nhạc, hoà vào không khí vui tươi, rộn ràng. Trang phục được mô tả đúng đặc trưng của người dân tộc Tây Nguyên, màu sắc tươi sáng rực rỡ, không gian trong tranh được vẽ theo không gian thực (gần to, xa nhỏ) với bố cục cân đối.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (50 – 51 phút)

1. Mục tiêu

Trình bày được ý tưởng cho bài vẽ tranh, lựa chọn được nội dung phù hợp, vẽ được bức tranh về đề tài lễ hội; giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật.

2. Nội dung

Hướng dẫn HS tìm ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm tranh vẽ về đề tài lễ hội, tổ chức cho HS thực hành sáng tạo sản phẩm; hướng dẫn trưng bày, chia sẻ và nhận xét sản phẩm tranh vẽ.

3. Sản phẩm

Ý tưởng bài vẽ tranh, tranh vẽ về đề tài lễ hội của cá nhân/nhóm, thông tin chia sẻ về sản phẩm tranh vẽ của cá nhân/nhóm, các ý kiến trao đổi, thảo luận, nhận xét của HS.

4. Tổ chức thực hiện

– GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài vẽ tranh theo gợi ý trong SGK, khuyến khích HS chia sẻ về ý tưởng của mình với các bạn trong lớp, trao đổi về phương pháp vẽ tranh.

– GV hướng dẫn, thị phạm minh hoạ một số thao tác chính, kết hợp giảng giải, tương tác với HS và gợi mở cách thực hiện:

+ Có thể vẽ toàn cảnh lễ hội với nhiều hoạt động hoặc chỉ chọn một hoạt động tiêu biểu của lễ hội để thể hiện.

+ Xác định các mảng chính, mảng phụ: chú ý sự cân đối, hài hoà về bố cục.

+ Vẽ hình ảnh chi tiết vào các mảng chính và phụ: chú ý trang phục, tư thế các nhân vật khác nhau để tạo được các hình dáng sinh động, những chi tiết cờ sử dụng trong lễ hội, công trình kiến trúc đặc trưng gắn với lễ hội,...

+ Vẽ màu rực rỡ, phù hợp với không khí lễ hội để tạo không khí vui tươi, sôi nổi.

– *Cách 1*: Vẽ chi tiết bằng chì trước rồi vẽ màu sau:



Bước 1



Bước 2



Bước 3

– *Cách 2*: Nếu vẽ bằng các màu như màu bột, màu gouache thì có thể vẽ mảng màu trước và vẽ các chi tiết sau:



Bước 1



Bước 2



Bước 3

Tuỳ theo điều kiện thực tế và khả năng của HS, GV sẽ hướng dẫn kĩ hơn về cách vẽ nét trước, vẽ màu sau hay vẽ mảng màu trước, vẽ nét sau. GV nên cho HS quan sát thêm một số bức tranh lễ hội (cả tranh đẹp và chưa đẹp) để HS hiểu thêm về bố cục tranh, cách sử dụng màu sắc, chi tiết trang trí trên tranh.

– Giao nhiệm vụ học tập: HS thực hành vẽ tranh đề tài lễ hội theo ý tưởng riêng, có thể lựa chọn một trong hai cách hướng dẫn trong SGK để vẽ tranh.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện bài vẽ tranh, GV theo dõi, hỗ trợ trong quá trình thực hành, luyện tập.

– Báo cáo, thảo luận (GV tổ chức, điều hành; HS báo cáo, thảo luận): Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm lên bảng hoặc xung quanh lớp để HS giới thiệu, chia sẻ về bức tranh của mình theo gợi ý:

+ Nội dung tranh (vẽ về lễ hội gì, có những hoạt động nào, nhân vật ra sao,...)

+ Hình thức thể hiện (bố cục, đường nét, màu sắc,...).

+ Lựa chọn bức tranh em thích và giải thích vì sao.

– Kết luận, nhận định: Phân tích, nhận xét về sản phẩm học tập của HS phải hoàn thành theo yêu cầu bài học; dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo, kết hợp bồi dưỡng, giáo dục HS ý thức bảo tồn truyền thống văn hoá dân tộc; khi tham gia các lễ hội tuân thủ hướng dẫn của ban quản lý di tích, bảo vệ môi trường cảnh quan của lễ hội và các di tích lịch sử.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (9 – 10 phút)

1. Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức bài học về màu sắc trong lễ hội vào cuộc sống.

2. Nội dung

Hướng dẫn HS tìm ý tưởng để ứng dụng bài học vào cuộc sống.

3. Sản phẩm

Ý tưởng vận dụng kiến thức bài học vào cuộc sống.

4. Tổ chức thực hiện

– GV gợi ý cho HS để tìm ra các ý tưởng ứng dụng kiến thức về màu sắc (màu nóng, màu tương phản) trong bài học vào thực tiễn. Cho HS phát biểu, trao đổi, nhận xét về các ý tưởng. Ví dụ: sử dụng màu sắc rực rỡ tươi vui của lễ hội để trang trí ở nhiều hoạt động khác nhau trong cuộc sống như tổ chức sinh nhật cho bạn, trang trí góc học tập, bảng tin của lớp, thiết kế trang phục cho ngày hội ở trường, cách thức tổ chức một số trò chơi dân gian cho HS.

– GV cần hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

+ Lễ hội có rất nhiều hoạt động phong phú và đa dạng, mang đặc trưng riêng của các dân tộc ở các vùng miền khác nhau. Lễ hội là nơi gìn giữ giá trị văn hoá, bản sắc truyền thống của các dân tộc. Vẽ tranh đề tài lễ hội cũng là một cách lưu giữ truyền thống văn hoá Việt Nam.

+ Trong lễ hội, các màu tương phản, màu nóng thường được sử dụng để thể hiện không khí vui tươi, sôi nổi.

+ Các cặp màu tương phản (vàng và tím, đỏ và xanh lục, cam và xanh lam) khi đứng cạnh nhau sẽ tôn nhau lên, thêm rực rỡ và thu hút thị giác.

+ Màu nóng là các màu gần với màu đỏ (như vàng, cam, nâu đỏ, hồng) tạo cảm giác ấm nóng, lôi cuốn.

GV nhắc HS:

+ Xem trước Bài 12, SGK Mĩ thuật 6.

+ Chuẩn bị đồ dùng học tập cho Bài 12.

MỤC LỤC

Trang

PHẦN 1: NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT LỚP 6		4
PHẦN 2: GỢI Ý PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ		17
PHẦN 3: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 6		27
CHỦ ĐỀ: KẾT NỐI BẠN BÈ		27
Bài 1	Chân dung bạn em	27
Bài 2	Tạo hình nhóm nhân vật	33
Bài 3	In tranh kết hợp nhiều bản khắc	39
CHỦ ĐỀ: DI SẢN MĨ THUẬT		45
Bài 4	Nghệ thuật tạo hình tiền sử và cổ đại	45
Bài 5	Sáng tạo hoạ tiết trang trí	51
CHỦ ĐỀ: MĨ THUẬT VÀ THIÊN NHIÊN		58
Bài 6	Tạo hình cá bằng lá cây	58
Bài 7	Thời trang cho vật nuôi	65
Bài 8	Vẽ mẫu có dạng khối cầu	71
Bài 9	ÔN TẬP HỌC KÌ I	78
CHỦ ĐỀ: QUÊ HƯƠNG TƯƠI ĐẸP		82
Bài 10	Biển đảo quê hương	82
Bài 11	Ngày hội quê em	88
CHỦ ĐỀ: NHÀ THIẾT KẾ TÀI HOA		95
Bài 12	Tạo hình và trang trí chữ	95

Bài 13	Thiết kế tạo dáng ô tô	101
Bài 14	Thiết kế thiệp chúc mừng	107
CHỦ ĐỀ: SÔNG XANH		113
Bài 15	Thiết kế túi giấy	113
Bài 16	Tạo hình đồ chơi bằng vật liệu tái chế	118
Bài 17	ÔN TẬP HỌC KÌ II	124
KẾ HOẠCH BÀI DẠY MẪU		127



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm, tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

NGUYỄN ĐỨC HUY
NGUYỄN THUY LINH

Thiết kế sách:

VŨ HOÀNG VŨ

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Sửa bản in:

BÙI THỊ BÍCH HƯỜNG

Trong sách có sử dụng tranh và hình ảnh của một số tác giả. Xin trân trọng cảm ơn!

MĨ THUẬT 6 SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

ISBN:

In, khổ 17 x 24cm, tại

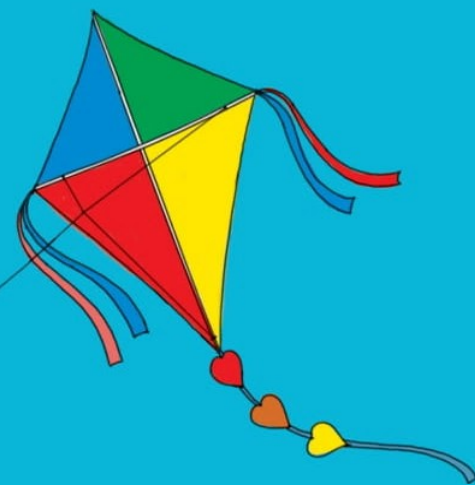
Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2021

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 **Cánh Diều**

1. Ngữ văn 6 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 6 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 6
4. Lịch sử và Địa lí 6
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Tin học 6
8. Giáo dục thể chất 6
9. Âm nhạc 6
10. Mĩ thuật 6
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
12. Tiếng Anh 6 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 6 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiều.monkey.edu.vn>

ISBN 978-604-54-8103-5



9 786045 481035